

Độc Thánh Tôma Aquinô

Vũ Văn An
19/Jul/2021

Mary Twibill Clark, Dòng Thánh Tâm, là một nhà học thuật và tranh đấu dân quyền Hoa Kỳ. Bà được biết đến nhiều hơn như là giáo sư lịch sử triết học, đặc biệt về Thánh Augustinô.

Bà nhập Dòng Thánh Tâm năm 1939 sau khi tốt nghiệp Cao Đẳng Manhattanville và đã dành phần lớn đời sống còn lại dạy triết học tại Cao Đẳng này. Một nghề giáo sư triết học Kitô giáo tại Cao Đẳng này mang tên bà.

Bà từng là Chủ tịch Hội Triết học Công Giáo Hoa kỳ, Hội Siêu Hình học Hoa kỳ và Hội Triết học Trung cổ và Phục hưng...

Bà cũng là giáo sư thỉnh giảng của các Đại Học San Francisco, Fordham, Villanova, Fairfield, và Marquette.

Trong số tác phẩm của bà (ít nhất 10 cuốn), có cuốn An Aquinas Reader trích dẫn các bài viết đủ loại, có những bài chưa được ai khai phá, của Thánh Tôma Aquinô được bà xếp thành 5 mục lớn: Thực tại, Thiên Chúa và Thế giới, Con người, Con người Luân lý, và Con người Tôn giáo. Ngoài phần Dẫn nhập tổng quát, mỗi mục đều có phần dẫn nhập của bà.

Nhận thấy các hướng dẫn và nhận định của bà rất thông sáng về Thánh Tôma, chúng tôi cố gắng dựa vào các dẫn nhập này để phần nào tìm hiểu về Thánh Tiến Sĩ Thiên Thần.



Tổng quát

Đối với Clark, Thánh Tôma chủ yếu nói về hiện hữu. Quả quyết này không hẳn là một nghịch lý cho bằng là một sự kiện. Mỗi tạo vật đều có hiện hữu riêng, đồng thời liên hệ với các hiện hữu khác và với Thiên Chúa. Các liên hệ này có tính yếu tính đối với các tạo vật đến nỗi ta có thể gọi chúng một cách đích đáng là các điều kiện cần thiết cho hiện sinh của chúng. Các liên hệ nền tảng và không thể thiếu này không nên bao giờ bị coi như “tùy thể” [accidents] trong cách xếp loại “các tùy thể” của Aristôt. Vì nhìn các sự vật hữu hạn mà không nhìn các liên hệ hữu thể học của chúng, trường phái Aristôt mới xem xét tự nhiên ở bên ngoài Thiên Chúa.

Thánh Augustinô bác bỏ quan điểm về tự nhiên này. Thánh Tôma không bao giờ bàn đến nó, mặc dù ngài chấp nhận nhiều cái nhìn thông sáng của Aristôt. Dù Thánh Augustinô là người nhấn mạnh rằng không có Thiên Chúa, tự nhiên không thể là chính nó, nhưng chính phân tích siêu hình của Thánh Tôma đã làm rõ việc “hành vi hiện hữu” không thể phát xuất từ bất cứ ai nếu không phải là Thiên Chúa và khi con người hữu hạn được nhìn nhận như tiếp nhận hiện hữu từ Thiên Chúa, các khả thể thay đổi của họ trở thành vô hạn. Điều này không làm cho mối liên hệ của tự nhiên với Thiên Chúa thành nội tại [intrinsic] để mối liên hệ với Thiên Chúa như Đấng ban hiện hữu (Nguyên nhân đệ nhất trong ngôn ngữ vật lý) nên được dùng để định nghĩa sự vật được tạo dựng. Nhưng nó quả có làm cho mối liên hệ với Thiên Chúa thành hậu quả tất yếu của hữu thể được tạo dựng hay được Người kêu gọi.

Không, tạo vật là chính nó, có thực chất một cách vững mạnh, trung tâm của tự lập [autonomy]. Nhưng ngay sau đó, Thánh Tôma mau mắn nói với chúng ta rằng kiểu hiện hữu của tạo vật, hiện hữu hữu hạn, cung cấp cho nó một mối liên hệ cởi mở, năng động với Hữu Thể Sáng Tạo Tuyệt Đối. Mối liên hệ này không những là nguồn mọi hiện hữu mà còn là nguồn của mọi phát triển. Và nếu đây là điều gọi là tự nhiên đang diễn biến, nền triết học về hiện hữu sẵn sàng chấp nhận nó.

Nhưng thay vì dùng chữ “diễn biến” [process] để chỉ đặc tính diễn tiến [ongoing] và năng động của thực tại hữu hạn, Thánh Tôma dùng chữ “tham dự” [participation] để nói rằng tự nhiên “đang trở thành”, lúc nào cũng năng động cởi mở đón chào siêu việt.

Nhờ cho thấy cơ cấu yếu tính/hiện hữu của các tạo vật trong khuôn khổ mối liên hệ hiện sinh với Thiên Chúa, Thánh Tôma đã có thể giữ lại được việc Platông nhấn mạnh tới tính nguyên nhân kiểu mẫu [exemplar causality] (nghĩa là mọi thực tại hữu hình đều phản chiếu hay mô phỏng thực tại khả niệm [intelligible reality], vốn là kiểu mẫu hay ý niệm của nó) cũng như học thuyết của Thánh Augustinô coi tạo vật như hình ảnh Thiên Chúa, một giáo huấn lấy từ Sách Sáng Thế. Không phải sinh viên học triết nào cũng hiểu rằng nhờ không ở lại bình diện phân biệt của Aristôt giữa bản thể và tùy thể, nhưng nhờ vào sâu hơn qua việc phân biệt yếu tính với hiện hữu, Thánh Tôma đã thoát được các phạm trù của Aristôt về bản thể [substance] và chín tùy thể: phẩm chất, chất lượng, tương quan... Hiện hữu như vô hạn trở thành kiểu mẫu của mọi tham dự viên hữu hạn. Nhưng những thể hữu hạn này không chỉ họa lại kiểu mẫu của chúng một cách ngoại tại. Lý thuyết hình ảnh được Platông liên hệ với các mô thức [forms] và được Thánh Augustinô liên hệ với các ý niệm của Thiên Chúa đã được Thánh Tôma chuyển vị thành học thuyết tham dự qua đó, tạo vật dự phần một cách nội tại và giới hạn vào “hiện hữu” với mọi sự hoàn hảo hiện hữu vốn mang theo mình. Trong khuôn khổ này, “họa hình” nay có nghĩa “hiện hữu” [to be] theo Kiểu Mẫu Tối Cao, tức thiêng liêng, thông nhất, biết, sống, tự do. Đây là Thiên Chúa họa hình hiện hữu, hành động. Hơn nữa, do đó, cái ác của con người bắt nguồn từ việc không giống Thiên Chúa.

Điều Thánh Tôma làm là nhận diện sự hoàn hảo có tính trung tâm, *esse* [hiện hữu] trong đó, mọi sự vật tham dự vào. Sau đó, ngài cho thấy việc có hiện hữu đòi một nguyên nhân kiểu mẫu tác thành [efficient] và có tính mô thức [formal] và vì con người là một trong những thể hiện hữu này, kiểu mẫu của họ phải có bản vị, là hữu thể bất tham dự, và mọi sự vật đều giống Thiên Chúa bao lâu chúng có hiện hữu. Dĩ nhiên, hiện hữu này nội tại nhất của mọi hoàn hảo. Không có hiện hữu, không có gì có thực chất cả. Vì tình thể hiện hữu này, một điều được phản ánh trong xu hướng của trí hiểu hướng tới Hữu Thể Tuyệt Đối trong sinh hoạt nhận thức của nó, ta có thể sở đắc một nhận thức tích cực nào đó về Thiên Chúa nhờ nhận thức các tạo vật bao lâu việc chiếm hữu hiện hữu là nền tảng cho một loại suy giữa các hữu thể hữu hạn và Hữu Thể Vô Hạn.

Nhờ nền siêu hình của ngài về một hiện hữu chung cho mọi sự vật và riêng cho từng sự vật, Thánh Tôma cũng như Thánh Augustinô coi con người như hiện hữu một cách căn đẽ “hướng về Thiên Chúa” [ad Deum] và vì họ chung chia hiện hữu với mọi tạo vật, về hàng ngang, con người liên hệ với mọi tạo vật như một con-người-trong-thế-giới. Vì hiện hữu [esse] nhờ đó, mỗi hữu thể tự tồn [subsistent], khác biệt, độc đáo là hiện hữu một cách hợp nhất với mọi hữu thể. Tính độc đáo bản vị trong viễn tượng này không chống đối cộng đồng con người. Do đó, không bao giờ là việc đúng khi xếp nền thần học của trường phái Tôma về thực tại như một học thuyết về các bản thể cô lập hay như một hệ thống ý niệm tĩnh tụ, trái với các bản văn của phái này. Ghi nhận như thế, điều rõ ràng là trong các chủ đề siêu hình học cũng như các chủ đề nói đến Thiên Chúa và con-người-trong-thế-giới cũng như các chủ đề về con người như chủ thể luân lý và tôn giáo, điều chủ yếu nơi thánh Tôma là hiện hữu.

Tiểu sử Thánh Tôma Aquinô

Biết Thánh Tôma là biết tâm trí trung cổ ở điểm tốt đẹp nhất, mạnh mẽ nhất và quả tình hiện đại nhất. Vì ngài vượt thời gian, người của muôn thế hệ. Tư tưởng của ngài vốn ảnh hưởng tới các nhà nghệ thuật đa dạng như Dante, T.S. Eliot và James Joyce, các nhà thần học đa dạng như John Courtney Murray và Karl Rahner, các triết gia không giống nhau như Edit Stein và Jacques Maritain, các nhân vật chính trị như Eugene McCarthy. Con người hiện đại có gốc có rễ hơn là họ nghĩ. Và nếu, như John H. Randall từng viết trong *Studies in Civilization*, triết gia hiện đại nhất không phải là Descartes mà là Thánh Tôma, ta có thể chính đáng nói rằng ít nhất một số gốc rễ của chúng ta nằm trong mảnh đất màu mỡ của tư duy Tôma. Và vì lý do này, ta có nghĩa vụ biết đôi điều về con người xuất chúng này.



Ta thường có xu hướng nghĩ tới Thánh Tôma như một thầy giáo. Đối với chúng ta, dường như điều đáng lưu ý là bất cứ ai, nhất là các thầy giáo, có thể soạn tác cả trăm công trình tư duy có cấu trúc gắn bó, lý luận thận trọng và luôn luôn sáng tạo trong một cuộc đời chỉ kéo dài 49 năm. Chắc chắn, thời ngài là thời không bị phân tâm bởi các phương tiện truyền thông và cái ồn ào ầm ĩ của các diễn giả trên các bục hướng dẫn thảo luận hay trên các diễn đàn hội nghị. Có lẽ yếu tố gây phiền nhiễu hơn cả đối với việc nghiên cứu của chúng ta là việc có nhiều học giả khác cùng nghiên cứu một lãnh vực nhưng theo một truyền thống hay tư duy mâu thuẫn hẳn.

Đúng nghĩa, công trình của Thánh Tôma chính là đời sống của ngài vì đời sống ngài là đời sống nội tâm, đời sống của tâm trí và tinh thần. Thế nhưng nó cũng là một đời sống nhiều hứng thú: ngồi tù cả một năm trường; người được ít nhất một Đức Giáo Hoàng quý mến; tâm điểm tranh cãi trong sinh hoạt Đại Học và tư duy triết học; nhà canh tân trí thức không được các bạn đồng dòng Đaminh và các thẩm quyền Giáo Hội đánh giá cao, phần nào giống Pierre Teilhard de Chardin thời ta; người đi trước phong trào đại kết để chấm dứt sự phân lý Đông Tây; người thăm dò các nguồn nguyên thủy một cách khẩn thiết hơn cả các nhà thần học và triết học ngày nay; một nhà cải cách chủng viện; một chuyên viên tại các Công Đồng của Giáo Hội và các đại công nghị của Dòng; giáo sư tại 3 Đại Học. Quả thực ngài đã hoàn tất một đời sống dài trong một khoản thời gian ngắn ngủi!

Đức Hônôriô III làm Giáo Hoàng và Frederick làm hoàng đế khi Thánh Tôma sinh ra ở quận Aquinô gần Naples, khoảng năm 1225, con trai út của một bà mẹ quê Norman, Bà Teodora, vợ thứ hai của Ông Landolfo, một người quê Lombard có ít nhất 8 người con. Lên 5, được dẫn tới Đan viện Monte Cassino làm hội viên giáo dân [oblate] của Dòng Bê-nê-đi-cô và ở đó cho tới khi buộc phải rời đan viện bị chính trị đe dọa lúc 14 tuổi, nhưng trước khi thực sự được lôi cuốn bởi đời sống tu trì. Việc tốt nghiệp Đại Học Hoàng Gia ở Naples dẫn Thánh Tôma vào hai lực lượng trong đời ngài sau này: Aristôt và Dòng Đaminh. Thầy dạy ngài về triết học tự nhiên, Peter Ái Nhĩ Lan, là người chú giải Aristôt rất cẩn trọng và có công làm cho Thánh Tôma không ưa phương pháp diễn giải dài dòng [paraphrasing] của ông thầy tương lai, tức Thánh Albertô Cả. Cha bề trên cả Dòng Đaminh, Jordan Thành Saxony, có lần đến đại học này nơi các cha Dòng Đaminh giảng dạy thần học và rất có thể Thánh Tôma, lúc đang học ở đó, được nghe vị này giảng thuyết. Tuy nhiên, chính với ý kiến của một cha dòng Đa Minh khác, John Thành San Giuliano, mà Thánh Tôma, lúc 17 tuổi, trở thành tập sinh Đa Minh. Sợ bị gia đình ngài chống đối, các bề trên gửi ngài qua Rôma, sau đó qua Paris. Nhưng các anh ngài, do bà mẹ thúc đẩy, đã tìm cách ngăn cản và bắt cóc ngài, đưa ngài trở lại lâu đài gia đình. Họ giam giữ ngài tại đó, tìm cách phân tâm, quấy rối ngài, và cuối cùng còn nhờ một phụ nữ quyến rũ ngài để ngài từ bỏ ơn gọi đi tu. Với khúc củi đang cháy dở, ngài xua đuổi những kẻ căm dỗ ra khỏi phòng và bắt đầu đào vốn hiểu biết Kinh Thánh, nghiên cứu cuốn *Bốn Sách Các Luận đề Thần học* [*Libri Quattuor Sententiarum*] của Peter Lombard và sau khi đọc Aristôt đã viết một tiểu luận tựa là *Các Ý Kiến Sai Lầm* [*Fallacies*].

Sự cương quyết hiến mình cho Chúa của Thánh Tôma khiến gia đình phải thả ngài ra sau một năm giam giữ. Điều may mắn là thời gian này được kể như năm thử của thời kỳ tập sinh. Ngay sau đó, ngài được bề trên gửi qua Paris. Từ đó, Thánh Albertô Cả dẫn ngài qua Cologne, học thần học tại chủng viện 4 năm và được thụ phong linh mục tại nhà thờ chính tòa Cologne. Chính tại Cologne, thiên tài thần học của Thánh Tôma được phát hiện khi Thánh Albertô khám phá ra cuốn chú giải cực kỳ tinh tế và độc đáo về *Các Tên của Thiên Chúa* [*Divine Names*] bằng chữ viết tay của Thánh Tôma. Sau đó, ngài trở lại Paris học thêm 4 năm thần học cao cấp nữa và lấy được bằng cử nhân Kinh Thánh và giảng viên Kinh Thánh và năm 1256, ngài lấy được bằng cao học thần học. Nhưng việc bổ nhiệm ngài làm giáo sư đại học cần đến sự can thiệp của Đức Alexander IV năm 1257. Việc này đưa đẩy ngài trở thành tâm điểm tranh cãi, cả về học thuật, giáo hội học, triết học và thần học.

Thế kỷ 13 là thế kỷ chuyển tiếp, trong đó, người ta chứng kiến việc tái sinh tinh thần Phúc Âm nơi hai dòng khất sĩ là Phanxicô và Đa Minh. Hai dòng này bắt đầu phái các tu sĩ của mình đi khắp các ngã đường để gặp gỡ người ta tại chính nơi họ cư ngụ và tụ tập. Lúc ấy cũng là lúc nền giáo dục phát triển, các trường nhà thờ chính tòa trở thành các đại học, chuyển từ quê ra thành phố. Hai dòng này không bỏ lỡ những nơi ấy, vì theo họ, đức khó nghèo không phải để chứng tỏ mình thánh thiện mà phải chuẩn bị để họ chuyển dịch nhanh

chóng đến bất cứ nơi nào Phúc Âm cần được truyền giảng. Điều làm cho mình liên quan là điều quan trọng. Và Thánh Tôma, cũng như Thánh Bonaventura của Dòng Phanxicô, coi việc mình can dự vào giáo dục Đại Học là điều hết sức có liên quan.

Tuy nhiên, việc tu sĩ các dòng khát sĩ pha mình vào việc giảng dạy Đại Học, nhất là đại học Paris, bị các giáo sĩ triều phản đối vì cho rằng họ không có quyền ấy; dù sao các Đại Học này vốn đặt dưới quyền kiểm soát của các giáo phận. Từ việc phản đối này, còn phát sinh cả một phong trào làm giảm giá trị của đời sống tu dòng. Chính trong bối cảnh này, có cuốn *Các Nguy Hiểm Hiện Nay* [*Contemporary Dangers*] của William Thành St. Amour công kích quyền giảng dạy của các dòng khát sĩ và đời sống tu trì của họ. Thánh Tôma đáp lễ bằng cuốn *Bênh vực Các Dòng Tu* [*Apology for Religious Orders*]. Mặc dù bị Tòa Thánh kết án năm 1256, William vẫn tiếp tục chống đối các dòng khát sĩ và vẫn cho phổ biến cuốn sách trên của ông ta tuy có đổi tên và sửa đổi. Để trả lời cuộc tấn công năm 1269 của Gerard Thành Abbeville với cuốn *Chống Sự Hoàn Thiện Kitô Giáo* [*Against Christian Perfection*], Thánh Tôma viết cuốn *Về Sự Hoàn Thiện của Đời Sống Tu Dòng* [*On the Perfection of Religious Life*]. Điều đáng lưu ý là cung giọng rất thanh thản mà đầy thuyết phục của Thánh Tôma trong các khảo luận này, luôn hy vọng đạt được sự hiểu biết lẫn nhau.

Với ngài, nói với những người bất đồng với mình là chính chứ không phải phản bác họ. Thái độ đối thoại này là điều rất tự nhiên nơi Thánh Tôma, nó phản ánh trong mọi lập luận của ngài trong các Tổng luận, các khảo luận cũng như trong các kỹ thuật bình luận, chú giải của ngài.

Và vì ngài tận tụy đối với các quan tâm trí thức thời ngài, nên đời ngài hoàn toàn là câu chuyện của những cuộc gặp gỡ các giáo sư Paris, các giám mục vấn kế, các môn đồ của Mahômét và các bậc thầy của Chính Thống giáo Hy Lạp, các tư tưởng gia cổ điển và đương thời, các thần học gia giáo phụ và tiên phong.

Và trong bất cứ thời đại nào trong đó Giáo Hội cố gắng đổi mới cái hiểu về chính mình, ta đều thấy có sự quan tâm đến vấn đề hợp nhất Kitô giáo để đáp ứng lời cầu xin của Chúa Giêsu “để chúng nên một”. Và do đó, không ngạc nhiên gì khi một vị Giám Mục Hy Lạp ở miền nam Nước Ý, trong cố gắng hoà giải giữa Rôma và Constantinople, đã viết cuốn *Chống Các Sai Lầm Của Giáo Hội Hy Lạp* [*Against The Errors of the Greek Church*]. Thánh Tôma đã duyệt xét cuốn này theo yêu cầu của Đức Urbanô IV. Một cố gắng khác nhằm tìm cơ sở chung với người Hy Lạp, Ácmêni, và Hồi Giáo là lá thư gửi *Lĩnh Xướng Viên Thành Constantinople* [*Cantor of Constantinople*] trong đó các lý lẽ luân lý và triết học của đức tin Công Giáo được trình bày. Điều cũng đáng lưu ý là trong tư cách chuyên viên của Đức Urbano IV, Thánh Tôma được lệnh thu thập các chú giải đa dạng của các giáo phụ Hy Lạp và La Tinh về 4 sách Tin Mừng. Kết quả là một bình luận liên tục của 22 giáo phụ La Tinh và 57 giáo phụ Hy Lạp được hiệu đính dưới tiêu đề *Catena Aurea* (Dây Chuyền Vàng). Các trước tác này và trước tác chính *Tổng Luận Giáo Huấn Kitô Giáo* [*Summa Contra Gentiles*] là nhằm tạo sự hợp nhất Kitô giáo. Và tư duy thần học riêng của Thánh Tôma, chịu ảnh hưởng sâu xa của nhà huyền nhiệm học Kitô giáo Đông Phương là Dionysius Ngụy Danh Areopagite, đã góp phần làm ngài dễ dàng được các xu hướng Đông Phương tiếp nhận. Dù sao, chính một giáo phụ Hy Lạp, Maximus Hiên Tu, đã dẫn đường trong việc hoà hợp các nãi trạng Đông Tây. Có tính biểu tượng hơn cả là cuộc công du cuối cùng của Thánh Tôma tới Lyon tham dự Công đồng của Giáo Hội nhằm cổ vũ sự hợp nhất về đức tin giữa Đông và Tây.

Với nhiều bình luận khác nhau, Thánh Tôma tỏ ra là một nhà nghiên cứu cố gắng thảo luận

với chứ không nhằm thắng vượt một tác giả đáng kính nào. Do đó, ngài tìm cách hiểu các nguyên tắc căn bản hướng dẫn cấu trúc tư duy của tác giả. Nếu thấy các nguyên tắc này vững vàng về phương diện trí thức, ngài sẽ bỏ qua nhiều kết luận ngài vốn không thuận ý và sẵn sàng cho biết ngài nhất trí về căn bản với tác giả. Nhờ có óc tương cảm [empathy], ngài khám phá được các khai triển do các chủ trương có tính lịch sử cho phép. Cố gắng đại kết của Thánh Tôma như một nhà bình luận trong việc xử lý các bản văn mâu thuẫn nhau một cách triệt để của các tác giả như Boethius, Dionysius, Aristot, và Proclus có tính đặc biệt quan yếu trong dự án này. Bởi thế, khi ta nghe người ta tố cáo ngài phi lịch sử trong việc xử lý các bản văn, ta nên nhớ rằng một tác giả được phán đoán bằng các mục tiêu của mình. Trong trường hợp Thánh Tôma, mục tiêu là cái hiểu thần học để cổ vũ sự hoà hợp trí thức chứ không phải nền bác học lịch sử. Thánh Tôma có cảm thức này là hòa hợp tâm trí, ích chung, là điều tiên quyết của bất cứ cuộc đối thoại nào nếu muốn hy vọng đạt được sự nhất trí.

Thế nhưng, xác tín của Thánh Tôma rằng mọi người nên được phép lên tiếng cho chính mình đã làm ngài không hài lòng với các bản dịch đã đưa Aristot vào Âu Châu thế kỷ 13. Vì các bản văn này đi từ tiếng Hy Lạp qua tiếng Syria, rồi Ả Rập và Latinh, nên khó mà gọi chúng là các bản văn nguyên thủy hay nguồn đệ nhất. Bởi vậy, Thánh Tôma đã nhờ một chuyên gia Hy Lạp, William Thành Moerbeke, dịch các tác phẩm tiếng Hy Lạp của Aristot sang tiếng La Tinh. Bất cứ ai nghiên cứu hồ sơ các cam kết của Thánh Tôma đều phải thừa nhận rằng ngài tuyệt đối không có thì giờ để phiên dịch cho mình, trong khi cần thiết phải có các trước tác bằng tiếng La Tinh để các sinh viên ở Đại Học Paris sử dụng, vì đại học này là nơi người ta dùng tiếng La Tinh để giảng dạy. Điều này quả là bước đầu tiên hướng tới các bản văn chân chính và Thánh Tôma quả là người có cảm thức lịch sử. Ngài là người đầu tiên tuyên bố năm 1268 rằng tác phẩm *Về Các Nguyên Nhân* [*On Causes*], vốn được lưu hành ở Âu Châu như là trước tác của Aristot, thực ra là các *Yếu Tố Thần Học* [*Elements of Theology*] của Proclus. Nếu ngài khám phá ra điều này trước khi viết *Bình luận về Các Tên Thiên Chúa của Dionysius* [*Commentary on Dionysius' Divine Names*], thì hẳn ngài nhận ra rằng trong công trình ấy, Dionysius trích dẫn thẳng từ Proclus và do đó, không phải là môn đệ thế kỷ thứ nhất của Thánh Phao lô như ông ta vốn được biết như thế. Có lẽ Thánh Tôma cảm thấy thoải mái trong cuộc đối thoại với Dionysius là vì tinh thần Tân Platông mà vị này vốn có chung với Thánh Augustinô, người mà ngài tôn kính. Vì người ta cho rằng Cuốn Các Luận đề Thần học của Peter Lombard có tới 80 phần trăm lấy của Thánh Augustinô, điều mà Thánh Tôma không đồng ý chút nào; nhưng cuốn Bình luận của ngài là một cuộc đối thoại lý thú và đôi khi cho thấy nhiều bất đồng với những người cùng thời như Thánh Albertô và Thánh Bonaventura.

Sự kiện các trường phiên dịch được thiết lập ở Toledo và Silicy cho thấy sự nóng lòng của các nhà bác học trung cổ muốn học hỏi từ người Hồi giáo và người Do Thái giáo. Và quả Thánh Tôma có học hỏi như thế. Trước nhất là từ Avicenna, người khai mở một trào lưu mới của Thuyết Platông và Tân Platông với những đóng góp triết học lớn lao, ý niệm “đi ra và trở về”, hay phát khởi và quay về [progression and conversion] của vũ trụ, và nhất là “tham dự” [participation], tức lý thuyết cho rằng các mô thức hạ đẳng trong thế giới gồm “nhiều mô thức” chia sẻ sự hoàn hảo của mô thức lý tưởng duy nhất mà chúng giống một cách xa xôi. Thánh Tôma không bao giờ bác bỏ lý thuyết này hoàn toàn, bao lâu ngài còn chấp nhận hệ luận của nó là mọi hữu thể hữu hình và hữu hạn phát xuất từ một nguồn thực tại tối cao. Và quả thực, lý thuyết mới của trường phái Tôma về loại suy/nguyên nhân tính [analogy/causality] giả thiết ý niệm “tham dự”. Nếu Thánh Tôma có thu lượm được nhiều từ việc đọc các công trình triết học của Avicenna với việc ngài nhấn mạnh rằng “hiện hữu” không bao gồm trong “yếu tính”, thì ngài vẫn không hoàn toàn nhất trí. Việc này làm cho cuộc đối thoại trở thành cần thiết. Điều này phần nào cũng đúng với Moses Maimonides. Từ

tác giả này, Thánh Tôma sẵn lòng vay mượn rất nhiều trong vấn đề chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa, nhưng ngài không thể nhất trí với Moses rằng các phẩm tính khác nhau của Thiên Chúa chỉ là đồng nghĩa. Điều này đòi phải thảo luận. Theo gợi ý của Cha cụ Bê Trên Cả Dòng Đa Minh, Thánh Raymond thành Penafort, Thánh Tôma dành cuốn Tổng luận đầu tiên tức *Summa Contra Gentiles* (mà Clark gọi là *Tổng Luận Giáo huấn Kitô giáo*) để thảo luận có lý lẽ với những ai không chấp nhận đức tin Công Giáo: người ngoại giáo, Do Thái giáo, Ly giáo Hy Lạp, nhưng nhất là người Hồi giáo mà với họ, Thánh Tôma buộc phải dừng ở bình diện triết học, như ở 3 quyển đầu. Một số sử gia cũng nghĩ rằng tác phẩm ngắn *Quyền năng Thiên Chúa [Power of God]* được viết để xử lý các vấn đề do Avicenna nêu ra.

Năm 1266, khi thánh Tôma bắt đầu cuốn *Tổng luận Thần học [Summa of Theology]*, ngài đã có trong tay nhiều bản dịch các công trình của Aristôt từ tiếng Hy Lạp sang tiếng La Tinh. Tầm quan trọng của việc này hệ không những ở việc chúng góp phần vào công trình tổng hợp hóa các tầm nhìn thông sáng của các nhà tư tưởng vĩ đại Đông Tây, mà trước hết còn ở chỗ chúng cung cấp cho ngài các nguồn đề nhất đẳng ngài cần để thoả mãn việc thử nghiệm lớn nhất trong đời sống trí thức của ngài. Đó hẳn phải là cuộc gặp gỡ của ngài với Siger thành Brabant, một linh mục giáo sư người Bỉ của Phân khoa Nghệ thuật Đại Học Paris, người rất tích cực giảng dạy lối hiểu của Averroes về Aristôt. Theo lối hiểu này, 1. Chỉ có một trí hiểu hay linh hồn, chung cho mọi con người (monopsychism, một chủ trương không minh nhiên được quả quyết trong cuốn *Về Linh Hồn [On the Soul]* của Aristôt, với kết luận không thể tránh là Aristôt (người mà Siger coi như là “triết học”) dạy rằng con người là tử sinh, mặc dù điều ngược lại được đức tin Công Giáo chủ trương; thế giới vật chất có tính vĩnh cửu; 3. Ý chí là sức mạnh thụ động, chỉ được nhận thức khởi động; 4. Có nhiều trung gian giữa Thiên Chúa và loài người, khiến tín lý Chúa Quan phòng trở thành phi thực tại.

Chính vì các chủ trương như thế được suy diễn từ một Aristôt Ả Rập nên các công trình của Aristôt bị ngăn cấm năm 1210, riêng các cuốn *Vật Lý [Physics]* và *Siêu Hình [Metaphysics]* bị cấm năm 1215. Mặc dù toàn bộ các tác phẩm của Aristôt vẫn còn được tìm thấy trong Học Trình ở Paris năm 1255, việc cấm đã được Đức Urbanô IV lặp lại năm 1263.

Khi Thánh Tôma trở lại Đại Học Paris năm 1269 để nhậm chức giáo sư lần thứ hai, ngài rất bỡ ngỡ trước việc Siger thành Brabant áp đặt các lối giải thích của Averroes về Aristôt lên các sinh viên Paris, những người vốn không thể đọc nguyên bản và tâm trí mới phát triển của họ chưa được chuẩn bị để khám phá ra sự nguy hiểm của chúng. Thế là bắt đầu cuộc đối thoại tế nhị và nhiều đòi hỏi nhất của Thánh Tôma, và lần này, không phải với một thẩm quyền đã chết mà với một đồng nghiệp đang sống, người không những nhân mạnh tới các nguyên tắc của Aristôt mà còn tới các kết luận và giải thích của Averroes. Thánh Tôma, người của đức tin, được tăng cường nhờ nhiều năm tập trung vào Aristôt, và vừa viết một khảo luận thần học vĩ đại về sự hòa hợp bên trong giữa lý trí và đức tin, giáp mặt với Siger, người duy lý, nhà lãnh đạo của phe “Aristôt không chính thống” hay phe “Averroes Latinh” như được gọi vào thời ấy. Lập luận buộc phải có tính triết học. Nhấn mạnh với Siger Công Giáo rằng căn cứ vào Kinh Thánh, ta có thể dẫn khởi được các giáo huấn ngược hẳn lại với các giảng dạy của Averroes là điều không đủ. Siger công nhận việc đó. Nhưng ông ta đặc biệt bắt cần, thậm chí còn chủ trương rằng một chủ trương đạt được về phương diện triết học vẫn có thể đúng dù mâu thuẫn với điều các Kitô hữu vốn tin. Cả hai đều có thể đúng. Điều này, trong nhiều sách sử, gọi là “lý thuyết sự thật kép”.

Nhiệm vụ của Thánh Tôma rất rõ ràng. Đàm đạo với một người cho rằng mình nhất thiết nghiên cứu Aristôt như thế, ngài phải tách biệt các nguyên tắc của Aristôt ra khỏi các giải thích Ả Rập, sau đó, chứng minh rằng có thể dẫn khởi các kết luận phù hợp hoàn toàn với các

niềm tin Kitô giáo từ chính các nguyên tắc của Aristốt. Và ngài còn dám đi xa hơn bằng cách dựa vào các bản văn để chứng minh rằng chính Aristốt rút ra các kết luận như thế. Đó chính là điều ngài đã làm trong tác phẩm *Về Một Trí Hiểu Chung* [*On a Common Intellect*], trong đó, ngài chứng minh rằng Aristốt gán cho mỗi người trí hiểu riêng của họ. Trong vòng một năm, giáo huấn của Siger, người bênh vực chủ nghĩa Aristốt của Averroes, bị Stephen Tempier, Tổng Giám Mục Paris, kết án. Cùng thời gian này, có việc nghi vấn Thánh Tôma về các lý thuyết của ngài, giáo huấn mà nhiều người không phân biệt được với giáo huấn của Siger. Trong cố gắng minh giải chủ trương của ngài, Thánh Tôma viết cuốn *Về Tính Vĩnh Cửu Của Thế Giới Chống lại Những Người Hay Cầu Nhàu* [*On the Eternity of the World against the Grumblers*] trong đó, ngài nhấn mạnh rằng Aristốt không bao giờ thực sự chứng minh nhưng chỉ giả thiết tính vĩnh cửu của thế giới. Thánh Tôma còn cho rằng ta không thể chứng minh cả tính vĩnh viễn lẫn không vĩnh viễn của thế giới về phương diện triết học, và sự trung thực trí thức phải thừa nhận như thế. Những người tin Kinh Thánh vốn nhờ Sách Sáng Thế chương I mà học biết rằng thế giới khởi đầu trong thời gian. Thánh Tôma còn mau mắn hoàn thành cuốn *Linh Hồn* [*the Soul*] nhằm chống lại lối giải thích của Averroes đối với khảo luận của Aristốt về cùng một đề tài. Nếu F. van Steenberghen đúng, thì cuộc đàm luận mà thánh Tôma duy trì với đồng nghiệp Đại Học của ngài đã dẫn Siger đến chỗ thay đổi một số chủ trương nguyên thủy của ông. Nhưng điều này không ngăn cản nhất búa cuối cùng chống chủ nghĩa Averroes khi Tổng Giám Mục Stephen Tempier kết án gần 200 mệnh đề của họ tại Paris năm 1277. Vào Mùa Thu, Siger được triệu ra trước Quan Tòa Dị Giáo Pháp, Simon du Val, và từ đó, ra trước Tòa án Giáo hoàng ở Orvieto để bào chữa. Ở đó, ông được giải khỏi tội lạc giáo, nhưng được chỉ thị ở lại Orvieto, nơi, một ngày kia, ông bị một thư ký mắc bệnh tâm thần đâm chết.

Việc lên án chủ nghĩa Averroes năm 1270 không có nghĩa là mọi chuyện xong xuôi đối với Thánh Tôma. Ta phải nhớ rằng trong khi ngài công khai chống đối phe cấp tiến thời ấy, những kẻ Renan gọi là tư tưởng gia tự do của Paris thế kỷ 13, chính ngài bị phe bảo thủ thời ngài tấn công, tức các tu sĩ Phanxicô và các linh mục triều, những người tự xưng theo phái Thánh Augustinô. Họ sợ các ý tưởng của Aristốt hủy hoại tính tinh ròng của đức tin Kitô giáo. Giữa các năm 1270 và 1272, ngài chuyên tâm giáo huấn những người theo phái Thánh Augustinô bằng cách viết cuốn *Về các Nhân đức nói chung* [*On the Virtues in General*], *Về Đức Cậy* [*On Hope*] và *Về Các Nhân đức chính* [*On Cardinal Virtues*]. Các công trình này hẳn làm họ hết lo sợ.

Bất cứ ai sợ rằng Thánh Tôma là một người nghiên cứu quá nô lệ Aristốt nên đọc cuốn *Về Sự Thật* [*On Truth*] của ngài, một trong những cuốn sách đầu tiên của ngài về việc nhận biết Thiên Chúa cũng như về thực tại, hữu thể và hành động của Thiên Chúa. Trong cuốn sách này, ta thấy ngài đã nắm được một cách sâu sắc và độc đáo các trào lưu tư tưởng mâu thuẫn và bổ túc cho nhau, cổ xưa và hiện đại, của Thánh Augustinô, của Aristốt, của A Rập và của phái Tân Platông. Thực vậy, đó là những vấn đề đầu tiên trong 62 vấn đề tranh luận (Disputed Questions) cho thấy một cách tuyệt diệu một triết gia đang làm việc, đang khai triển từ đối thoại. Những cuộc đối thoại thường xuyên suốt những năm ở Đại Học này cung cấp cho người ta nhiều cơ hội tốt nhất để đối thoại sống động giữa nhân viên giảng huấn và các sinh viên, giữa nhân viên giảng huấn và đồng nghiệp. Ngoài ra, còn có 12 cuộc tranh luận mùa nghỉ hè, những cuộc tìm hiểu ứng khẩu giống như thời nay.

Thanh thân, tự tin trí thức, và tôn trọng ý kiến người khác là các đặc tính trong các cuộc đối thoại của Thánh Tôma với các người đi trước và đồng nghiệp ngoại giáo cũng như Do Thái giáo của ngài và các đặc tính này chắc chắn có nguồn gốc trong việc hoàn toàn quen thuộc các xu hướng Kinh Thánh vốn cung cấp cho ngài sự phối hợp tốt lành giữa chắc chắn và tự

do. Từ lúc bắt đầu đời sống trí thức cho tới 2 năm chót làm giáo sư tại Đại Học Naples, không bao giờ Thánh Tôma ngưng suy niệm và bình luận Kinh Thánh. Và nhờ cùng uống từ một nguồn từng nuôi dưỡng Thánh Augustinô này, và cũng như vị thánh này, say mê việc kết hợp đức tin với lý trí, Thánh Tôma luôn nghĩ mình là người hợp tác của Thánh Augustinô, chứ không phải người chống đối. Do đó, các nỗi sợ của những người tự xưng theo phái Augustinô thiên nghĩ không có cơ sở.

Ngày nay, trong khi Giáo Hội kinh qua thời kỳ được nhiều người gọi là diễn trình phi định chế, thì thế kỷ 13 bị cuốn hút vào một diễn trình ngược lại. Các tu sĩ khát thực, thuộc dòng Phanxicô và dòng Đaminh, tạo ra phong trào trở về Tin Mừng vốn lên đặc điểm cho phong trào phục hưng tâm linh của giữa thời Trung Cổ. Khi thời này qua đi cùng với cái chết của cả hai Thánh Phanxicô và Thánh Đaminh, cả hai dòng tu này đều thấy mình phải đương đầu với nhu cầu định chế hóa tinh thần của dòng. Trong tư cách người con của Thánh Đaminh và là người con chói sáng, Thánh Tôma được trao cho một vai trò tích cực trong việc lên khuôn lối sống Đaminh nhằm mang lý tưởng Đaminh vào các cơ cấu có thể duy trì nó cho tương lai. Vào thời ngài, việc huấn luyện các linh mục được thi hành với khá ít kế hoạch dài hạn. Do đó, Thánh Tôma dành chú tâm của ngài vào việc cải tổ chủng viện. Ngay từ năm 1259, Thánh Tôma đã bắt đầu tham dự Tổng Đại Hội của Dòng tại Valenciennes, trong đó, ngài giúp soạn thảo kế hoạch học tập cho Dòng. Đại hội đã quyết định từ nay chương trình của chủng viện phải gồm môn triết học. Thánh Tôma coi triết học như điều đáng ước ao, chứ không nguy hại, cho các tín hữu Kitô giáo.

Tại Hội nghị tỉnh dòng ở Naples năm 1260, Thánh Tôma được cử làm tổng giảng thuyết viên, và hiện vẫn còn các bài giảng của thời kỳ ngài giảng thuyết tại Orvieto và Viterbo, gần triều đình Giáo Hoàng, trước là Đức Urbano IV, sau là Đức Clémentê IV. Một trách nhiệm rộng lớn hơn trong việc lên khuôn đời sống tu trì của Dòng Đaminh khi, vào năm 1267, ngài được đề cử làm cố vấn tối cao [definitior] cho tỉnh dòng Rôma trong khi ngài vẫn tiếp tục dạy Đại Học, lần này là Đại Học Bologna. Do đó, ngài đại diện tỉnh dòng Rôma dự Tổng Đại Hội Dòng tại Paris tháng 5 năm 1269, nơi các vấn đề trí thức và tông đồ quan trọng được đem ra lấy quyết định. Ngài tiếp tục ở lại Paris làm giáo sư thần học lần thứ hai trong 3 năm sau đó và từ giữa lần cuối để tham dự Tổng Đại Hội Dòng tại Florence năm 1272. Mặc dù có lời yêu cầu để ngài trở lại Đại Học Paris, nhưng ngài được chỉ định tới Đại Học Naples, nơi ngài dành một năm rưỡi cuối đời để dạy thần học và viết Tổng Luận cũng như một số tác phẩm nhỏ và các cuốn chú giải.

Ngày 6 tháng 12 năm 1273, Thánh Tôma từ giã ngòi bút và tuyên bố “Con không thể [viết nữa]; có những điều được tỏ lộ cho con thấy rằng tất cả những điều con viết xưa nay dường như đối với con chỉ là rơm rác”. Được Đức Grêgôriô X triệu vời tham dự Công Đồng của Giáo Hội tại Lyons nhằm hợp nhất với Giáo Hội Hy Lạp, dù sức khỏe yếu, Thánh Tôma cũng lên đường nhưng ngã bệnh giữa đường. Được đưa từ nhà người chị tới đan viện Xitô ở Fossanuova, ngài qua đời khi đang lắng nghe Diễm Ca. Khi chịu các phép sau cùng, ngài cầu nguyện “Con lãnh nhận Chúa, giá chuộc linh hồn con. Vì tình yêu Chúa, con đã nghiên cứu và luôn tỉnh thức, lao công, giảng thuyết, và dạy học...” Năm ấy là năm 1274.

Và ngài muốn nói thêm “và cầu nguyện”. Nhiều người trong thế giới Công Giáo có thể đã học hỏi tư tưởng của Thánh Tôma, thường, buồn thay, trong các hình thức bị chính ngài bác bỏ, nhưng không thiếu những người đã hát những bài cầu nguyện của ngài: những *Adoro Te*, những *Pange Lingua* trong đó có bài ca bất hủ *Tantum Ergo*. Những bài cầu nguyện này được sử dụng trong Các Giờ Kinh, trong Thánh Lễ, ca tiếp liên, và thánh ca Lễ Mình Thánh Chúa, từ năm 1264. Người ta nói rằng Đức Urbano IV đồng ý thiết lập Lễ Mình Thánh Chúa

theo lời thúc giục của Thánh Tôma. Thánh nhân yêu cầu điều này khi được đề nghị mũ Hồng Y nhưng ngài từ chối, do đó, ngài được cho biết ngài có thể xin điều khác thay thế miễn là trong thâm quyền của Đức Giáo Hoàng.

Thế là nghề nghiệp của Thánh Tôma kết thúc ở chỗ nó bắt đầu, Đại Học Naples. Đời sống tu trì của ngài cũng thế, kết thúc ở chỗ nó bắt đầu, trong một đan viện. Nổi danh như một tu sĩ Đaminh và một bậc thầy tại Paris, Thánh Tôma cảm thấy như ở nhà trong mọi dòng tu mà lý lẽ được ngài lập luận một cách đầy khả năng, và tại mọi Đại Học biết cổ vũ việc tự do tìm hiểu.

Đại Học Paris yêu cầu xác ngài được chuyển đến đó, nhưng nó được giữ một thời gian tại đan viện Xitô. Sau đó, hài cốt ngài được đưa về tu viện Đaminh ở Toulouse, từ đó, thời Cách Mạng Pháp, nó được chuyển về Nhà Thờ Thánh Sernin ở Toulouse.

Năm 1324, Đức Giám Mục Stephen Bourret của Paris bãi bỏ việc kết án vị tiền nhiệm của ngài. Các học thuyết Tôma được gỡ bỏ khỏi danh sách các mệnh đề Averroes từng bị kết án. Việc lật ngược này diễn ra trong lúc các giáo huấn của Thánh Tôma được tái lượng định và đời sống bản thân của ngài được khảo sát. Năm 1323, Giáo Hội nâng Thánh Tôma Aquinô lên bậc thánh học giả.

Ý nghĩa tài bác học của ngài hiển nhiên đối với thế kỷ 20 hơn là thế kỷ 19. Ngài vốn hoan nghênh và làm việc với thế giới quan Aristốt. Việc tiếp nhận mọi công trình của Aristốt vào tư tưởng Kitô giáo là việc tiếp nhận “mọi giá trị tự nhiên của hoạt động xã hội của con người”. Theo một nghĩa nào đó, điều này bác bỏ thứ triết lý thế giới khác [other-worldliness] của Platông, thứ triết lý vốn bác bỏ “thế giới này”; và vì nó là một giải pháp cho thuyết nhập thể thấu đáo, nên nó chấp nhận các giá trị nhân bản mà không bác bỏ tính siêu việt của Platông, một siêu việt đạt được sự thể hiện đích thực của nó nơi Kiểu Mẫu Duy Nhất – Đáng vừa là Thiên Chúa vừa là người thực sự, là nguồn, là quy phạm, và là cùng đích của lịch sử nhân loại. Theo nghĩa này, Aristốt quả giúp Thánh Tôma thành Kitô hữu nhiều hơn chứ không ít hơn.

Và do đó, nếu tư tưởng Công Giáo trong thời hiện đại bị coi như quá có tính thế giới khác, thì ta nên nhớ rằng học thuyết Tôma chưa đi sâu vào và ảnh hưởng tới các thế kỷ hiện đại. Chỉ trong thế kỷ 20, nhờ việc phục hưng học thuyết Tân Tôma khởi thủy được khuyến khích bởi triều Giáo Hoàng Lêô XIII, một lần nữa Thánh Tôma lại bước vào các Đại Học, nhưng thường chỉ dưới các hình thức sách giáo khoa tóm lược phần nào bị bóp méo bởi khuôn khổ của chủ đề bị áp đặt, cắt bỏ hết tính đời thực (lebenswelt) trí thức, không còn chi viễn ảnh. Từ thời Scotus và Ockham, qua Nicholas thành Autrecourt, Luther, Hobbes, Hume, và Montaigne, phạm vi của lý trí đã bị thu nhỏ để cuối cùng chỉ còn lưu tâm tới thể thực nghiệm cảm giới. Nếu các nhà kinh viện quả có một quan niệm quá hạn hẹp về kinh nghiệm con người, thì các nguyên tắc của học thuyết Tôma, các nguyên tắc thực sự đã kết hợp các giá trị của thế giới này với các giá trị của thế giới khác, đáng lý ra đã có thể cung cấp một nghiệp vụ sửa chữa trong hạn kỳ một thời gian nào đó. Nhưng, thay vào đó, phản ứng tôn giáo đối với thuyết duy nghiệm toàn bộ tỏ ra quá nhân mạnh đến những điều tối hậu. Các Kitô hữu quan tâm không phải tới con người mà là linh hồn. Nhưng vì Thánh Tôma trình bày một nền triết lý thiết thực và sôi nổi về thực tại ngược với nền triết lý dấu hiệu và biểu tượng (vốn bỏ qua thế giới này để ngay lập tức vươn tới thế giới tiếp theo) được nhiều người trung cổ ưa thích, nên ngày nay, có nhiều lý do để tôn vinh ngài như một người mà chủ nghĩa hiện thực hiện sinh [existential realism] đã làm ngài không những trở thành một vị thánh bác học mà còn là một vị thánh của thế tục, một vị thánh nhìn thấy giá trị thánh thiêng của thời gian, của thế

giới này.

Thánh Tôma cũng sẽ rất vui khi thấy ta nhìn nhận nơi ngài người đề cao sự hợp nhất, hợp nhất đại kết giữa Đông và Tây, sự hợp nhất lịch sử giữa thời gian và vĩnh cửu, sự hợp nhất tôn giáo giữa tạo vật và Tạo Hóa. Chính vì sự hợp nhất này mà Thánh Tôma đã thực hiện và sử dụng các phân biệt triết lý sinh ích của ngài. Ngài là người đầu tiên nhận ra sự hợp nhất của nhân loại này không phải chỉ là một trách vụ thần học, không phải chỉ là một thành tựu kinh tế hay chính trị, mà thực sự là một công trình của tình yêu. Nhưng rồi, trọn khuôn khổ thần học của ngài không dựa trên các ý niệm tĩnh tụ mà dựa trên chuyển động xuất hành và chung cục (apocalypse), ra đi và trở về qua năng động tính tình yêu, tình yêu Tạo Dựng và Cứu Chuộc của Thiên Chúa khởi động tình yêu con người vươn tới Thiên Chúa bằng cách tham dự vào năng lực Phục Sinh.

Thực tại hay siêu hình học của Thánh Tôma

Câu hỏi siêu hình học chủ yếu mà ngày nay người ta thường gán cho Heidegger thực ra là câu hỏi đã được Thánh Tôma nêu ra: tại sao có một điều gì đó thay vì không có điều gì? Cả Platông, người cho rằng vật chất luôn hiện hữu, lẫn Aristót, người cho rằng thế giới của biến chuyển (becoming) là vĩnh cửu đều không trả lời được câu hỏi này. Cung ứng hơn một trình thuật tạo dựng là hoán đổi thần thoại lấy siêu hình học. Thánh Tôma thực hiện điều này bằng cách đề xuất sự phân biệt giữa hiện hữu và yếu tính để giải thích sự khởi đầu tuyệt đối của hữu thể và để cho thấy cơ cấu vốn làm cho tính đa dạng của các vật thể hữu hạn thành khả hữu.



Thánh Tôma sử dụng các công thức cổ truyền của siêu hình học một cách mới mẻ đối với thời ngài. Khi một học giả gặp các thuật ngữ như *hành động/tiềm lực* [act/potentiality], hữu thể, *id quod est* (điều hiện hữu), *quo est* (điều nhờ đó có hiện hữu), và tham dự, ông đã thừa nhận cách chính xác ảnh hưởng của Aristót, Platông, và thậm chí của Boethius và Plotinus. Nhưng ông sẽ lầm khi đồng nhất tư tưởng của Thánh Tôma với tư tưởng của những người đi trước, vì Thánh Tôma sử dụng các công thức một cách hoàn toàn độc đáo.

Hãy xem ý niệm tham dự trong các bản văn của trường phái Tôma. Thánh nhân xác tín hơn Platông về điều việc tham dự giúp chúng ta lượng giá được những gì đang diễn biến trong vũ trụ tạo vật; ngài hết sức đồng ý với Thánh Bonaventura về việc át cứ ai bác bỏ “các ý niệm” cũng bác bỏ Lời Thiên Chúa. Nhưng đối với Thánh Tôma, tham dự không phải là tham dự vào các ý niệm hay mô thức như trong Platông. Nó gần hơn với ý niệm tham dự vào thể vô hạn của phái Tân Platông nhưng cả ở đây, vẫn có sự khác nhau sâu xa. Trong khi đối với

Plotinus, có sự tham gia vào Đấng Duy Nhất [One], thì đối với Thánh Tôma, có sự tham gia vào *esse* hay *hiện hữu*. Đối với ngài, việc tham dự này không hề chỉ là một hiện hữu hình bóng hay không có thực chất; hành vi hiện hữu [*actus essendi*] thực sự thuộc sự vật hữu hạn. Trong việc nhấn mạnh tới “tính chặt chẽ hữu thể học” [ontological consistency] của hữu thể này, chúng ta cảm nghiệm được ảnh hưởng không phải của phái Tân Platông mà là của Aristôt; vì đối với ông này, sự vật thực sự sở đắc các nguyên tắc cấu thành và hành động riêng của chúng.

Tuy nhiên, một lần nữa, không nên đồng nhất ảnh hưởng và căn tính. Vì dù quả thực cơ cấu hành động/tiềm lực được Thánh Tôma sử dụng để so sánh và tương phản hiện hữu và yếu tính với việc kết hợp mô thức – chất thể, ngài vẫn nói lên sự phân biệt thực sự giữa hiện hữu và yếu tính, như các bản văn chứng tỏ, về phương diện tham dự. Mãi mãi vẫn là một thành tựu rõ ràng của Thánh Tôma khi ngài khám phá ra tính bổ túc cho nhau của hai bộ óc vĩ đại nhất trong nền triết học Hy Lạp đến nỗi đã giảng dạy rằng triết học tham dự của Platông trở nên có giá trị chỉ trong nền triết học của Aristôt về kinh nghiệm trở thành [becoming], trở thành khả hữu nhờ “tiềm lực”, căn bản của mọi thay đổi và liên tục. Tiềm lực thụ động của Aristôt, áp dụng rất thích đáng vào việc giải thích sự thay đổi vật lý, được Thánh Tôma biến đổi thành việc phức tạp hóa và nhân thừa. Như nguồn gốc của những loại [species] khác nhau, tiềm lực được gọi là “yếu tính”; như nguồn các hoạt động chuyên biệt của một sự vật, tiềm lực được gọi “bản chất”. Vì yếu tính, tức điều giới hạn sự phong phú vô hạn của hiện hữu vào việc là vật này chứ không phải vật kia, có ý nói đến thực tại cụ thể như nền tảng của nó, nên có nhiều phạm vi cho việc biến hóa của các yếu tính y như cho việc biến hóa của sự vật đã được khoa học chứng minh.

Đôi khi, các nhà nghiên cứu Thánh Tôma không nắm được tương quan làm việc hỗ tương trong tổng hợp hiện hữu/yếu tính. Thí dụ, mỗi điều đều có phần để đóng góp: hành vi hiện hữu [*actus essendi*] bị giới hạn bởi người tiếp nhận yếu tính [essence-recipient] trong khi yếu tính trở nên thực chất nhờ hành vi hiện hữu mà nó tiếp nhận. Giống như nguyên liệu (prime matter), yếu tính được gọi là tiềm lực. Nhưng vì cả nguyên liệu lẫn yếu tính đều không phải là vô hữu [non-being] tuyệt đối, nên có thể nói về chúng như “hành vi bất toàn” trong tinh thần, dù không trong chữ nghĩa, của nền siêu hình học Thánh Tôma. Ngay Aristôt cũng nói tới việc chất thể phần nào mong có mô thức bản thể để khi gọi tiềm lực là hành vi bất toàn, chúng ta chỉ có ý nói thực tại hay năng động tính đó có thể hoạt động trong bất cứ sự vật chất thể nào trong đó tiềm lực không bao giờ ở một mình. Quan điểm về chất thể phần nào được Thánh Tôma chứng thực trên bình diện siêu hình học khi ngài nói đến các nguyên tắc của hữu thể tạo vật - chất thể, mô thức, yếu tính, hiện hữu - như tham dự vào hành vi “*esse*” (hiện hữu). Nhờ đào sâu như thế việc phân tích siêu hình để bao gồm hiện hữu, có lẽ Thánh Tôma làm cho điều các người đi trước ngài trong triết học từng thoáng thấy thành minh nhiên, tức các đóng góp có tính nguyên nhân do chất thể và mô thức thực hiện và lòng mong muốn hoàn hảo hay thực tại. Thực vậy, sự tiệm tiến của việc tham gia vào hiện hữu này, đối với Thánh Tôma, trở thành căn bản cho cơ cấu phẩm trật của thế giới cũng như điểm khởi hành cho một suy diễn tất yếu tới Hữu Thể Không Tham Gia [Unparticipated Being] hay Thiên Chúa. Như thế, lý thuyết loại suy và nguyên nhân tính nổi tiếng của trường phái Tôma giả thiết lý thuyết tham gia. Đó là lý do tại sao chúng ta gọi ngữ nghĩa học [semantics] trong việc phân biệt siêu hình học về hiện hữu và yếu tính là “lý thuyết loại suy” [analogy doctrine], vì nhớ rằng việc phân biệt này sẽ vô nghĩa ở bên ngoài nguyên nhân tính của việc tham gia từng được phái Tân Platông tiếp nhận và thích ứng với tính nhị nguyên duy nhất được Thánh Tôma coi trọng: tính nhị nguyên Thiên Chúa/tạo vật, vốn không phải là một siêu cơ cấu ý niệm mà là một đòi hỏi hiện sinh cho bất cứ cuộc đối thoại yêu thương nào.

Khi nghiên cứu nền siêu hình của Thánh Tôma, điều quá dễ dàng là bị mắc kẹt vào cuộc tranh luận không cùng về sự phân biệt thực sự giữa yếu tính và hiện hữu. Tự nó, việc phân biệt này không làm bận tâm Thánh Tôma và ta không nên tách biệt nó khỏi giáo huấn tổng thể của ngài. Giống cá đồng nghiệp thời Trung cổ, Thánh Tôma quan tâm chủ yếu đến việc phân biệt giữa Thiên Chúa và con người. Cấu trúc siêu hình gồm yếu tính/hiện hữu của con người phân biệt họ một cách triệt để với Thiên Chúa, Đấng mà tính đơn giản bắt nguồn từ hành vi hiện hữu vô hạn vốn cũng chính là yếu tính của Người.

Nhưng nếu hữu thể hữu hạn chỉ là hình ảnh bất toàn của Hữu Thể Vô Hạn, nó vẫn là một hình ảnh vì vẫn có sự loại suy nào đó giữa các tạo vật có hiện hữu và Đấng Tạo Dựng vốn là Yếu Tính. Mọi sự đều như nhau trong việc chia sẻ mỗi tương quan luôn thay đổi giữa yếu tính và hiện hữu của mỗi một, và tất cả đều lệ thuộc tương xứng vào Thiên Chúa, Đấng mà mỗi tương quan với yếu tính và hiện hữu của Người là mỗi tương quan đồng nhất [identity]: yếu tính của Người là để hiện hữu. Vì các hoàn hảo tinh ròng hiện diện nơi các tạo vật đều có thể gán một cách tột độ cho Thiên Chúa, loại suy đích thực đối với các bản văn của Thánh Tôma không phải là loại suy của một mình “tính tương xứng đích đáng” [proper proportionality], như Cha Klubertanz đã lập luận rất đúng, mà là một kết hợp phong phú tính tương xứng và việc gán cho. Điều này có nghĩa: sự vật không chỉ giống Thiên Chúa vì chúng có cơ cấu yếu tính/hiện hữu, mà chúng còn họa ảnh Thiên Chúa bằng cách tham dự vào sự hoàn hảo của hữu thể. Trong lý thuyết tham dự của Thánh Tôma, các tạo vật có một sự tham dự nội tại, hữu hạn vào “hữu thể” vốn xác định ra sự hoàn hảo chuyên biệt và các khả thể phát triển tới hoàn hảo của chúng. Trong loại suy gán cho này hay trong sự giống Thiên Chúa về hoàn hảo này, sự giống nhau có tính nội tại đối với tạo vật và vì loại suy bắt nguồn trong hành vi hiện hữu (actus essendi), việc họa ảnh Thiên Chúa là một diễn trình tích hoạt [active].

Nơi con người, diễn trình trên có tính bản vị. Hành động bản vị càng hoàn hảo, thì nhân tính càng được đổi mới, cải thiện và gia tăng về phẩm chất. Vì diễn trình này đặng đến điều nội tại nhất của con người và là nguồn thực tại của họ, tức việc họ tham gia vào hiện hữu, nên các khả thể của con người cũng vô hạn như Đấng vốn là Cơ Sở của việc họ hiện hữu.

Và như thế, nền siêu hình Tôma mang lại cho chúng ta những hiểu biết về điều mắt không thể quan sát, việc đặt cơ sở hiện hữu cho diễn trình nhận thức, yêu thương và quyết định mà chúng ta vốn quen biết. Trong quan điểm này, chúng ta tiến đến chỗ thấy rằng con người không trừu tượng, không quan niệm hóa, không sở hữu hay nắm được Tuyệt Đối hay Sự Thật, họ được Tuyệt Đối đánh thức, trở nên ý thức trong chân trời Tuyệt Đối, và đáp trả chân, thiện, mỹ, vốn là sự hiện diện chân thực của Tuyệt Đối. Tương ứng với ơn gọi của con người trong việc thông đạt với Tuyệt Đối trong và qua các hành vi nhân bản là một số “các điều kiện tâm lý học”. Mặc dù, ý hướng tính [intentionality] và xu hướng vốn chủ yếu có tính hữu thể học, trong trật tự tâm lý học, chúng phát biểu việc tham gia vào hiện hữu [esse]: hiện diện trong thực tại này hay thực tại kia của một sức mạnh hay sự hoàn hảo vượt quá nó và lôi cuốn nó vượt ra ngoài nó. Ý hướng tính, một thuật ngữ được nhiều người gán cho Husserl, có nghĩa “hướng về một điều gì khác”. Đó chính là thân phận của nhận thức con người, thân phận của dục vọng con người. Mỗi tương quan của hữu thể hữu thức hữu hạn đối với Esse Tuyệt đối là mặc nhiên trong chính hành vi nhận thức, trong chính hành vi yêu thương, hành vi quyết định. Vì hành vi “hiện hữu” hữu hạn là sự hiện diện có ý hướng của Thiên Chúa nơi tạo vật và đồng thời là “hành vi vốn là chính tạo vật”. Việc phân tích siêu hình học này cho thấy sự hoàn hảo tương đối của cá thể cụ thể cũng như sự không đầy đủ của nó. Thiên Chúa ở đó, hiện diện như Đấng ban sự hoàn hảo, ban thực tại, ban hiện hữu, cũng như lời hứa thành toàn.

Nền siêu hình hiện sinh không phải là nền siêu hình duy lý và như thế nhà siêu hình học hiện sinh không coi Thiên Chúa như *deus ex machina* (Thiên Chúa do máy móc mang đến), một Thiên Chúa lấp chỗ trống, mà như một chúa tể của thực tại và của lịch sử, cơ sở của mọi sự vật đang hiện hữu và đang trở thành. Nhưng sự không đầy đủ của con người có một chức năng quan trọng là dị biệt hóa họ khỏi Thiên Chúa trong khi cảnh cáo họ phải nhìn quá chính họ để tìm hạnh phúc, để khám phá ra mình chưa hoàn toàn là chính mình và mình đang trở thành chính mình nhờ liên hệ với người khác. Tuy con người không phải là một “phần” của thế giới như một toàn bộ hữu cơ, nhưng con người thừa nhận rằng điều mà nhiều người gọi là “những hữu thể khác” thực sự là thành phần cấu tạo ra chính mình. Như một người tham dự vào hiện hữu, vào lịch sử, mỗi con người đều có liên hệ hàng ngang với mọi người tham gia khác cũng như có liên hệ hàng dọc với Thiên Chúa như nguồn chung của tính “độc đáo” hiện sinh của họ. Trên bình diện tâm lý học, con người cảm thấy được thúc đẩy phải liên hệ chính vì một hệ thống, có thể nói như thế, các liên hệ hữu thể học có trước mà trong tư cách con người, ơn gọi của họ buộc họ đảm nhiệm một cách hữu thức. Do đó, ý niệm “hữu thể” đòi phải có ý niệm tương quan chứ không loại bỏ nó, vì chính trong việc phân tích hữu thể cụ thể về phương diện siêu hình học mà chúng ta khám phá ra sự lệ thuộc tuyệt đối của nó vào Thiên Chúa và sự lệ thuộc tương đối của nó vào các hữu thể khác. “Hiện hữu” theo Thánh Tôma là một ý niệm không phải tĩnh tụ mà cũng không phải không có tương quan; nền siêu hình học nào nghiên cứu hữu thể cụ thể không hề là duy lý nhưng hiện sinh, một nền siêu hình với lòng kính trọng cố hữu đối với sự phong phú của thực tại được nó nghiên cứu, khía cạnh huyền nhiệm hơn là khía cạnh có vấn đề của điều có thực và việc bất khả do đó mà có trong việc nói dứt khoát về các bản chất hay khả thể của sự vật.

Ý niệm chủ chốt của Thánh Tôma về tham gia vào *esse* không những chỉ một phức hợp các tương quan ý niệm hay các điều kiện của sự khả niệm mà thôi mà còn chỉ sự lệ thuộc hoàn toàn trong trật tự ba chiều của nguyên nhân tính: tức nguyên nhân kiểu mẫu [exemplary], nguyên nhân tác thành và nguyên nhân cứu cánh, của mọi tạo vật vào Đấng Tạo Dựng ra chúng.

Sự tham gia trên vào hiện hữu là một hồng ơn mà tính khả niệm của nó chỉ có thể tìm thấy nơi một mình tự do của Thiên Chúa mà thôi. Khi đối diện với điều này một cách trọn vẹn, chúng ta đối diện với mẫu nhiệm yêu thương, mẫu nhiệm vốn làm nền cho vũ trụ. Mọi tạo vật nhất là mọi con người đều là một hiển linh [epiphany] của tình yêu này, và năng lực đáp trả của con người đối với tình yêu này là điều hồng ơn đức ái có ý nói về. Nhưng vì mọi tình yêu đều bắt đầu bằng việc tạ ơn, và ý thức tiên triết học về sự khốn cùng của tạo vật khá phổ quát, nên chúng ta không cần phải loại bỏ khả thể đức ái ấy đồng hành với lòng biết ơn không rõ ràng và đầy mờ mẫm của con người đối với Thiên Chúa.

Dù sao, khả thể kết hợp giữa hữu thể hữu hạn và hữu thể vô hạn có cơ sở ở ý niệm thực sinh luận [actualist**] của thánh Tôma về hữu thể như là xu hướng năng động luôn hướng về Thể Tuyệt Đối. Như thế, hữu thể hữu hạn phát biểu một cách thống nhất nghịch lý cùng một lúc cả tính cá thể hữu hạn lẫn giá trị tuyệt đối của hữu thể. Dường như, mọi con người biết bất cứ điều gì họ biết dưới ảnh hưởng tính vô hạn năng động của hữu thể đều là điều chân, và mọi con người đều muốn, dưới ảnh hưởng cùng một tính vô hạn năng động của hữu thể điều gì là thiện, ngoài ra, họ còn bị kích động bởi nét đáng yêu trong các hình thức hữu hạn của sự mỹ.

Nhiều điều từng được viết về sự phân biệt giữa yếu tính và hiện hữu hơn là về tính bất khả tách biệt của chúng. Tuy nhiên, chính nhờ theo chỉ dẫn của điều sau mà việc con người tiếp cận thực tại được bảo đảm. Không hề có việc khái niệm hóa nào [conceptualization] mà lại

tách biệt khỏi việc hiện thực hóa [realization], và ta đạt được việc hiện thực hóa trong diễn trình phán đoán hiện hữu. Các công trình của Joseph Maréchal và André Marc cần được tham khảo bởi những ai muốn thấy làm thế nào cách tiếp cận của Thánh Augustinô đối với kinh nghiệm siêu hình từ bên trong đời sống tâm trí tìm được chỗ đứng trong việc Thánh Tôma phân tích các điều kiện siêu hình của nhận thức. Đối với Thánh Tôma, không hề có nhị phân chủ thể/đối tượng như đối với Descartes. Vì hữu thể là đối tượng chính thức của nhận thức nhân bản, nên không sự suy nghĩ nào mà lại không suy nghĩ về một điều gì đó. Biết một điều cần được biết; ý thức là luôn ý thức về một điều gì đó. Không hề có một chủ thể biết mà lại không có một đối tượng được biết, kết quả là bất cứ việc phân tích nào về việc biết cũng đều liên lụy tới điều được biết; nhưng cũng như không có yếu tính nào mà lại không hiện hữu, cũng như không có sự ý niệm hóa nào diễn ra ngoại trừ dưới năng động tính của hữu thể tuyệt đối. Khi “ý hướng tính” được coi như hiện diện trong mọi ý thức, và sự hiện hữu trong mọi phán đoán, chúng ta có nền “nhận thức luận phê phán” [critical epistemology] biết duy trì nhận thức không là luận lý đơn thuần và cho phép kinh nghiệm là kinh nghiệm thực sự nhân bản nghĩa là có ý nghĩa nhờ mối tương quan với sự chân và sự thiện tuyệt đối.

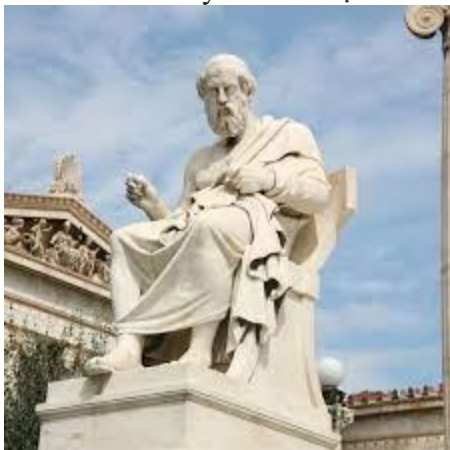
Ngày nay, với việc hiểu biết rộng rãi về chủ nghĩa hiện sinh, công chúng dễ dàng hơn trong việc nắm vững điều Thánh Tôma muốn nói khi phân biệt yếu tính khỏi hiện hữu. Như Cha D'Arcy, trong cuốn *St. Thomas Aquinas* (Thánh Tôma Aquinô) của ngài đã viết: Chính các sai lầm của chủ nghĩa hiện sinh “đã kêu gọi người ta chú ý tới tầm quan trọng của việc phân biệt yếu tính và hiện hữu, và đã chứng tỏ việc nắm sai và áp dụng sai hai nguyên tắc này, có thời bị cho là quá bí mật và trừu tượng, gây chần chừ động như thế nào”.

*"Esse", trong triết học Kinh viện, đồng nghĩa với hiện hữu (Merriam-Webster)

** Actualism= Thực sinh luận, tức thuyết cho rằng hết thủy vạn vật đều có hồn khí sinh động (Lm Ngô Minh & Lm Nguyễn Thế Minh, *Từ Vựng Triết Thần Học Căn Bản*, NXB Phương Đông, tr.10)

Thiên Chúa và thế giới

Đặc biệt trong việc thảo luận về Thiên Chúa như được lý trí con người biết đến, thánh Tôma đã mạnh dạn phản bác Aristôt. Đối với Aristôt, thế giới vật chất không do nguyên nhân nào tạo ra. Và ông còn khoái chí khi chỉ trích thuyết kiêu mẫu [exemplarism] của Platông hay ảnh hưởng của một nguyên nhân mô thức siêu việt ngoại tại của thế giới. Thực vậy, Thánh Tôma đã chỉnh sửa suy tư thần học của Aristôt với sự giúp đỡ của Platông.



Tuy nhiên, độc giả nào từng nghiên cứu cả Platông lẫn Aristôt sẽ nhận ra rằng, khi dành địa vị trung tâm cho hiện hữu, Thánh Tôma đã tự tách mình ra khỏi cả hai bậc thầy này. Việc tách mình này không hẳn tùy tiện. Nó phù hợp với truyền thống Platông thành hình sau cái chết của Plotinus. Mặc dù trong bộ ba do Plotinus đưa ra, tức Thể Duy nhất, Tinh thần (nous) và Linh hồn Thế giới, Thể Duy nhất Tối cao được coi như vượt trên hữu thể, vốn chỉ hiện diện ở bình diện Tinh thần. Porphyry quả có nói tới hữu thể như Nguyên tắc Đệ nhất. Và ở thể kỷ thứ tư, một Kitô hữu theo thuyết Platông là Marius Victorinus, trong công trình của ông về Chúa Ba Ngôi, đã nói tới Chúa Cha như hữu thể. Có lẽ ý niệm khá thịnh hành cho rằng nền siêu hình của Thánh Tôma được dẫn khởi từ Avicenna và/hoặc Sách Xuất Hành tự nó phải được giải thích do sự tối tăm xung quanh thuyết Tân Platông cả ngoại giáo lẫn Kitô giáo. Có rất nhiều bản văn của Thánh Augustinô cho thấy Thánh Augustinô vẫn nghĩ Thiên Chúa như hiện hữu (esse), nhưng ngài không khai triển nền siêu hình về hiện hữu ở bình diện hữu hạn.

Nhiều ngã đường dẫn tới thuyết tân Platông đã được mở ra cho Thánh Tôma. Có những bản dịch của John Scotus Erigena các tác phẩm của Dionysius Đồi Areopagus, của Thánh Maximus Hiên Tu và của Thánh Grêgôriô thành Nyssa. Thánh Tôma thường nhắc đến Thánh Gioan Đamascênô. Ngài trở thành quen thuộc với các giáo phụ Hy Lạp khi hiệu đính cuốn *Catena Aurea*, tức tuyển tập các chú giải về Tân Ước của các giáo phụ. Nhưng các bình luận của Thánh Tôma về các công trình của Boethius cho chúng ta biết chắc ngài có tiếp xúc với hình thức Tây Phương của thuyết Tân Platông Kitô giáo. Và nếu Boethius, người từng viết một tác phẩm về Chúa Ba Ngôi, đã có trong tay Bốn Sách về Chúa Ba Ngôi của Marius Victorinus Afer, thì việc này chứng tỏ có sự tiếp xúc trực tiếp với một thuyết Tân Platông hoàn toàn chính thống Kitô giáo. Ông có thể đã thấy rằng thuyết Tân Platông không cần phải tiếp nhận hình thức Phân Chia Tự Nhiên [Division of Nature] của Scotus Erigena. Và khi Thánh Tôma đọc cuốn *Về Chúa Ba Ngôi* [De Trinitate] của Boethius (cuốn mà ngài có chú giải, thực sự chỉ bàn những vấn đề do cuốn này nêu ra), hẳn ngài đã tiếp xúc gián tiếp với thuyết Tân Platông Kitô giáo của Victorinus trong đó, *esse* hay hiện hữu [be-ing] là tên chính xác nhất cho Thiên Chúa Cha. Và liệu có thể có việc Thánh Augustinô, người vốn viết một cuốn *Về Thiên Chúa* [de Trinitate] không biết gì đến cuốn cùng tên của Victorinus? Clark cho rằng hiện nay, ta chỉ có thể nói rằng việc nghiên cứu phạm vi này vẫn đang tiếp diễn.

Và như thế, khi Thánh Augustinô và Thánh Tôma tìm cách hiểu đức tin của các ngài, các ngài hẳn phải tiếp xúc hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp với Victorinus, nhà Tân Platông Kitô giáo đầu tiên của Tây Phương.

Thế nhưng người ta vẫn chưa hoàn toàn thiết định được việc liệu chính Victorinus, để có được quan điểm về *esse*, có lệ thuộc vào Porphyry, người đã sửa đổi Plotinus để nói về Thể Duy Nhất như Hữu Thể, hay liệu ông ta có lệ thuộc cuốn chú giải Tân Platông thế kỷ thứ tư về Parmenides, hay liệu Porphyry có là tác giả của cuốn chú giải nặc danh, như P. Hadot gợi ý hay không. Dù sao, với Porphyry, ngôi thứ hai cũng đã ngang hàng [equal] với Đấng Duy Nhất rồi và khi chính sửa Candidus (có thể là ngụ danh) của Phái Ariô, Victorinus chứng minh rằng *vivere* (sống) và *intelligere* (hiểu) hàm ngụ chứ không lệ thuộc *esse*.

Ý niệm *esse* như là nguồn mọi hoàn hảo là đá nền của việc tham gia/siêu hình của Tân Platông Kitô giáo, cũng như của triết học và thần học Thánh Tôma. Việc tự mạc khải của Chúa Cha là cả sự sống lẫn khôn ngoan đối với Victorinus thế nào, thì với Thánh Tôma, thế giới của chúng ta biểu lộ Thiên Chúa hằng sống, và việc nhập thể của khôn ngoan kết hợp

chúng ta với Người thế ấy.

Mọi giáo phụ không thận trọng như nhau đối với các lý thuyết tham gia của Platông. Nhưng xem ra khá chắc chắn là các thần học gia Tân Platông Kitô giá có khả năng có trước việc Thánh Augustinô tiếp xúc với Plotinus. Khi Thánh Augustinô đọc Plotinus, ngài lập tức giải thích bộ ba ở đó như Thiên Chúa Ba Ngôi của Kinh Thánh. Origen đã xử lý “việc tham gia” một cách không có hiệu quả hoàn toàn chính thống Kitô giáo. Nhưng Thánh Grêgôriô thành Nyssa không thấy sự bất khả nào trong cả việc Chúa Con phát xuất từ Chúa Cha lẫn việc Người ngang hàng với Chúa Cha. Thánh nhân nhấn mạnh quan điểm thống nhất hóa trong giải thích của ngài về mối tương quan với Thiên Chúa của con người tự nhiên và mối tương quan với Thiên Chúa của con người đã được rửa tội: cả hai đều là hồng ân của Thiên Chúa bao lâu yếu tính con người cũng như hiện hữu Kitô hữu là “do việc tham gia”. Điều đầu là việc tham gia vào hiện hữu tạo dựng tự nhiên; điều sau là tham gia vào hiện hữu tạo dựng thần thiêng. Tham gia nghĩa là “không có gì do bản nhiên, nhưng tiếp nhận từ trên cao” (từ điều có giá trị tuyệt đối). Do cách này, điều rõ ràng là người tham gia thực sự khác biệt so với người được tham gia và Thiên Chúa, như sự thiện hảo vô hạn, là nền tảng cho khả thể hoàn hảo vô hạn của con người, cho việc họ vô hạn lớn lên trong sự thiện luân lý.

Như vậy đâu là điều chủ yếu hơn đối với tổng hợp triết học của Thánh Tôma, tức sự phân biệt giữa thế giới khả niệm và thế giới khả giác, hay sự phân biệt thế giới không tạo dựng và thế giới tạo dựng? Theo Clark, sự phân biệt sau chủ yếu hơn. Và do đó, chúng ta có thể kết luận rằng triết học của Thánh Tôma tân Platông hơn Platông và hơn thế nữa, có tính Kinh Thánh hơn tính Aristôt.

Và mặc dù sự phân biệt giữa Thiên Chúa và thế giới, giữa tự nhiên và ơn thánh được thực hiện nhờ tham gia được Ngôi Lời Trường Cửu môi giới ở trường hợp đầu và được Ngôi Lời Nhập Thể môi giới trong trường hợp sau, điều mà việc tham gia nhằm một cách sâu xa và đạt được là mẫu nhiệm hợp nhất kỳ diệu.

Các lý thuyết khác của Plotinus lên đặc điểm cho nền thần học tự nhiên của Thánh Tôma. Có một cách tiêu cực để nói về Thiên Chúa khi mọi sự bất toàn hay hoàn hảo lẫn lộn bị bác bỏ khỏi Người. Có một chỗ, Thánh Tôma quả quyết rằng chỉ khi nào chúng ta thừa nhận rằng chúng ta không thực sự biết được điều gì về sự cao cả của Thiên Chúa, chúng ta mới thực sự hé biết được Thiên Chúa chút đỉnh. Quan niệm của Thánh Tôma về Thiên Chúa như Hữu Thể xem xét cả tính siêu việt của Thiên Chúa lẫn tính nội tại của Người bằng quyền lực, hiện diện và yếu tính bất cứ nơi đâu có những sự vật tiếp nhận hiện hữu. Nhưng làm thế nào nhờ các năng lực tự nhiên, con người có thể nhận biết một Thiên Chúa siêu việt một cách tích cực? Thánh Tôma cho hay, các hoàn hảo mà chúng ta khám phá thấy nơi các tạo vật nhất thiết phải hiện diện nơi nguồn sáng tạo, ít nhất một cách tiềm tàng [virtually], nhưng cũng một cách rõ ràng tuyệt hảo. Trong vấn đề này, Thánh Tôma không chấp nhận giải đáp của Moses Maimonides, người vốn cho rằng các phẩm tính như sự thật, sự thiện, sự mỹ, nhận thức, và yêu thương chỉ là những đồng nghĩa đối với nhau, tất cả đều đồng nhất với Thiên tính. Không, Thánh Tôma mở một con đường thận trọng giữa thuyết bất khả tri và thuyết nhân hình [anthropomorphism]. Chúng ta khẳng định rằng Thiên Chúa tốt lành, nhưng không phải theo lối tốt lành hữu hạn của các vật khả giác. Nên nếu chúng ta nghĩ tới sự tốt lành hữu hạn, chúng ta phải nói tiêu cực [negate] về sự tốt lành của Thiên Chúa. Hai phán đoán vừa rồi phát sinh ra một khẳng định cao hơn đúng cho cả hai: Thiên Chúa cực tốt lành [supergood] (ta thường nói Thiên Chúa tốt lành nhưng một cách siêu phàm hơn sự tốt lành của con người). Ở đây, sự tốt lành của Thiên Chúa được nâng lên bình diện hiện hữu vô hạn, nó trở nên không tài nào biết được đối với tâm trí hữu hạn của ta nhưng quả Thiên Chúa tốt lành một cách vượt

quá bất cứ trải nghiệm nào chúng ta có về sự tốt lành. Đó là cái biết tích cực. Thánh Tôma không bao giờ cho rằng cái biết này cho chúng ta biết tất cả về Thiên Chúa nhưng điều nó biết là điều chắc chắn. Vì cái biết này dựa trên sự giống nhau giữa Thiên Chúa và tạo vật qua việc tham gia vào hiện hữu, nên nó được gọi là cái biết nhờ loại suy. Nhờ nó, chúng ta cũng biết được cả sự quan phòng của Thiên Chúa...

Clark cho rằng Thánh Tôma dùng nhiều minh họa hơi kỳ lạ đối với các độc giả ngày nay để khai triển suy nghĩ của ngài. Nhưng bà cho rằng ta không nên bám vào các thí dụ của khoa vật lý trung cổ được thánh Tôma sử dụng chỉ để minh họa một điểm đã được lập luận. Cũng nên nhớ rằng việc coi là lỗi thời “khoa học tự nhiên” của Thánh Tôma không làm lỗi thời nên siêu hình học của ngài, vốn là việc phân tích cấu trúc của hữu thể tạo vật như được tạo dựng. Bao lâu hữu thể hữu hạn còn ở với chúng ta, thì phân tích của Thánh Tôma vẫn đáng được lắng nghe. Nhà siêu hình học làm việc ở một bình diện sâu hơn khi hỏi câu hỏi “tại sao?” hơn là các khoa học gia khi họ hỏi câu hỏi “thế nào?”

Và có lẽ đây là chỗ để nói rằng Thánh Tôma chưa bao giờ cho rằng 5 con đường để rọi sáng chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa, đặt trong Tổng Luận liền ngay sau lời tuyên bố sự hiện hữu ấy không tự nó hiển nhiên đối với chúng ta, là “các chứng cứ của ngài”. Ngài đặt chúng dưới thẩm quyền các triết gia ngoại giáo và một số Kitô hữu đi trước ngài. Ở đây, cuốn sách của Sillem khá hữu ích. Sự kiện chỉ có một Thiên Chúa duy nhất xuất hiện khi Thiên Chúa được coi như *esse* hay hữu thể. Trước khi Thánh Tôma viết Tổng Luận khá lâu, ngài đã viết tại Paris một tuyệt tác siêu hình ngắn *Về Hữu Thể và Hiện Hữu* [On Being and Essence]. Trong cuốn đó, ngài lập luận, như Aristôt chưa bao giờ lập luận:

“Cho nên, mọi sự hiện hữu một cách mà sự hiện hữu của nó khác với bản chất của nó đều phải có sự hiện hữu của nó từ một hữu thể khác. Và vì mọi sự hiện hữu nhờ một hữu thể khác được dẫn trở lại với hữu thể tự mình hiện hữu như trở lại với nguyên nhân đệ nhất của nó, thì phải có một điều duy nhất là nguyên nhân cho sự hiện hữu trong mọi sự vì một mình nó là HÀNH VI HIỆN HỮU [ACT-OF-BEING]”.

Vì không hữu thể nào khác có sự hiện hữu bằng chính yếu tính của nó nên cũng không tạo được sự hiện hữu trong một hữu thể khác; cho nên, bất cứ nơi nào có một sự vật nào đó, thì Thiên Chúa phải hiện diện như là Đấng ban sự hiện hữu, ban một cách tích cực, năng động khai triển nó trong và với các sức mạnh tự nhiên của tác nhân hay ngôi vị. (Đó là sự hiện diện tự nhiên của Thiên Chúa bên trong chúng ta, một sự hiện diện vốn tạo cơ sở cho đời sống ơn thánh – ý thức và thông đạt).

Khi khẳng định Đấng Chuyển Vận Đầu Hết Bất Di Bất Dịch như một tư duy suy tưởng, Aristôt bảo đảm sự tinh ròng của hành vi cao cả nhất bằng cách lồng nó vào về huy hoàng của cảnh cô lập thần thiêng. Thiên Chúa của Aristôt không những “tách biệt” như là khác biệt về hữu thể học với mọi hữu thể khác, mà còn khuyết diện về hữu thể học với mọi hữu thể khác. Loại hiện diện duy nhất đáng được ngài thực hiện nơi các sự vật là khát vọng được các sự vật này cảm nghiệm đối với Người, và việc này giữ cho chất thể và mô thức chuyển vận. Khát vọng này không hiện diện nơi Đấng Chuyển Vận Không Bị Chuyển Vận (unmoved mover). Nhưng không như thế trong thế giới của Thánh Tôma. Mối tương quan của sự vật với Thiên Chúa được xác định ở đó theo trật tự hiện hữu. Điều này tạo ra sự lệ thuộc thâm sâu. Ngôn ngữ của cả Aristôt lẫn Platông không thể phát biểu được điều đó. Có lẽ lý do khiến quá nhiều người cùng thời với Thánh Tôma không nhìn thấy tính độc đáo trong các đóng góp của ngài là vì họ không nói ngôn ngữ hiện hữu.

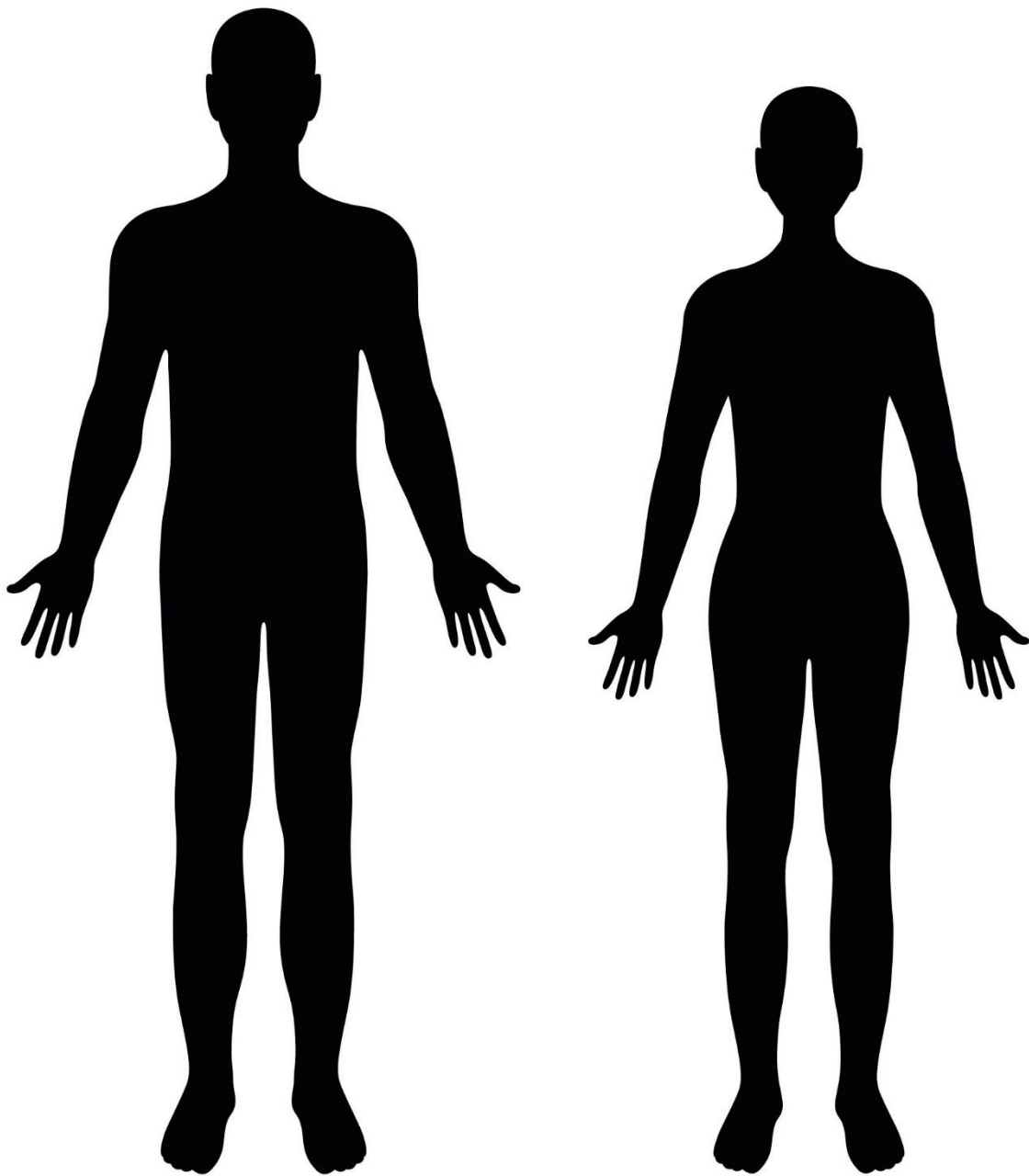
Sự kiện hiện hữu là sợi dây nối kết mọi sự trên thế giới với nhau và với Thiên Chúa làm cho vũ trụ của Thánh Tôma trở thành một vũ trụ tôn giáo. Trong chính hiện hữu của chúng, một điều dù sao dường như cũng là một đặc điểm chung, sự vật giống nguyên nhân của chúng. Ở đây, do đó, tìm thấy ý nghĩa đích thực của bằng chứng chứng minh Thiên Chúa hiện hữu theo cách hiểu của Thánh Tôma: chúng ta đến với Đấng Hiện Hữu [him-who-is] bằng cách khởi đi từ những đối tượng hay chủ thể nào ta có thể nói chúng hiện hữu. Một bằng chứng như thế gọi là hậu thiên [à posteriori], nó có tính thực nghiệm khi thực nghiệm [empirical] không chỉ giới hạn vào việc mô tả một loại kinh nghiệm: tức khả giác mà thôi.

“... từ những điều đã được chứng minh, Thiên Chúa là chính Hiện Hữu, tự mình tồn hữu [*ipsum esse per se subsistens*]. Thành thử, Người phải chứa đựng trong chính Người trọn sự hoàn hảo của hiện hữu”.

Cho nên, nói rằng Thiên Chúa là hữu thể vô hạn không phải là nói rằng Người là một sự trừu tượng hay một sức mạnh vật lý, nhưng là nói rằng Người là một hữu thể có bản vị. Và do đó, khi Thiên Chúa hiện diện một cách sáng tạo trong mọi sự, Người hiện diện một cách đầy ý thức và yêu thương. Con người tham gia trọn vẹn vào hiện hữu hơn động vật và cây cỏ. Và do đó, là con người cũng có nghĩa là có hiện hữu bản vị, như chính kinh nghiệm của chúng ta cho thấy. Một trong những đặc ân của hiện hữu bản vị là có được muôn vàn cách tự biết mình. Và khi biết được mình cũng biết được sự hiện hữu của Thiên Chúa.

Con Người

Bất cứ điều gì chúng ta trân quý nhất nơi yếu tố “nhân bản” đều tìm thấy bên trong sự hiện hữu được Thánh Tôma coi như nguồn gốc của giá trị nơi con người. Vì nơi con người, “hiện hữu” vừa là sáng tạo vừa là cải tạo [conversion], nền tảng của mối tương quan với và hướng về Thiên Chúa. Tư cách tạo vật không hề là tình trạng phân cách với Thiên Chúa mà là một lối tương quan với Thiên Chúa. Mọi lực lượng vũ trụ có đó là để nâng đỡ sự hiện hữu của con người và cả sự ác cũng được hiểu một cách sâu xa nhất khi được coi như mối đe dọa cho tính viên mãn và các khả thể của hiện hữu con người. Sự ác luân lý hay tội lỗi gây hủy hoại nhiều nhất cho mọi lực lượng chính vì nó phi nhân bản nhất trong mọi mối nguy hiểm con người gặp phải. Thực vậy, người ta phải ý thức được chiều sâu và chiều cao của phẩm giá con người do nguồn gốc và số phận thần thiêng của nó, họ mới đánh giá được trọn vẹn sự kinh khủng của việc phi nhân bản này, nghĩa là việc hủy diệt hình tượng Thiên Chúa, tức con người. Nhưng với Thánh Tôma, tín lý hình ảnh hay việc xem con người như hình ảnh của Thiên Chúa và xem các sự vật không phải là con người như các dấu vết của Thiên Chúa, việc nhấn mạnh đến thuyết kiểu mẫu [exemplarism] hay việc nhìn quá bên kia các sự vật bất toàn của kinh nghiệm để thấy các ý niệm hoàn hảo của chúng trong tâm trí Thiên Chúa, quan điểm coi vũ trụ có tính bí tích hay biểu tượng không được phép làm ta sao lãng tính toàn vẹn, tính tự chủ và thực tại mạnh mẽ của con người. Trong vũ trụ của học thuyết Tôma, mọi nhiệt tình thực chất đối với Thiên Chúa đều được diễn dịch thành việc cổ vũ các giá trị nhân bản. Bất cứ điều gì đáng kể đối với việc nhân bản hóa và giải phóng con người đều là một phần chủ yếu của việc phụng sự Thiên Chúa thánh thiêng. Với Thánh Tôma, bản chất thụ tạo là lãnh vực thực tại với các mục đích nội tại, và con người được định hướng kinh qua việc hoàn tất các mục đích nội tại này để đạt được các mục đích tối hậu. Để là một Kitô hữu, người ta phải là một con người. Ở đây, sở dĩ có một thuyết nhân bản nhiệt tình là vì có một nền thần học đích thực. Như chúng ta đã thấy, khi nhìn nhận các phân biệt giữa con người và Thiên Chúa, Thánh Tôma nhằm sự kết hợp giữa hai chủ thể, điều làm cho số phận con người trở thành thánh thiêng theo nhiều ý nghĩa.



Thực sự có một lý do triết lý tuyệt vời cho thấy tại sao lý thuyết hình ảnh trong tư tưởng Thánh Tôma không biến con người và thế giới của họ thành phi thực hay chỉ là cái bóng, vì trong một nền siêu hình trong đó Thiên Chúa là hiện hữu vô hạn (*ipsum esse subsistens*), con người không bao giờ họa hình Thiên Chúa mà không có thực một cách mạnh mẽ!

Như chúng ta vốn chờ mong, lý thuyết chân lý của Thánh Tôma bảo hòa với hiện hữu. Từ cuộc tiếp xúc nguyên khởi với một hữu thể khả giác, con người, như chủ thể nhận thức, nhìn thấy điều có thể biết được bên trong nó, phán đoán nó hiện hữu. Mô tả chính xác cách một vật hiện hữu, do đó, được gọi là “đích thực”. Ý thức bao gồm tự ý thức, và qua ý hướng tính [*intentionality*], ta có ý thức về “người khác”. Thiên Chúa nằm ngoài việc biết của chúng ta như thế nào thì hành vi hiện hữu cũng nằm ngoài hành vi biết của chúng ta như vậy, đến nỗi

hiện hữu phải được khúc xạ tới chúng ta qua các yếu tính mà không bao giờ chuyển dịch sự quan tâm của chúng ta từ hiện hữu qua yếu tính chỉ vì dễ dàng xử lý với các ý niệm. Theo Thánh Tôma, bất cứ việc mất quan tâm nào đối với hiện hữu cũng sẽ tạo nên việc đầu hàng của siêu hình học, một biến cố chưa từng thấy trong lịch sử triết học! Nhờ duy trì sự quan tâm đối với hiện hữu, Thánh Tôma do đó đã giữ được chỗ cho mâu nhiệm trong diễn trình nhận thức. Không phải chỉ trong thần học, mâu nhiệm mới có chỗ đứng của nó. Dĩ nhiên, thần học là việc tham gia vào nhận thức của những người thấy Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa có bao giờ được biết hoàn toàn đâu. Và vì con người và thế giới của họ được Thiên Chúa tạo nên họ phần nào tham dự vào tính bất khả hiểu thấu [incomprehensibility]. Đến nỗi triết gia nào biết thừa nhận mâu nhiệm của hiện hữu thụ tạo sẽ không bao giờ cho rằng mình đã tóm gọn được hiện hữu, không bao giờ cao ngạo cho rằng mình đạt tới một nhận thức thấu đáo [exhaustive] về thực tại như các nhà duy lý được tiếng đã huênh hoang. Không bao giờ nên lẫn lộn nền siêu hình duy lý với nền siêu hình hiện hữu, là nền siêu hình không bao giờ huênh hoang là mình đã đưa ra được các câu trả lời cuối cùng hay có tính kết luận mà chỉ là đề xướng một số khẳng định có giá trị được kinh nghiệm hỗ trợ mà thôi.

Một xem xét ở điểm này cuộc phân tích của Thánh Tôma về nhận thức cũng có tính giáo huấn như cách ngài đi đến các kết luận. Trong Tổng luận Thần học I, q. 84, a. 6, Thánh Tôma khai triển lý thuyết của ngài về nhận thức trong tương quan với các lý thuyết khác. Ngài chọn theo Aristôt, nhưng tìm thấy các mâu thuẫn giữa việc triết gia này dạy rằng “khởi đầu nhận thức của ta là ở các giác quan” và giả thuyết cho rằng “nhận thức của trí khôn vượt quá những điều thuộc giác quan”. Khi gặp khó khăn này, ngài lần giở lại tiến độ trong nhận thức luận từ Democritus qua Platông tới Aristôt; ngài kết luận rằng Aristôt đến gần sự thật nhất. Mặc dầu quan điểm của các nhà duy nguyên tử [atomists] sơ khai của Hy Lạp liên quan đến vật chất và linh hồn hoàn toàn khác với quan điểm của ngài, ngài vẫn thừa nhận nhu cầu phải nắm chắc tư duy của họ trước khi bất đồng với nó. Mặc dầu vật chất không phải là toàn bộ con người, nó quả thuộc về bản chất con người. Và do đó, sự lệ thuộc thái quá của Platông vào các ý niệm như là nguyên nhân và nội dung của bản chất con người xem ra không có thực chất đối với Thánh Tôma. Nếu Aristôt đúng khi tuyên bố rằng con người được tạo lập bằng chất thể và mô thức, thì nhận thức của con người cũng rất có thể đạt được bằng việc nói kết các nguyên lý chất thể và mô thức. Nhưng vì cả chất thể đứng một mình lẫn tinh thần đứng một mình đều không thể giải thích bản chất con người, nên phải có một nguyên lý trung gian làm việc trong sinh hoạt của con người. Aristôt gọi nguyên lý ấy là trí hiểu tích cực [active intellect]; trí hiểu này biến đổi các hình sắc [species] khả giác của trí khôn thành những hình sắc khả niệm được in dấu [impressed intelligible species] có khả năng được trí hiểu tiếp nhận. Diễn trình này là việc trừ tượng hóa, loại bỏ mọi chi tiết cá thể hoá khỏi mô thức ý hướng [intentional form] để nó có thể được thấu triệt bởi một quan năng hoàn toàn vô chất. Ở đây, Thánh Tôma sử dụng kiểu nói hiện thể/tiềm thể [act/potentiality] của Aristôt khi ngài giải thích nhận thức như hành vi tiếp nhận một mô thức thực sự khả niệm hay, nói cách khác, đem trí hiểu khả hữu từ tình trạng tiềm thể sang tình trạng hiện thể. Trí hiểu tích cực thực hành chức năng này không tách biệt khỏi con người như đoạn văn của Aristôt trong *Về Linh Hồn* [On the Soul] (III, 5) gợi ý cho một số người, nhưng linh hồn trong hiện thể sinh động hóa chính việc hình thành hình ảnh khả giác. Thánh Tôma nghiêng về “lý thuyết trừ tượng hóa” của chính ngài hơn chỉ vì nó để cho trí hiểu hoàn toàn siêu việt trong khi không mưu toan loại bỏ sự lệ thuộc ngoại tại của nó vào thân xác để có được các hình ảnh sử dụng trong diễn trình trừ tượng hóa.

Đối tượng thích đáng của trí hiểu con người, như thế, là yếu tính của các thực tại khả giác, bản thể [quiddity] của chúng, không tách biệt với các sự vật khả giác, như Platông vốn nghĩ, nhưng được trí khôn phân biệt. Nhờ sự trừ tượng hóa của trí hiểu này con người sử dụng các

dữ kiện do các giác quan trình bày, và nhờ suy tư, nhận ra từ đâu, đã nhận được dữ kiện. Vậy thì, việc Thánh Tôma tiếp nhận ý niệm quân bình của Aristot về nội dung chất thể/mô thức của yếu tính con người quả là một thành lũy chống những cực đoan do đó mà có. Mặc dù các lý thuyết của Democritus không còn được duy trì trong hình thức nguyên thủy của chúng nữa, vì khoa học đã tiến quá xa đối với nó, nhưng một số người vẫn chủ trương rằng có thể giản lược nhận thức chỉ còn là hiện tượng vật lý. Những ai giải thích các năng lực thuận lý của con người chỉ như một vấn đề của các khớp thần kinh [synapses] và việc tái sắp xếp các chất đạm về phương diện hóa học quả đã không nắm được điểm hết sức quan trọng. Bất cứ họ giải thích hay bao nhiêu các vận hành của bộ óc con người, họ cũng không thể đạt tới năng lực vô chat của con người, nhờ đó, người ta nắm được ý nghĩa. Sự khác nhau có tính định phẩm và chủ yếu. Hiện cũng đang có khuynh hướng muốn tạo ra một “trí hiểu chung” từ xã hội và ngăn cấm con người không được độc lập tiến tới chân lý. Tất cả bị bao phủ bởi đám mây văn hóa và xã hội như bầu khí của tư tưởng là nguyên nhân tạo ra các suy tư của ta. Nhưng trong học lý của Thánh Tôma, con người có thể vượt quá môi trường của họ chính vì họ có thể vượt quá các điều kiện vật chất bao quanh bất cứ yếu tính nào; các điều kiện vật chất sẽ là các khởi điểm của họ, nhưng việc đạt tới chân lý hay hữu thể của bất cứ vật gì họ nghiên cứu không bị loại trừ. Như một năng lực vô hạn, trí hiểu của con người mở cửa cho con người vươn tới vô hạn, mặc dù chỉ có tình yêu mới đạt được vô hạn mà thôi. Tương quan giữa mỗi con người với hiện hữu siêu việt trong kinh nghiệm biết và sống của họ, chính đó là cơ sở của khách quan tính.

Hiện hữu cũng là cơ sở cho bất cứ cái hiểu đúng đắn nào về tình yêu. Có tính tự thông đạt mình, đại lượng, biết ngây ngất [ecstatic], hiện hữu bên trong Thiên Chúa là mô hình cho mọi tình yêu đích thực và cho mọi khả thể mệnh mông của sự cao thượng nhân bản. Ngược với điều một số sách giáo khoa trước đây quảng bá về việc Thánh Tôma trọng nhận thức hơn tình yêu, các văn bản cho thấy ở đây và ở mọi chỗ, trong vấn đề thân xác tương quan với linh hồn, nhận thức suy lý tương quan với nhận thức thực tế, tự nhiên tương quan với ơn thánh, Thánh Tôma luôn chống lại nhị phân [dichotomy] và lập luận về phía liên tục và đồng qui. Ngài nhắc đến các chân lý quan trọng, thuộc lãnh vực luân lý và tôn giáo, như được mở ra cho những ai yêu thương. Và ngài đặt cơ sở cho tình yêu tinh ròng, nghĩa là, tình yêu hiển mình hơn là tình yêu thêm muốn, trên việc đánh giá có ý thức các giá trị nội tại của con người.

Còn về các khía cạnh khác của con người, dù có thể tạo nên một nền tâm lý học Tôma bằng cách phân tích riêng rẽ từng khả năng của con người, trí hiểu và các giác quan nội ngoại, ý chí và sức mạnh của xu hướng, nhưng một thủ tục như thế chỉ đem lại một cái nhìn cắt xén về con người. Dĩ nhiên, thánh Tôma, cũng như Aristot, có thảo luận các năng lực này nhưng trong học lý của Thánh Tôma về con người, năng lực [power] không là gì ngoại trừ trong tương quan với các năng lực khác, tất cả liên hệ với các hành động được nguyên lý hiện hữu tinh thần [esse] làm cho sinh động, trong đó, mọi hành động ít nhiều tham dự vào tùy theo mức độ độc lập của chúng đối với vật thể. Nếu xem xét từng năng lực một cách riêng rẽ, ta phải lưu ý phục hồi nó trở lại vị trí của nó trong tính toàn diện của chủ thể hiện hữu nhân bản, tức con người đang sống, đang nhận thức và đang yêu thương, hành động một cách tự do để đáp ứng những mời gọi có thực chất. Trong khung cảnh này, toàn bộ xu hướng trong con người hướng về điều thiện, vốn là mục đích của ý chí; sự thiện này luôn là một điều hiện hữu, một điều có thực chất. Vì mọi chủ thể nhận thức đều hướng về điều thiện như một điều có thực, chúng ta gọi điều này là “cùng đích” [finality] hay *telos*, mọi và mỗi hành động của con người đều tham dự vào xu hướng hướng tới điều có thực này, và ngay cả việc nhận thức của trí hiểu, do đó, cũng liên hệ tới một đối tượng có thực. Qua trung gian của ý chí, đối tượng của nhận thức trở thành nội tại như mục đích đối với chủ thể nhận thức.

Bất cứ xu hướng tự nhiên nào thường cũng được xác định bởi mô thức của chủ thể có xu hướng, nhưng một chủ thể nhận thức hay vô chất cảm nhận sự lôi cuốn hướng tới sự vật không phải nguyên bởi mô thức của nó mà thôi, cũng không phải một cách bất định nào đó, mà được chuyên biệt hóa bởi mô thức của các vật nó nhận thức. Và đặc ân của các hữu thể vô chất là tự nhận thức mình, và hữu thể vô chất, với mọi nét vô hình của nó, vốn là hữu thể thực sự, nên mô thức xác định việc nó nhận thức chính nó và các sự vật kết hợp với nó có tương quan một cách yếu tính với điều có thực. Hữu thể có ý hướng, do đó, có bất cứ mô thức nào nó có dưới ảnh hưởng xu hướng của chúng ta hướng tới sự vật có thực dưới sự lôi cuốn của mục đích nơi ý chí. Chúng ta gọi sự vật có thực này là đối tượng vì nó không thể được đồng nhất hóa với chủ thể, nhưng điều này không có nghĩa là nó “ở ngoài kia”. Thực vậy, qua mô thức của xu hướng do nó xác định, nó có tính nội tại, và trong từ vựng Kinh Viện, nó được biết như là hình thái khả niệm [intelligible species], nghĩa là, hữu thể có ý hướng của đối tượng, vốn chuyên biệt hóa việc ý thức về chính mình.

Đối với Thánh Tôma, việc tự ý thức chính mình là mối nối kết các điều kiện siêu hình và tâm lý của nhận thức hơn là các điều kiện luận lý. Điều này cho thấy sự liên kết ở một bình diện sâu sắc giữa viễn kiến của Thánh Augustinô và phương pháp của Kant. Hữu thể tuyệt đối hay chân lý tự nó áp đặt như điều kiện xác định tiên thiên tối hậu hay siêu việt của mọi nhận thức của con người. Do đó, điều phán đoán của chúng ta muốn nói không phải chỉ là điều được phát biểu trong các ý niệm ta khẳng định. Vì đối tượng mô thức của trí hiểu là hữu thể tuyệt đối, mặc dù không nằm ở bình diện ý thức, tư tưởng khách quan trở thành khả hữu. Qua việc tự ý thức hay phản tỉnh về chính sinh hoạt tri thức của mình này, chúng ta thấy hai yếu tố hoàn toàn không do giác quan cung cấp: bản ngã hay cái tôi, vốn là yếu tố cụ thể chung cho mọi phán đoán, và hữu thể, vốn là căn bản cho tính khách quan nhận thức, tức hiện hữu, chỉ đạt tới nhờ sinh hoạt tinh thần chẳng hạn như việc nhận thức của trí hiểu. Bằng cách áp dụng nguyên tắc *actio sequitur esse* (hành động theo hiện hữu), chúng ta có thể lập luận cho việc hiện hữu tinh thần của linh hồn, vốn là lý do được Thánh Tôma cung cấp cho tính bất tử của nó. Nhưng vì Nguyên Nhân Sau Cùng hay hữu thể tuyệt đối là nguyên nhân đầu hết và thực sự, dù một cách hàm ngụ, lôi cuốn tôi tới sự thiện hoàn toàn hay chân lý hoàn toàn, nên mọi hành vi của ý chí đều là một xu hướng hướng tới sự thiện hoàn toàn này, và mọi hữu thể hữu hạn đều đáng được mong muốn nhờ tham dự vào sự thiện này. Và vì mọi phán đoán, do đó, đều là một kinh nghiệm hướng tới thể vô hạn, chúng ta có thể kết luận rằng trong mọi phán đoán, có một khẳng định về Thiên Chúa, dù một cách mặc nhiên.

Cũng có hệ luận này là vì tương lai tối hậu của con người khởi xướng mọi khát mong nhân bản hướng tới các mục tiêu hữu hạn, nên tất cả những gì con người khát mong, họ đều mặc nhiên khát mong trong diễn trình hướng tới sự thành toàn sau cùng của họ: *Omega* của họ. Nhưng nếu xu hướng năng động của con người hướng tới “hữu thể”, điều vốn bảo đảm tính khách quan trong việc suy tư của họ, phát xuất từ chiều kích linh hồn thiêng liêng của họ, thì đóng góp chính vào nhận thức của con người lại được thực hiện bởi thân xác của họ. Vì chỉ bằng cách “trở về với *phantasm* [niệm ảnh]” tức đem lại với nhau ý niệm phổ quát và hình ảnh cụ thể, con người mới có khả năng phán đoán những điều cá thể cụ thể; đến nỗi, việc tự ý thức thỏa đáng có nghĩa ý thức được sinh hoạt nhận thức của con người, một điều, dù sao, cũng bắt nguồn từ sự hợp nhất có tính bản thể giữa vật thể và tinh thần trong chủ thể nhận thức. Tất cả những điều này đứng đằng sau việc các nhà duy thực hiện hữu trong truyền thống Tôma không thỏa mãn đối với những người vốn được coi là duy nghiệm triệt để. Do sự kiện này là người theo trường phái Tôma thấy việc tự cảm nghiệm là khởi điểm cho một nền siêu hình về con người và Thiên Chúa, họ cũng thấy “thuyết duy nghiệm triệt để” không triệt để đủ.

Nên, trong học lý toàn diện của Thánh Tôma về con người, chúng ta sẽ nghiên cứu con người nhân bản biết trong kinh nghiệm biết, con người nhân bản muốn trong kinh nghiệm muốn.

Cuối cùng, nên nói về chủ đề tự do, rất quan trọng hiện nay. Thánh Tôma coi tự do không phải là độc lập đối với thể tuyệt đối nhưng độc lập đối với thể tương đối. Dù sao, thể tương đối mới là nơi duy nhất con người gặp đề kháng đối với hành động tự do của họ. Vì, nếu Thiên Chúa, Đấng vốn tuyệt đối, là Đấng đã tạo ra con người tự do, thì sự tự do của con người, nhờ lệ thuộc Đấng tuyệt đối, chỉ được tăng cường mà thôi. Giờ đây, cách duy nhất để con người kết hợp với Đấng tuyệt đối, Đấng vốn vô cùng vượt quá năng lực tri thức của con người, là phó mình cho tình yêu, và ai cũng biết rằng không tình yêu nào nếu không dâng hiến một cách tự do thì không đáng danh xưng tình yêu. Và như thế, nếu con người liên hệ với các hữu thể khác một cách đến nỗi làm người là hiệp thông với người khác, sống cho họ, thì tình yêu quả thực không bao giờ làm giảm tự do của con người, vì chỉ qua tình yêu, con người mới trở nên chính mình. Và là chính mình là được tự do.

Tất cả những điều trên cho thấy Thánh Tôma chấp nhận con người Kitô hữu cụ thể của Thánh Augustinô ngay cả khi ngài lợi dụng cuộc phân tích lý thuyết của Aristôt về bản chất con người.

Con người luân lý, hay đạo đức học Tôma

Cách Thánh Tôma suy nghĩ khác với cách phần lớn chúng ta quen thuộc ngày nay. Tuy Thánh Tôma rất thành thạo trong việc hiểu biết tác phong của con người, nhưng vì nhắm việc hệ thống hóa và việc phát biểu rõ ràng, nên ngài không muốn bàn đến những vấn đề gây hồi hộp trong hiện hữu nhân bản theo cách của các tiểu thuyết gia ngày nay. Trong đạo đức học, chúng ta có thể chỉ trông mong ở Thánh Tôma các nguyên tắc tổng quát mà thôi, vì trên bình diện suy lý, chỉ có điều này mới có giá trị.



Mặc dù sẵn lòng thay đổi ý kiến khi có bất cứ chứng cứ mới nào hay lời phê phán có lý nào, Thánh Tôma không bao giờ thích “chuyển dịch việc nhấn mạnh từ hiện hữu qua hành động, và hơn thế, không phải thứ hành động như một tan hòa vào phương tiện đến loại bỏ mục đích”. Ấy thế nhưng ngài lại coi “hành động” quan trọng vì thay đổi là một sự hoàn hảo nơi tạo vật bao lâu nó là một phần của chuyển dịch hướng tới Thiên Chúa. Chuyển dịch này là chuyển dịch của tình yêu mà đời sống tri thức vốn phục vụ, một đáp ứng đối với sự thiện tuyệt đối là tình yêu của chính Thiên Chúa dành cho con người. Các hữu thể nhân bản lớn lên bằng những đáp ứng này. Và như thế, việc theo đuổi hạnh phúc phụ thuộc việc theo đuổi sự thiện, vốn là sự hoàn hảo của bản chất con người với phó sản của nó là hạnh phúc.

Khuôn mẫu của sự hoàn hảo của con người được khám phá nhờ việc khảo sát các xu hướng có phẩm trật của bản chất con người, những điều cho thấy rõ ý muốn của Thiên Chúa đối với con người đang cố gắng trở thành luân lý. Mục đích của con người là trở nên nhân bản xuyên suốt, đạt được sự hoàn hảo của con người toàn diện, gồm cả xác lẫn hồn, đạt được một nhân cách hoàn hảo theo các khả thể của chính họ. Ý thức một cách thuận lý, con người, không như con vật, có thể biết mục đích của họ và được tự do xác định các thành tựu của mình nếu biết hành động một cách không dốt nát, đam mê, cưỡng bức. Nhưng luân lý tính không phải là việc thể hiện mọi tiềm thể mà không cảm thức được phẩm trật. Việc này đòi phải cân nhắc cẩn thận các giá trị, một việc tiệm tiến [gradation]. Có những giá trị tri thức, luân lý, xã hội, thân xác và, trên hết, các giá trị tôn giáo. Tất cả đòi chúng ta phải đánh giá, nhưng không phải tất cả bị hy sinh vì các giá trị khác. Nhưng nhờ giá trị tình yêu Thiên Chúa có liên hệ mật thiết với sự hoàn hảo của con người, nên đạo đức học Tôma có thể cổ vũ tình yêu Thiên Chúa vì chính Người và tình yêu người khác vì chính họ, bằng cách trước nhất tìm kiếm Nước Thiên Chúa, và nhờ thế, kết hợp đạo đức học bản phận với đạo đức học duy hạnh phúc [eudaimonism] trong một đáp trả tình yêu.

Nói cách khác, trong quan niệm của Thánh Tôma, con người luân lý là con người tự do. Con người tự do hành động do động lực yêu thương đối với điều chân và điều thiện, và như thế, con người nội tâm hóa luật tự nhiên trong các xu hướng của họ, thiên luật đã được mạc khải cho họ và luật dân chính đã được công bố. Như Gerald Vann từng viết: “học thuyết luân lý của Thánh Tôma không nhằm việc hẹp hòi bắt tác phong cá nhân phải mù quáng vâng theo một bộ luật. Nó là một kế sách có tính vũ trụ; mục đích của nó là vinh quang Thiên Chúa và *ordo universi* (trật tự vũ trụ) hay việc thành toàn của thế giới”. Điều chân và điều thiện mà con người đáp ứng không phải là các ý niệm trừu tượng. Nền luân lý Tôma có tính quy thần [theocentric]. Thiên Chúa được yêu thương trong tất cả những gì tốt lành, vì đức ái là linh hồn của mọi hành vi đức hạnh của con người. Con người tìm thấy mình trong việc yêu mến Thiên Chúa, làm điều mình nên làm, và trong việc tìm thấy mình, con người tìm thấy tự do hay sự trọn vẹn [wholeness].

Sự ưu việt được Thánh Tôma dành cho hiện hữu hơn là cho “tinh thần” như đối lập với “vật thể” là vì một nền luân lý tích cực hơn là tiêu cực. Bất cứ người theo Thánh Tôma nào trung thành với giá trị được ngài đặt lên “hiện hữu” và các hiển hiện [epiphanies] siêu việt của nó như chân thiện mỹ đều có đặc điểm ở thái độ cởi mở và sẵn sàng tiếp thu đối với các chân lý được các triết gia khác biệt nhau nhất phát biểu cũng như đối với các hành vi xã hội của những người tự xưng là vô tôn giáo nhưng đang làm việc cho mọi hình thức tiến bộ nhân bản trong thế giới hiện đại. Không nên diễn dịch cuốn Tổng Luận thời danh như là để kết liễu việc tìm kiếm chân lý mà là để thiết lập ra thái độ “cứu chuộc chân lý” hay “tước đoạt người Ai Cập” (*). Điều gây ngạc nhiên trong mỗi cuốn Tổng Luận là con số các nguồn được giải thích cách đầy thiện cảm. Tầm nhìn thấu suốt về siêu hình của Thánh Tôma vào thực tại như là chủ thể hiện hữu không hề khô cứng.

Nhưng tính sinh hoa trái của nó phần lớn tùy thuộc việc thừa nhận chiều sâu và chiều rộng của nó. Một nguyên tắc như “hiện hữu” ít khi có thể xếp vào loại nguyên tắc tư duy của nhà duy lý, mà nó cũng không thể bị tước đi mà không vi phạm ý nghĩa của năng lực đồng hóa các khám phá tri thức tương lai. Một nền triết lý hiện hữu luôn sẵn sàng để có liên quan nếu chúng ta có đó để làm nó nên như thế. Một nền triết lý như thế phối hợp tính ổn định của các nguyên tắc vĩnh viễn với tính năng động của việc nhấn mạnh tới phát triển, vì nó đặt cơ sở cho mọi hoàn hảo của con người và tiến bộ xã hội cũng như giải đáp tôn giáo trên hiện hữu như một hành vi [being-as-act] hay năng lực yêu thương. Do đó, người phê bình học thuyết Tôma nào liên tục đặt “hiện hữu” bên trong khuôn khổ học thuyết Tôma đối nghịch với “trở

nên” [becoming] như thể ngài tương phản bản thể với hành động hay Parmenides với Heraclitus, quả đã không hiểu vấn đề. Tính ổn định của hữu thể theo quan điểm của Thánh Tôma có tính năng động, y như tính năng động của thực tại có tính ổn định vậy, vì nó bắt nguồn từ chính hành vi hiện hữu, *actus essendi*. Hơn nữa, khuôn mặt của việc hiện hữu này, khuôn mặt nó quay hướng về con người, là “tình yêu”, một điều có tính hoạt động hơn hết trong mọi điều, mạnh mẽ hơn sự chết, nguồn bí mật của mọi hạnh phúc nơi con người và mọi thâm kịch của họ.

Khi hiện hữu như tình yêu được thừa nhận là sự thiện tối cao, đời sống luân lý hệ ở việc đáp ứng tình yêu này trong mọi chọn lựa của con người. Các thực tại hữu hạn được chọn lựa vì chính các giá trị của chúng; giá trị này vốn cùng một lúc làm trung gian cho tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa. Vì Thánh Tôma liên hệ hạnh phúc con người với tình yêu hoàn hảo dành cho Thiên Chúa, nên sự hoàn hảo của con người không phải là mục tiêu trực tiếp của họ trong đời sống luân lý. Do đó, cứu cánh luận [teleology] của Aristot đã được biến đổi sâu xa. Cuộc thảo luận thời danh của Aristot về năng lực cao nhất của “bản chất” con người được thay thế bằng ý niệm tương quan với “hiện hữu” cao nhất [*esse*]. Và như thế, vấn đề cùng đích của con người không còn là vấn đề năng lực nào của con người cao hơn như yếu tố thiết lập họ trong bản chất chuyên biệt của họ; đúng hơn, nó là vấn đề năng lực nào của con người có thể vươn tới chủ thể hiện hữu tối cao dù tính siêu khả niệm, siêu ưu việt của Người thách thức bất cứ việc ý niệm hóa nào. Và trọn đời sống tôn giáo của con người hay đời sống đức tin của họ do đó được tích hợp vào nền đạo đức mục đích, hay thành toàn trọn vẹn mà không tước mất tính đáng ước ao nội tại của các giá trị nhân bản cũng không biến Thiên Chúa thành chỉ là giá trị phương tiện cho các năng lực của con người. Thiên Chúa tuy siêu việt nhưng Người luôn hiện diện bằng ý chí sáng tạo của Người trong mọi vật thụ tạo. Người hiện hữu một cách rất đặc biệt trong các hữu thể có ý thức, là những hữu thể nơi đó hành vi đức tin được thực hiện dưới năng động tính của ý chí tìm thực tại hay sự thiện. Và như thế, bất cứ nơi nào Thiên Chúa kêu gọi con người bằng ơn phúc đức tin, ý chí đều có khả năng vươn tới Đấng hiện hữu tối cao vượt quá mọi hiểu biết. Bất cứ nơi nào đáp ứng tự do của con người đối với lời mời gọi của Thiên Chúa giống như đáp ứng của Con Thiên Chúa, con người đều trở thành “ảnh tượng” [icon] hoàn hảo, hoàn hảo nhân bản và hoàn hảo luân lý nhờ việc tham gia vào *agape* (đức ái) của Thiên Chúa, vốn là nguyên lý của hiện hữu Kitô hữu. Như Thánh Phaolô từng dạy, tình yêu là lề luật mới. Và khả năng con người đáp trả trong yêu thương là trách nhiệm cao cả nhất của họ và là cơ hội lớn nhất của họ để trở thành nhân bản thực sự.

Dù Thánh Tôma chắc chắn nhấn mạnh tới chức năng của nhận thức trong nền luân lý, nhưng ngài đã không bàn đến hành động này. Và mặc dù có nội dung tín lý dứt khoát dành cho đức tin như Thánh Tôma định nghĩa về nó, nhưng bất cứ khi nào ngài nói đến việc sống đức tin, thì luôn luôn là đức tin sống bằng tình yêu. Mặc dù ngài viết nhiều mục liên quan tới đạo đức học như một khoa học, các tầm nhìn thấu đáo của ngài cho thấy ngài coi đời sống luân lý cũng như đời sống tôn giáo như “nghệ thuật yêu mến Thiên Chúa” và những con người nhân bản. Chỉ có tình yêu mới có thể đem con người tới chỗ hiệp thông với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và do đó, khi con người hoàn tất định mệnh cụ thể của họ, họ là một “vị thiên chúa nhờ tham gia”. Thiên Chúa Ba Ngôi là qui phạm của nền đạo đức học Kitô giáo biết nhấn mạnh tới các mối tương quan liên bản vị hơn là một nền đạo đức tự mãn [self-sufficient], vốn là quy phạm của Aristot.

Một số người dám nghĩ rằng một nền đạo đức về hiện hữu nhân bản được năng động điều hướng về hữu thể tuyệt đối có bản vị nhất thiết bao hàm việc giảm thiểu hay hạ giá trật tự nhân bản hay tạm thời [temporary]. Ngược lại, khuynh hướng của con người hướng về tuyệt đối khiến họ lưu tâm tới tất cả những gì có liên hệ với tuyệt đối. Mối tương quan riêng của

con người với Thiên Chúa, chiều kích tôn giáo của họ, cho phép họ tham dự vào việc điều hướng thế giới của Thiên Chúa, sự khôn ngoan của con người hợp tác với ơn quan phòng của Thiên Chúa. Điều này trao cho con người một trách nhiệm có tính sáng tạo phải tiến bộ trong các khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật trong kinh thành con người. Kinh thành này không bao giờ được nhìn một cách đích thực ngoại trừ, trong tương quan với Thiên Chúa, nó là một tình huống đem lại cho mọi sự kiện tạm thời một giá trị khôn tả trường cửu.

Nếu siêu hình học và tôn giáo nhấn mạnh tới việc thế giới tùy thuộc về phương diện hữu thể học vào Thiên Chúa và tình yêu ưu tiên của Thiên Chúa dành cho người ta, thì siêu hình học và tôn giáo không hề cản trở việc xây dựng kinh thành nhân bản. Hơn nữa, con người được cứu khỏi tính hàm hồ lưỡng nghĩa của họ nhờ ơn gọi của họ trong việc mô phỏng tự do sáng tạo của Thiên Chúa. Sự thiện vô hạn, vốn làm cơ sở cho các chọn lựa của con người, cũng làm cho khả hữu việc con người lớn mạnh trong tự do hay hay tính toàn vẹn [wholeness], hoa trái thành công trong nghệ thuật yêu mến Thiên Chúa và con người như họ nên được yêu mến, vì chính họ.

Tất cả những gì con người đạt được sẽ tồn tại mãi mãi vì các thành tựu của họ là một phần của chính họ, và họ vốn bất tử như chủ thể có tương quan với Thiên Chúa trường cửu. Nhập Thể là vì Phục Sinh. Nên thế giới sẽ trở dậy lại với Chúa Kitô. Hiện hữu với *esse* hay hiện hữu thiêng liêng là hiện hữu mãi mãi và tình yêu quả vĩnh viễn.

Đạo đức học Tôma có thể sử dụng từ vựng Aristốt, nhưng rượu mới trong các bình cũ là thần khí yêu thương. Vì Chúa Kitô của Sách Thánh đã tuyên bố có thể tóm gọn mọi lẽ luật luân lý vào tình yêu Thiên Chúa và người lân cận, điều đúng hơn, do đó, là nói rằng đạo đức học Tôma là đạo đức học Kinh Thánh chứ không phải đạo đức học Aristốt. Và mặc dù phần lớn huyền nhiệm học Kitô giáo theo khuynh hướng tân Platông muốn xoay hướng đa dạng trở về với thống nhất bằng cách xa lánh đến bác bỏ thế giới này, đời sống huyền nhiệm của Thánh Tôma có đặc điểm của một chiêm niệm chín mùi từ đời sống luân lý Kitô giáo. Đặc điểm này đưa thống nhất vào đa dạng. Sự nên một này được đức ái đem lại, vì đức ái vốn là mô thức của mọi nhân đức Kitô giáo. Các quan tâm đa dạng về đời sống, các vấn đề đời sống, và các sinh hoạt của đời sống con người đều được tình yêu thống nhất hóa. Việc đáp trả Thiên Chúa này trong và qua các biến cố cụ thể hàng ngày là một chiêm niệm Kinh Thánh, chứ không phải Hy Lạp. Hơn nữa, con người, chủ thể đáp trả các giá trị nhập thể không phải là một hiền sĩ Khắc Kỷ mà là một con người rất nhân bản mà các niềm đam mê của họ vốn lên năng lực cho tình yêu họ dâng hiến cho Thiên Chúa và con người.

Có một chiều hướng trong đó Thánh Tôma, trong học thuyết luân lý của ngài, không theo cả Platông lẫn Aristốt và phái Khắc Kỷ nhưng theo Thánh Augustinô. Với Aristốt, vũ trụ là một hệ thống khép kín không có các tiêu chuẩn tuyệt đối do ý niệm của Platông cung ứng, nhưng trong khi phái Platông ghi nhận chính xác sự nôn nao khao khát của con người, họ cho điều này phát nguồn từ mối tương quan của con người với thân xác hơn là với các ý niệm trường cửu. Thánh Tôma đi giữa thuyết nhị nguyên của Platông với việc khinh chê vật chất và thuyết đạo đức duy tự nhiên của Aristốt. Thánh Tôma chắc chắn ngài ưa thích tình huống phức tạp của con người khi nhìn nhận thân xác là yếu tố có tính yếu tính trong bản chất của họ hơn là luận lý vô thực chất của thuyết nhị nguyên, nhưng ngài không chắc liệu ngài có biết rõ con người để ngài sẵn lòng ủy thác việc thiết lập ra luật luân lý cho một xã hội lý tưởng của con người hay không. Thánh Tôma biết chắc rằng con người tự do được Thiên Chúa tạo dựng trong mối tương quan năng động với Người sẽ không phải là chính họ, nếu họ không có tính tri thức và tình yêu nhân bản, điều vốn vượt quá tư lợi. Thánh Tôma nhất trí với Thánh Phaolô rằng con người là thân xác, linh hồn, và tinh thần, và chủ nghĩa hiện thực của ngài về

hiện hữu cung ứng viễn kiến này về con người phát triển trong lòng thế giới giữa một cộng đồng nhân bản sẵn sàng đón nhận tình yêu vô hạn. Đáp trả lời mời gọi thần thiêng vốn là chính sáng tạo, vũ trụ là một khát vọng nồng cháy, một đi lên, một trở về với “hợp nhất” hay toàn vẹn tính.

Điều trên có nghĩa mọi thành công xã hội và chính trị, các thành tựu đối với ích chung của những con người nhân bản và đối với việc phát huy chính phủ của những con người tự do, có tính vĩnh viễn, chứ không phù du. Bất cứ điều thiện nào làm cho con người đều kéo dài mãi mãi, và không điều nào bị loại ra ngoài đời sống luân lý, một đời sống luôn được đo lường bằng các khả thể có thực ở một thời điểm lịch sử nhất định nào đó. Và vì ơn cứu rỗi là thành tựu của Thiên Chúa, nên không người nào vì bất cứ hoàn cảnh kinh tế hay lịch sử nào bị ngăn cản dự phần vào đó. Chỉ cần họ bằng lòng và thành thực cố gắng làm chứng cho nó. Yêu thương người khác vì chính họ, vốn là điều ai cũng có thể có, là sức mạnh phổ quát duy nhất có khả năng kết hợp con người lại với nhau bao lâu nó thực sự kết hợp họ với Thiên Chúa. Tình yêu cũng là sức mạnh lớn nhất đối với sự thay đổi trong thế giới, vì chỉ có tình yêu mới có thể thay đổi trái tim con người cách triệt để, mở lớn nó, ly tâm [decentralize] con người, và chuẩn bị cho họ biết nhìn ra một thế giới khác từ tổ ấm của họ. Khi con người dần dần mở rộng và mở sâu thế giới quan của họ, các ảo tưởng sẽ lìa xa họ và họ sẽ đáp trả một cách thỏa đáng hơn các đòi hỏi cấp thiết của từng tình huống dưới sức lôi cuốn của một tình yêu có thể tạo ra sự lớn mạnh vũ trụ và bản thân vốn chuẩn bị họ cho cuộc kết hợp “mọi sự trong mọi sự”.

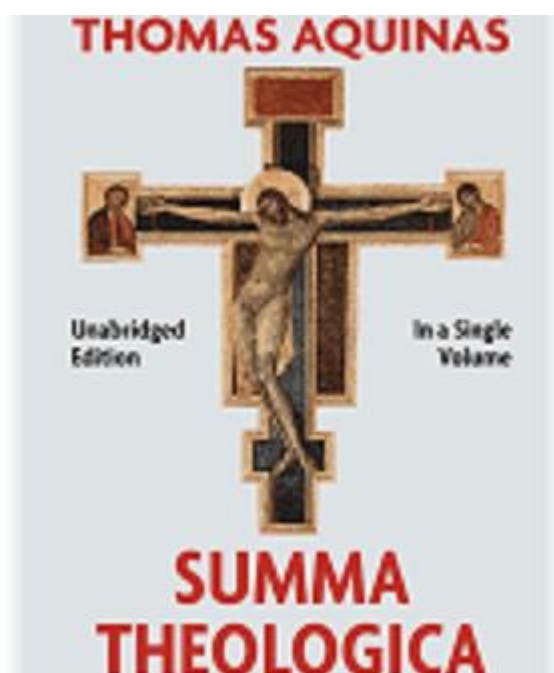
Thánh Tôma cũng quan tâm tới hành động như bất cứ nhà thực dụng [pragmatist] Hoa Kỳ nào, nhưng ngài không bao giờ tách biệt hành động khỏi hiện hữu. Đó là lý do tại sao hành động luôn nêu ra vấn đề nguồn gốc và mục đích. Kinh nghiệm Tôma về hành động rộng và sâu hơn kinh nghiệm thực dụng. Điều Buber gọi là “hàng ngày” được thánh Tôma gọi là bất tất, ngẫu nhiên [contingent] và Dewey gọi là “diễn trình”. Nhưng phân tích của Thánh Tôma về kinh nghiệm hành động nằm trong xu hướng sâu hơn của ý chí con người hướng tới sự thiện tuyệt đối, hướng tới kinh nghiệm mặc nhiên của con người về siêu việt trong mọi xu hướng của họ, một kinh nghiệm giữ cho con người luôn nhân bản. Vì Thánh Tôma dạy rằng hành vi của Thiên Chúa là một với hữu thể của Người, nên không bao giờ được coi Thiên Chúa như một đối vật mà phải như một chủ thể, một tự do sáng tạo. Nghĩa là Thiên Chúa không bao giờ bị giới hạn bởi nhu cầu. Bất cứ nơi nào Thiên Chúa hành động, Người đều hành động để thông truyền điều thiện. Luật luân lý nhân bản sâu sắc, được nhận biết một cách trực giác là thế này: Hãy làm điều thiện. Mà con người làm điều thiện khi họ họa hình Thiên Chúa trong hành động bằng cách hiện thân [incarnate] phần nào sự thiện tuyệt đối kia mà khát vọng của ý chí họ vốn hướng họ về. Để con người trở thành nhân bản, điều “hiện nay” đem siêu việt đến cho họ; điều “hàng ngày” của họ có trong nó điều vĩnh cửu. “Chuông chỉ là chuông khi bạn rung nó, bài hát chỉ là bài hát khi bạn hát nó” thế nào, hữu thể nhân bản sẽ không nhân bản trừ khi nó nhân bản hóa môi trường của nó bằng cách thông truyền điều thiện. Không phải mọi hành vi của con người đều là hành vi nhân bản. Để nhân bản, chúng phải được thực hiện bằng nhận thức và tự do. Không phải mọi hành vi nhân bản đều có giá trị luân lý. Điều xác định thành công của một hành động không phải là giá trị tiền mặt của nó mà là giá trị luân lý của nó, một giá trị được đo lường bằng năng lực hoàn thiện con người như một ngôi vị theo hình ảnh Thiên Chúa, Đấng thông truyền sự thiện.

Không gian, thời gian và di truyền [heredity] có phần trong việc làm ra con người, và ngày nay ta nghe nhiều về việc này. Nhưng con người vượt quá các yếu tố đó. Họ là trách nhiệm tối hậu trong việc làm ra chính họ. Và luân lý chính là nói về chuyện này.

(*) Kiểu nói trích từ Xuất hành 12:36, kể lại việc người Do Thái trên đường rời khỏi Ai Cập đã tước đoạt của cải của người Ai Cập, 1 việc được biện minh như là công làm nô lệ bao năm qua. Cũng có người giải thích hành vi này được biện minh về luân lý vì cướp của những người bên ngoài tín ngưỡng của mình.

Con người tôn giáo

Triết học của Thánh Tôma hiện diện không những trong các chú giải và công trình hệ thống mà còn trong các trước tác huyền nhiệm và Kinh thánh của ngài thế nào, thì tư tưởng tôn giáo và thần học của ngài cũng xuất hiện giữa cuộc thảo luận về những điều trần tục và các vấn đề kỹ thuật thuộc học thuật như vậy. Nhưng điều này chỉ có thể chờ mong nơi một người, như Thánh Tôma, chủ trương rằng mọi quan điểm về tạo vật đều liên quan tới chân lý về Đấng Tạo Dựng. Mặc dù Thánh Tôma đánh giá sâu sắc việc cần phải phát biểu có hệ thống bất cứ điều gì có thể hiểu được trong mạc khải Thiên Chúa, ngài không bao giờ bỏ qua sự kiện này là hạnh phúc con người không hệ ở nhận thức khoa học mà hệ ở việc liên tục kết hợp với Thiên Chúa: “Không chỉ học hỏi về những điều thần thiêng nhưng còn cần phải trải nghiệm chúng, một điều không phát xuất từ chỗ chỉ quen thuộc về tri thức qua các thuật ngữ của khoa thần học, mà phát xuất từ việc yêu thương những điều thuộc Thiên Chúa và trung thành với chúng một cách âu yếm” (Thánh Tôma, *Chú Giải về Các Thánh Danh Thiên Chúa* XI, 4). Vì “Lời của Thiên Chúa Cha hít thở tình yêu” (*Chú giải Tin Mừng Thánh Gioan* VI, 5). Đó là lý do tại sao Thánh Tôma suy gẫm, nghiên cứu, học thuộc lòng và chú giải Sách Thánh; nhưng tên Tôma đã công khai đồng nhất hóa với các *Tổng Luận* thời danh.



Như thế, chúng ta thấy quả không chính xác khi cho rằng Thánh Tôma đánh đồng “đức tin” với nội dung cuốn *Tổng Luận Thần Học*. Cuốn *Tổng Luận* chỉ là một cố gắng phát biểu có hệ thống Sách Thánh, dòng sông mạc khải luôn luôn chảy, nhưng không bao giờ làm đầy biển. Thánh Tôma ý thức rõ các tiên tri Do Thái và các Tông đồ Kitô giáo quả có trải nghiệm được cuộc gặp gỡ với Giêhô và Chúa Kitô trong các biến cố lịch sử. Các biến cố này là các biến cố đặc ân vì chúng là các biến cố cứu rỗi, và hồ sơ các cuộc gặp gỡ này đã được thông truyền cho các tín hữu qua thánh truyền và thánh kinh. Chúng là các dấu chỉ của chân lý đức tin Kitô

giáo, nhưng các dấu chỉ này chỉ có thể được nhận ra bởi các người có đức tin. Do đó, đức tin là một hồng ân. Nó chứa đựng nhận thức về hữu thể bản vị siêu việt, Đấng tự ý tự mạc khải cho con người. Trong tư cách người chú giải Sách Thánh, Thánh Tôma không bao giờ mưu toan dập tắt các câu hỏi do việc này nêu ra. Tuy nhiên, việc thảo luận các câu hỏi như thế đòi khoa giải thích thần học hơn là thiêng liêng. Việc này chắc chắn phát sinh nền thần học Kinh Thánh, cũng là nền thần học lịch sử. Như chính ngài viết: “vì giáo huấn thánh nhằm xử lý các điều thần thiêng, cũng vì một điều được coi là thần thiêng bao lâu nó liên hệ tới Thiên Chúa như nguyên lý hay cùng đích của nó... giáo huấn này phải xem xét các điều như chúng phát xuất từ Thiên Chúa như từ nguyên lý của chúng, và như những hữu thể được đem trở lại với Thiên Chúa như cùng đích của chúng”. Nhà thần học thực sự nghiên cứu lịch sử, các hành động tự do, được xem xét trong tương quan với Thiên Chúa. Mạc khải là Lời Thiên Chúa trong lịch sử, trong Sách Thánh, trong Giáo Hội nơi Chúa Thánh Thần cư ngụ. Không hình thức hay hình thái hiện diện nào của Thiên Chúa trong số này có thể thay thế Thiên Chúa mà chúng mạc khải. Mọi hình thái đều chỉ về một Hữu Thể duy nhất, một sự hiện diện mạc khai Ta cho chính Ta. Người là Đấng vô tạo [uncreated] có khả năng hiện diện với chính Người, với thế giới, và với con người, một ngôi vị hiện hữu với Thiên Chúa trong lịch sử, một lịch sử hoàn toàn được sắp xếp trong tình yêu hướng về Thiên Chúa. Đó chính là “nhiệm vụ” [economy] của Thánh Augustinô, vốn bao gồm ơn thánh, vì nó là “trật tự tình yêu” trong đó trọn bản chất có tương quan với Thiên Chúa bởi lòng thèm khát thần thiêng mà chúng ta gọi là “ơn thánh”. Do đó, không hình thức hay hình thái hiện diện nào của Thiên Chúa là đối tượng đức tin của ta. Đức tin là cuộc tiếp xúc của thực tại thụ tạo với thực tại vô tạo đến nỗi chúng ta có thể nói đối tượng đức tin, hiểu cách này, là một chủ thể, một sự hiện diện của Thiên Chúa ba bản vị.

Nay, vai trò của Giáo Hội là làm chứng cho mạc khải như các Tiên tri, các Tông đồ và Chúa Kitô đã làm, nhưng sau nhiều thế kỷ của lịch sử con người, cần phải có thật nhiều nhận thức lịch sử mới nhận ra những điều đã được mạc khải, những điều thuộc thánh truyền và Thánh Kinh. Nên thừa nhận rằng vào thời Thánh Tôma, có sự thiếu sót nền bác học lịch sử, và thánh nhân đã không cố gắng thiết định bản chất siêu nhiên của mạc khải. Ngài coi việc đó là chuyện đương nhiên. Nhưng ngài là người sau cùng đồng nhất hóa cái hiểu mạc khải của chúng ta với thực tại Thiên Chúa được mạc khải, cũng như ngài là người sau cùng cho rằng bất cứ quả quyết hữu hạn nào cũng là quả quyết sau cùng. Lời lẽ của ngài trong *Tổng Luận Thần Học* chỉ có một vai trò khiêm tốn là cố gắng giải thích hành động của Thiên Chúa trong thế giới. Linh hồn hướng về thực tại đang sau các lời lẽ. Tín hữu hay thần học gia mong muốn cảm nghiệm được Thiên Chúa, chứ không phải cảm nghiệm được nhận thức về Thiên Chúa. Thánh Tôma biết rất rõ rằng vì Thiên Chúa siêu việt, nên Người mãi mãi mầu nhiệm một cách tối hậu đối với chúng ta; thế nhưng, vì con người là những hữu thể có trí khôn, nên họ sẽ tìm cách hiểu bất cứ điều gì họ có thể về các mầu nhiệm Thiên Chúa. Con người không thể sống nếu không có mạc khải, và do đó, các nhà duy lý đã quá đáng khi họ đòi cho con người năng lực biết mọi chân lý và giá trị họ cần biết.

Nếu người ta coi *Tổng Luận Thần Học* tách biệt hẳn mục tiêu của nó, thì điều quá dễ dàng là kết luận rằng Thánh Tôma quá nhấn mạnh đến nội dung ý niệm của mạc khải. Nhưng điều nên làm là thừa nhận rằng *Tổng Luận* được viết cho các thầy dạy “những người mới bắt đầu đức tin” để phụng sự giáo huấn thánh thiêng mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta. Những người mới bắt đầu này được dẫn dắt từ những điều họ biết tới những điều họ không biết, từ những điều họ tin tới việc trình bày có hệ thống giúp làm cho đức tin của họ trở thành dễ tiếp cận hơn đối với chính họ. Dĩ nhiên, một *Tổng Luận Thần Học* viết ở thế kỷ 13 chỉ có thể là một khai triển hay giải thích đức tin mang dấu nền văn hóa giáo phụ hay trung cổ. Hay các độc giả của Thánh Tôma có lẽ là những người nửa tin, chấp nhận một số chân lý chứ không

chấp nhận tất cả, và lúc đó, Thánh Tôma sẽ quan tâm chỉ cho thấy các chân lý không được chấp nhận đó thực ra được hàm ngụ trong các chân lý mà độc giả vốn tin. Tuy nhiên, những người không tin nhưng là những người có tiềm năng bắt đầu đức tin sẽ tìm thấy trong *Tổng Luận* các lập luận có lý lẽ liên quan đến sự hiện hữu của Thiên Chúa và tính bất tử của linh hồn, một nền thần học tự nhiên không bao giờ lấn chiếm chỗ đứng của đức tin/mạc khải, nhưng lúc đó đâu là ý nghĩa của việc tiếp cận một người không tin từ quan điểm đức tin?

Thánh Tôma dành cho lý trí chức năng loại bỏ các trở ngại đối với việc nhảy vọt của đức tin. Ở đây, chúng ta không thấy lý trí cố gắng chứng minh các nguyên tắc hay tiền đề của giáo huấn thánh thiêng (sacra doctrina) của Thiên Chúa. Giáo huấn thánh thiêng đã tuyên bố mục tiêu của hiện hữu nhân bản và do đó đã chấm dứt sự hàm hồ của nó. Nhưng cần phải làm cho công bố sơ truyền [kerygma] hay sứ điệp thần thiêng dành cho con người này trở thành minh nhiên nếu muốn loại bỏ sự vô lý. Nhưng điều này không bao giờ có nghĩa sẽ vì thế mà dễ dàng đạt được nó. Nếu mạc khải Thiên Chúa được hoàn tất bằng các việc làm được ghi lại bằng lời, thì điều thích đáng là việc phát biểu thần học về nó nên là một lời kêu gọi hay thách thức để hành động. Đó chính là lời kêu gọi cứu rỗi, một mục đích hay mục tiêu cần đạt được một cách tự do. Đó là sự sáng tạo đích thực của Thiên Chúa và của cả con người nữa. Vì sự sáng tạo tự nhiên vốn là một lời kêu gọi, và vì mạc khải siêu nhiên cũng là một lời kêu gọi, nên không điều nào trong số này trình bày mạc khải một cách có hệ thống chỉ vì để gia tăng nhận thức của người ta. Không nên nhị phân hóa nhận thức Thiên Chúa thành hai loại nhận thức kiểu Aristot: nhận thức suy lý và nhận thức thực tiễn, và như thế, nếu nhờ đức tin, chúng ta tham dự vào nhận thức Thiên Chúa, các chân lý đức tin được phát biểu trong các tín điều hay các khoản tin được trình bày như các mục đích cần đạt được, chứ không như các yếu tính. Đức tin liên quan tới tương lai.

Vậy thì, nếu chủ trương của Thánh Tôma coi “giáo huấn thánh thiêng” như một khoa học xem ra đã đặt ngài như chỉ là suy lý về phía tín điều, thì ta nên nhớ rằng đối với Thánh Tôma, chữ “khoa học” trước hết chỉ nhận thức chắc chắn, nhưng sự chắc chắn thuộc về Thiên Chúa. Nếu nhận thức của Thiên Chúa là loại nhận thức chắc chắn nhất, và nếu việc tham gia của chúng ta nhờ đức tin vào nhận thức của Người giúp chúng ta dự phần vào sự chắc chắn này về điều cực kỳ xứng đáng để biết, tức chính Thiên Chúa, thì giáo huấn thánh thiêng vượt xa mọi khoa học khác về phẩm giá. Nếu chúng ta coi trọng trí hiểu hữu hạn của ta, thì không còn gì xứng đáng hơn mạc khải, vì nó hoàn toàn thoát khỏi việc xác minh; nhưng nếu chúng ta luôn chú ý tới Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải mình, thì chân lý mạc khải cung cấp cho ta sự chắc chắn lớn hơn bất cứ cảm giác và phán đoán nào của con người.

Thánh Tôma rõ ràng hơn các người phê bình ngài về vai trò của lý trí liên quan đến các điều khoản tin hay các nguyên tắc của giáo huấn thánh thiêng. Lý trí không thể chứng minh chân lý của chúng nhưng có thể rút ra các kết luận vốn dự phần vào các chân lý này, và đó là cách hợp lý để con người sử dụng lý trí của họ, vì quá là không khả hữu chút nào việc con người thuận lý lại không sử dụng lý trí của họ vào điều có ý nghĩa nhất đối với họ, tức Thiên Chúa Đấng dựng nên họ và kêu gọi họ cả hiện hữu lẫn trở nên hoàn hảo, nghĩa là toàn vẹn.

Ngày nay, người Công Giáo ngày càng trở nên tự ý thức về mình như những người tin nhờ lần gỡ lại những nẻo đường trên đó đức tin đã xuất hiện, nhờ thăm dò các nguồn mạc khải, hết sức cố gắng hiểu mạc khải bằng cách phân biệt giữa các dữ kiện và việc phát triển của các dữ kiện này trong lịch sử. Để làm việc này, con người phải sống lại lịch sử Giáo Hội và vì Giáo Hội đã tiến triển rất nhiều kể từ thế kỷ 13, nên người ta không nên chỉ biết lặp lại những điều Thánh Tôma nói như thể không còn lại gì để nói. Tuy nhiên, đúng là việc hiểu Thánh Tôma đã phát biểu đức tin ra sao về phương diện thần học là bước đầu tiên cần thiết phải có

trước khi phát biểu cùng một đức tin đó trong các trình bày mới có hệ thống.

Thần học sẽ không đích thực với chính nó nếu có lúc nào nó không còn phát sinh từ việc nhà thần học thông hiệp với Ngôi Lời Thiên Chúa. Nó chỉ là một khoa học thánh thiêng bao lâu nó thông truyền Lời này. Do đó, *Tổng Luận Thần Học* không được viết ra một cách tách biệt khỏi ảnh hưởng Kinh Thánh. Trong đó, Thánh Tôma trích dẫn từ mọi sách Cựu Ước ngoại trừ sách Ôvađiã (Abdias) và sách Khácgai (Aggaeus) cũng như mọi sách Tân Ước ngoại trừ Thư Gửi Philêmon. Ngài nhìn nhận rằng tiêu chuẩn không thể sai lầm đối với các tín điều cho rằng mình thuộc giáo huấn thánh thiêng của Thiên Chúa là Sách Thánh qui điển và thánh truyền. Trong việc hướng dẫn Giáo Hội mãi trung thành với mạc khải Thiên Chúa này, Chúa Thánh Thần làm cho Giáo Hội không thể sai lầm khi giảng dạy một cách long trọng liên quan đến các tín điều và luân lý, y hệt như những người viết Kinh Thánh không thể sai lầm vì họ viết dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Chỉ vì Thiên Chúa, trong sách Khải Huyền, tuyên bố Người là Anpha và Ômêga, là khởi nguyên và tận cùng, nên Thánh Tôma đã sử dụng triết học để chứng tỏ điều này có nghĩa gì liên quan đến hữu thể Thiên Chúa: Thiên Chúa hẳn phải tự hữu và do đó là Đấng duy nhất. Cho nên, mọi vật thể khác đều là hữu thể nhờ tham gia, và do đó, được Thiên Chúa tạo nên. Đây là yếu tính của hữu thể Thiên Chúa: Nguyên Nhân tác thành và tối hậu của mọi hữu thể. Gọi Thiên Chúa như Nguyên Nhân Kiểu Mẫu [Exemplary Cause] không hẳn chỉ là bắt chước phái Platông là phái chủ trương thuyết kiểu mẫu; nó cũng là một sự thật có cơ sở trong mạc khải: “Ta hãy làm ra con người giống hình ảnh và họa ảnh của Ta” (St 1:26). Vì Thiên Chúa phát biểu các sự hoàn hảo của Người nơi các sự vật chúng ta cảm nghiệm, nên các nhà kinh viện đã được dẫn dắt tới việc đồng nhất hóa các mô thức hay ý niệm của Platông với Yếu Tính Thiên Chúa như là Ý Niệm Kiểu Mẫu, chắc chắn đây là việc phát triển thuyết Platông dưới ảnh hưởng của Kinh Thánh.

Các phạm trù tân Platông trong cái “dải tổng hợp” [synthetic stretch] của chúng cũng như các phạm trù Aristôt trong phân tích chính xác của chúng, nhờ tài luyện đan [alchemy] của Thánh Tôma, trở thành chủ đề cho luận lý học Nhập Thể, một luận lý học hào phóng với những khả thể chúng ta chưa bao giờ biết. Và như thế, cái khuôn khổ biện chứng của Peter Lombard không hẳn bị thay thế vì bị gộp vào cái mênh mông của một hữu thể học về hiện hữu, là thứ bất cập nhất trong các sơ đồ xử lý diễn trình lịch sử của vũ trụ thụ tạo mà tính khả niệm không bao giờ đạt được ở bên ngoài phạm trù “tự do” đầy tính bản vị.

Cũng từ Kinh Thánh, chứ không phải từ bộ ba của Plotinus tức duy nhất, tinh thần [nous], linh hồn thể giới mà Thánh Augustinô và Thánh Tôma học được bản tính ba ngôi vị của Thiên Chúa. Chính mạc khải thiêng liêng của Thiên Chúa như ba mà là một [triune] đã cho phép loại suy của Thánh Augustinô đi từ linh hồn con người tới Chúa Ba Ngôi. Việc Chúa Con là Ngôi Lời thuộc dữ kiện mạc khải, cũng như vai trò của Người như hình ảnh hoàn hảo; việc Chúa Thánh Thần là tình yêu cũng thuộc dữ kiện mạc khải. Điều này cho phép Thánh Augustinô thấy trong đời sống nhận thức và yêu thương của con người sự phản ảnh đời sống thân mật của Thiên Chúa. Vì những gì Chúa Kitô từng nói về Cha Người và Chúa Thánh Thần, con người cảm thấy được chính đáng khi sử dụng lý luận siêu hình và loại suy tâm lý để xác định rằng nếu vị này “từ vị kia”, thì ta có một diễn trình, do đó cả tương quan lẫn đối nghịch và, do đó, phân biệt. Trong tình huống này, các mối tương quan, cả tương quan đối nghịch, cũng được đồng nhất hóa với bản thể [substance]; và như thế, trong thực tại Thiên Chúa “là ngôi vị” đồng nghĩa với “là tương quan tồn hữu” [subsistent relation]; do đó, là Thiên Chúa có tính ba ngôi vị. Ba Ngôi mãi là một mâu nhiệm đúng nghĩa, nhưng nó khả niệm theo nghĩa nhờ suy tư siêu hình, nó được chứng minh là không đi ngược lại lý trí. Nếu, như ta đã học được từ mạc khải, có 3 ngôi vị trong Thiên Chúa thì mỗi ngôi vị phải là Thiên Chúa, và Thiên Chúa phải là ba ngôi vị, vì chỉ nhờ suy nghĩ về ý nghĩa của tương quan, một

điều vừa hoàn toàn có tính bản thể vừa hoàn toàn có tính tương quan chúng ta mới làm cho bất cứ điều gì mình nói khi nói về Thiên Chúa như Ba Ngôi có ý nghĩa.

Đó là lý do tại sao, nền thần học của Thánh Tôma độc lập về phương diện yếu tính với các lý thuyết vật lý, nó không dựa vào các dữ kiện của kinh nghiệm mà dựa vào mạc khải Thiên Chúa. Trong tư cách thần học gia, Thánh Tôma thấy ngài cũng như Giáo Hội giảng dạy hay huấn quyền là đầy tớ của mạc khải. Không thần học gia nào tự chủ cả cũng như không có huấn quyền nào tự chủ hết. Là đầy tớ của mạc khải trong *Tổng Luận Thần Học*, Thánh Tôma minh giải lòng trung thành của ngài bằng cách xem xét những gì Thiên Chúa đã nói về chính Người như là nguồn cội và cùng đích của mọi tạo vật và như Đấng Cứu Rỗi trong Chúa Kitô. Khi ngài đề ra các phản bác đối với giáo huấn của Giáo Hội, Thánh Tôma nhằm chứng minh rằng đức tin và lý trí có thể trợ giúp ra sao để giải đáp các phản bác này. Ngài không cho là ngài nói chung cục hay nói không sai lầm. Ngài kính cẩn tham chiếu thế giá của các giáo phụ của Giáo Hội và sử dụng các nguồn triết học để thảo luận mọi điều.

Nhưng ngài tuân theo trật tự thần học nghiêm ngặt: Thiên Chúa tạo dựng con người; con người trở về với Thiên Chúa qua các hành động nhân linh tốt lành hoàn thành trong Chúa Kitô, Đấng ban cho con người sự sống Ba Ngôi của tình hiệp thông Thiên Chúa. Trong khuôn mẫu toàn diện của xuất xứ và trở về này, Thánh Tôma xem xét gần như mọi vấn đề suy lý và luân lý. Sự chính xác hay vắn tắt của ngài không có ý định cho rằng mọi điều đều dễ dàng biết hay làm nhưng trong sự quan tâm đối với thần học hệ thống, ngài cố gắng bàn đến mọi khía cạnh càng gọn gàng bao nhiêu càng hay. Sự súc tích này nhất thiết loại bỏ việc khai triển dài dòng [elaboration], một điều rất có thể cần thiết đối với các tín hữu hậu trung cổ, những người mà trọn nền văn hóa của họ không thể được dựa vào để hiểu đức tin Công Giáo. Thành thử, một số ý nghĩa nào đó trong các quả quyết của Thánh Tôma có thể bị bỏ lỡ vào thời kỳ sau này. Như vấn đề bị hiểu lầm hơn cả về các bí tích chẳng hạn. Ta rất thường gặp những người nghĩ rằng kiểu nói thời danh *ex opere operato* có nghĩa là bấy bí tích ban ơn thánh hay ơn tham gia vào sự sống Thiên Chúa một cách máy móc hay tự động, gần như ma thuật. Trước nhất, kiểu nói này chỉ xuất hiện trong các công trình tiên khởi của Thánh Tôma về các *Sentences* (Các Ý Kiến Thần Học). Hơn nữa, các yếu tố vật chất như nước và dầu được gọi là “chất thể” [matter] của mỗi bí tích; các công thức được nói lên được gọi là “mô thức” [form] đem lại ý nghĩa cho bí tích; nhưng với Thánh Tôma, chất thể và mô thức không đơn giản cộng lại thành việc thông truyền thiên tính. Không, “mô thức lời nói” là Lời Đức Tin tìm thấy trong Giáo Hội. Và như thế, khi Thánh Tôma nói rằng tính hữu hiệu của bí tích phát xuất từ mô thức (*ex opere operato*) là ngài muốn nói rằng bí tích được Chúa Kitô thiết lập. Nó độc lập đối với chúng ta nhưng không độc lập đối với Chúa Kitô, Đấng đã thiết lập ra nó, vì quả thực, bí tích chỉ có thể do Thiên Chúa thực hiện như hồng ân của Người. Và Chúa Kitô Đấng Cứu Rỗi đã thiết lập ra các bí tích, Người hiện diện trong mỗi bí tích với quyền năng cứu rỗi cho mọi nhu cầu của con người. Nhưng cũng như sự hiện diện của Chúa Kitô với các Tông Đồ không miễn chước các cố gắng bản thân của các ngài thế nào, thì sự hiện diện của Chúa Kitô trong các bí tích cũng sẽ không cứu được con người nếu không có sự hợp tác của họ. Ở đây, ta thấy có sự áp dụng nguyên tắc tổng quát của Thánh Tôma; nguyên tắc này cho rằng bất cứ điều gì được nhận lãnh đều được nhận lãnh theo hình thái người nhận lãnh. Cho nên, các bí tích không ban ơn thánh cho chúng ta như thể chúng ta là những sự vật mà như những con người có ý chí tự do để đáp trả, những con người có trách nhiệm. Chúng là thành phần của một viễn kiến rộng hơn về thế giới như một tái tạo [re-creation]. Trong Cựu Ước, Thiên Chúa bản vị siêu việt cư xử với con người trong cộng đồng Do Thái; nay, cộng đồng thế giới được nhắm trở thành một con người, con người mới (*Eph. 2:15*), “một ngôi vị” (*Gl 3:28*), “con người hoàn hảo” (*Eph.4:13*) trong Chúa Kitô, Đấng, qua việc Nhập Thể, đã trở thành đầu hay chúa của một vương quốc mới trong đó, Giáo Hội là máng ưu tuyển nhưng

không duy nhất chuyển ơn thánh, đến nỗi những ai tái sinh một cách bí ích từ Giáo Hội đều sinh ra từ Thiên Chúa, Đấng mà dân của Người được hợp nhất trong tình yêu hay ơn thánh qua Chúa Thánh Thần ngự cư trong Giáo Hội, từ đó, Người tiếp tục nhiệm cục thần thiêng hay việc giáo dục tôn giáo cho con người, ban cho họ sự hiểu biết trọn vẹn hơn thực tại Thiên Chúa mà họ vốn được tiếp xúc nhờ đức tin.

Như thế, Thánh Tôma không thể nhất trí đối với việc cho rằng các định tín của Nixêa và Constantinôp là “việc Hy Lạp hóa đức tin Kitô giáo”. Chủ trương này gợi ý rằng “đức tin” ban đầu do tiếp xúc với triết học Hy Lạp đã được biến đổi thành các tín điều siêu hình tìm thấy trong các kinh tin kính vĩ đại như thể “đức tin ban đầu”, bao lâu là “mạc khải tiếp nhận” chứ không phải “mạc khải phát biểu” không phải là một giải thích chịu ảnh hưởng của văn hóa Do Thái của những người tiếp nhận nó. Vấn đề liệu đức tin có nên được rao giảng cho các thế hệ những người được giáo dục về cổ điển trong các thời giáo phụ và trung cổ hay không để nó được dễ hiểu đối với họ theo các phạm trù tư duy quen thuộc của họ gần như là một cuộc tranh cãi kiểu của Thánh Phêrô và Thánh Phaolô, nghĩa là vấn đề liệu giáo huấn của Chúa Kitô phải là Công Giáo, phổ quát, hay bị giới hạn cho dân Do Thái mà thôi, liệu mọi người có phải đều là dân Thiên Chúa chọn hay không.

Nhưng, như chúng ta đã nói từ đầu, vì Thánh Tôma viết *Tổng Luận Thần Học* để giúp người học hướng tới một ý thức tốt hơn về những điều họ tin, nên ngài coi lập luận triết học như phụ thuộc hay phục vụ việc hiểu biết giáo huấn thánh thiêng về sự điệp cứu rỗi, tức giáo huấn sơ truyền [kerygma] dù chủ trương tính độc lập của triết học. Và như thế, ngày nay, nếu triết học không giúp một số tín hữu biết tốt hơn những gì họ tin, thì không nên áp đặt triết học lên họ. Thánh Tôma sẵn sàng tin rằng con người có nhiều cách để có được nhận thức. Ngoài lý trí, còn có trực giác, và bên cạnh cách tiếp cận tri thức đối với thực tại, còn có cách tiếp cận của cảm giới, hay lý lẽ trái tim của Pascal. Thánh Tôma nói đến việc nhận thức bằng đồng cảm [connaturality] hay khuynh hướng, một thứ ý thức do kinh nghiệm, loại nhận thức luân lý do những người tốt lành sở hữu được. Người ta có thể cảm nhận được điều gì đúng, và cũng có thứ kinh nghiệm phụng vụ để giáo dục người ta trong những điều họ tin. Nhưng nếu tín điều có liên quan tới các thay đổi trong nền văn hóa của con người, thì điều cũng đúng là cũng có việc phát triển trong các cảm quan của con người mà với nó các kinh nghiệm phụng vụ cần phải sánh bước.

Thánh Tôma không bao giờ do dự thay đổi khi thay đổi được biện minh. Phần lớn các nhà chú giải giáo phụ đều đã thảo luận về nghĩa “thiên liêng” của Sách Thánh. M.L. Lamb, trong lời nói đầu của ông cho bản dịch giá trị cuốn *Chú Giải Thư Thánh Phaolô Gửi Tín Hữu Êphêsô*, ca ngợi Thánh Tôma đã bước nhiều bước tiến bộ trong nền bác học Kinh Thánh bằng cách phân biệt “các cơ cấu tâm lý và thần học hoạt động trong việc thông truyền mạc khải”. Khi nhìn nhận bản chất phương tiện của việc thông truyền tiên tri hay Kinh Thánh, Thánh Tôma thấy rằng việc Thiên Chúa chọn các người viết ra Kinh Thánh bao gồm cả các tài năng của cá nhân lẫn các thiên phú văn hóa và kỹ năng văn chương của họ. Theo quan điểm của Thánh Tôma, tác giả được linh hứng, giống như bất cứ nguyên nhân dụng cụ nào, đều có sự đóng góp riêng để đóng góp, nhưng cần phải phân biệt việc này với điều dụng cụ làm hoặc nói dưới quyền lực của Thiên Chúa, nguyên nhân chính. Vì tâm lý học Tôma đem lại cho hình ảnh vai trò thiết yếu trong nhận thức, hình ảnh hay hành động khả giác trong Sách Thánh cung cấp một ý nghĩa chiều tự đòi phải khám phá, bao lâu chính trong và qua nghĩa chiều tự này ta có thể nắm được bất cứ ý niệm nào hay ý nghĩa thiên liêng nào.

Giống Chúa Kitô nhập thể, Sách Thánh vừa nhân bản vừa thần thiêng. Sẽ đi ngược lại Kitô giáo khi làm ngơ hay loại bỏ ý nghĩa nhân bản; và như thế, đòi phải có việc phục hồi lịch sử.

Giống như mọi việc phục hồi lịch sử, việc phục hồi Sách Thánh đòi các học giả có khả năng và tận tụy. Trách vụ của họ rất khó khăn, nhưng cũng giống như các tác giả ban đầu của Sách Thánh, họ phát biểu ý nghĩa của đức tin.

Dù ta có thể tìm thấy trong các thái độ đối với Kinh thánh của Thánh Tôma một lòng kính trọng mặc nhiên trước các hình thức văn chương của người viết, nhưng chính ngài thiếu các dụng cụ bác học mà từ đó vốn đã có sẵn cho các nhà giải thích; tuy thế, các chú giải Sách Thánh của ngài vẫn cho thấy các vấn đề thần học có liên hệ với con người trung cổ và Thánh Kinh chứ không phải Aristot là nguồn của phần lớn suy tư thần học của ngài. Mặc dù thế, là một thầy dạy tại một đại học trung cổ thế kỷ 13, người ta vẫn thấy ngài phát biểu chân lý Kitô giáo với nhiều nét văn hóa của riêng ngài, một nền văn hóa rõ ràng hào hứng về tri thức trước việc tái khám phá ra Aristot trong viễn ảnh Ả rập. Yếu tố văn hóa này trong môi trường nhân bản của Thánh Tôma lên đặc điểm cho văn phong của ngài y hệt như bài diễn văn của Thánh Phêrô tỏ rõ ngài là một người Galilê. Như M.D. Chenu từng viết rất hay trong tác phẩm không thể thiếu là cuốn *Hướng Tới Việc Hiểu Thánh Tôma* [Toward Understanding St. Thomas]: “Chúng ta hãy loại bỏ ý tưởng, có nguồn gốc cận đại nhưng vẫn ám ảnh chúng ta ngày nay, rằng có một sự mâu thuẫn giữa thần học kinh viện và thần học thực chứng [positive]. Cuộc tranh cãi chống phái Thệ Phản và sau này, chủ nghĩa duy lý đã tạo ra nó, như là hậu quả của đòi hỏi bút chiến, một tháo gỡ thể hợp nhất bên trong của nhận thức thần học trong đó Thánh Tôma và các người đồng thời với ngài đã lao công, tôi dám nói là hít thở. Thánh Tôma là một Bậc Thầy Thần Học, ngài chú giải Kinh Thánh... thế nhưng cốt lõi công trình của ngài có tính Kinh Thánh, và nền thần học của ngài có nguồn gốc ở Phong Trào Tin Mừng của thời ngài...”

Do đó, việc thông đạt chân lý của các thần học gia ngày xưa như Thánh Augustinô và Thánh Tôma cho các Kitô hữu hiện tại và tương lai cũng phải đi theo con đường tiên từ từ khởi đi từ *Sitz im Leben* (khung cảnh đời thực) tới ý nghĩa đoạn văn. Việc ấy đòi phải có sự quen biết với văn hóa. Một khi được giải thoát, “ý nghĩa” giống như hạt giống có thể được gieo vào thửa đất của một nền văn hóa mới và tiếp tục sinh hoa trái. Tuy nhiên, chỉ qua việc nghiên cứu khảo cổ, cổ sinh vật học, ngữ học, và nhiều khoa học bổ sung khác vốn góp phần làm cho sự hiểu biết môi trường sống thực của ta, thì ý nghĩa của Sách Thánh mới được giải thoát để có thể nắm được sự liên quan mới mẻ.

Chúng ta ở trong tinh thần của Thánh Tôma khi thay vì lặp lại ngài chúng ta đổi mới ngài. Giữ cho trẻ trung, thế giới tư tưởng hẳn phải thay đổi.

Câu nguyện và Kinh nguyện

Trong phần “Con người tôn giáo”, Nữ tu Mary T. Clark có phổ biến nhiều chú giải của Thánh Tôma về câu nguyện và nhiều kinh nguyện do ngài soạn thảo. Chúng tôi xin trích dịch dưới đây:

I. Các Kinh nguyện



1. Bình luận Về Kinh Lạy Cha

“Lạy Cha chúng con ở trên trời”. Lời kinh của Chúa là lời kinh tốt đẹp nhất trong mọi lời kinh. Mọi lời kinh đều cần phải có 5 điều phẩm tính ưu việt tìm thấy ở đây. Một lời kinh nên có tính tin tưởng, có thứ tự, thích đáng, đạo hạnh và khiêm nhường.

Nó nên có tính *tin tưởng*: “cho nên, chúng ta hãy đến gần tòa ơn thánh một cách tin tưởng” (Dt 4:16). Nó không nên thiếu đức tin, như có lời phán: “Nhưng người ấy phải cầu xin với lòng tin không chút do dự” (Gcb 1:6). Quả là hữu lý khi tin tưởng vào lời kinh này, vì Đấng phù trợ và khẩn cầu khôn ngoan nhất cho chúng ta đã soạn ra nó: “Trong Người, ẩn giấu mọi kho tàng khôn ngoan và hiểu biết” (Cl 2:3), và về Người đã có lời chép: “vì chúng ta có Đấng bào chữa với Chúa Cha, tức Chúa Giêsu Kitô, Đấng công chính” (IGa 2:1). Do đó, Thánh Cyprianô nói (về Kinh Lạy Cha) rằng: “Vì chúng ta có Chúa Giêsu Kitô làm Đấng bào chữa với Chúa Cha cho các tội lỗi của chúng ta, nên khi chúng ta cầu nguyện vì các thiếu sót của mình, chúng ta sử dụng chính lời lẽ của Đấng bào chữa của chúng ta”.

Hơn nữa, chúng ta càng tin tưởng kinh nguyện này hơn vì Đấng dạy nó cho chúng ta nhân từ lắng nghe lời kinh của chúng ta cùng với Chúa Cha, như đã tuyên bố trong Thánh Vịnh: “Nó sẽ kêu đến Ta và Ta sẽ khứng nghe nó” (Tv 90:15). Do đó, Thánh Cyprianô quả quyết, “Nó là kinh nguyện thân ái, quen thuộc, và đạo hạnh để khẩn cầu Chúa bằng chính lời lẽ của Người”. Và do đó, không ai kết thúc lời kinh này mà không có hoa trái. Thánh Augustinô nói rằng các tội nhẹ của chúng ta nhờ nó được tha thứ (*Enchir.* 78).

Hơn nữa, lời cầu nguyện của chúng ta phải *thích đáng*, để, trong lời cầu nguyện, Thiên Chúa được xin những điều thích đáng đối với người cầu xin. Thánh Gioan thành Đamascênô nói rằng, “cầu nguyện là cầu xin điều đúng và thích đáng từ Thiên Chúa” (*Về Đức Tin Chính Thống* III, 24). Lời cầu nguyện của chúng ta đôi khi không được khứng nghe khi chúng ta cầu xin một điều không tốt cho chúng ta: “anh em xin mà không được, là vì anh em xin với tà ý” (Gcb 4:3). Rất khó mà biết điều phải xin, vì khó mà biết điều để ước ao; nên Thánh Phaolô nói, “vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải” (Rm 8:26). Chúa Kitô chính là một bậc thầy; Người dạy chúng ta nên cầu xin những gì khi các tông đồ nói: “Lạy Chúa, xin dạy chúng con cầu nguyện” (Lc 11:1). Bất cứ điều gì Người dạy chúng ta cầu nguyện chúng ta nên cầu nguyện điều đó cách thích đáng. Thánh Augustinô vốn nói, “chúng ta chỉ có thể lặp lại điều tìm thấy trong Kinh Lạy Cha nếu chúng ta cầu nguyện cách thích đáng và xứng đáng” (*Epist.* 130).

Các ước muốn của chúng ta phải có *trật tự* như thế nào, thì lời cầu nguyện của chúng ta cũng thế, vì cầu nguyện chỉ là việc nói ra các ước muốn của chúng ta. Thế thì, thứ tự đúng đắn là

thích những điều thiêng liêng hơn như điều thân xác, và những điều trên trời hơn những điều chỉ là dưới đất. Điều này phù hợp với những lời đã chép: “Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho” (Mt 6:33). Ở đây, Chúa nhấn mạnh rằng trước hết chúng ta nên tìm kiếm những điều ở trên trời rồi mới cầu xin những điều vật chất.

Lời cầu nguyện của chúng ta nên có tính *đạo hạnh* vì sự phong phú trong lòng đạo đức làm cho việc hy sinh cầu nguyện trở thành đáng được Thiên Chúa chấp nhận: “Suốt cả đời con, nguyện dâng lời chúc tụng, và giơ tay cầu khẩn danh Ngài. Lòng thoả thuê như khách vừa dự tiệc, môi miệng con rộn rã khúc hoan ca” (Tv 63:5-6). Lòng sùng kính thường nguội đi khi lời kinh quá dài, nên Chúa chúng ta dạy chúng ta tránh nhiều lời khi cầu nguyện: “Khi các con cầu nguyện, đừng nhiều lời” (Mt 6:7). Và Thánh Augustinô nói với chúng ta: “Đừng kéo dài lê thê lời cầu nguyện của anh chị em, nhưng bao lâu lòng sốt mến còn đó, hãy để lời cầu nguyện tiếp tục” (Epist. 130). Đó là lý do Chúa soạn kinh nguyện của Người ngắn. Lòng sốt sắng trong cầu nguyện phát sinh do đức ái, tức tình yêu của chúng ta dành cho Thiên Chúa và người lân cận, và trong kinh nguyện này, cả hai rất rõ ràng. Tình yêu chúng ta dành cho Thiên Chúa sẽ rõ ràng khi chúng ta thưa với Thiên Chúa “lạy Cha chúng con”; và tình yêu của chúng ta dành cho người lân cận sẽ rõ ràng khi chúng ta thưa “Lạy Cha chúng con... xin Cha tha nợ chúng con” và điều này dẫn chúng ta đến việc yêu người lân cận.

Lời cầu nguyện nên *khiêm nhường*: “Người đoái nghe lời cầu nguyện của kẻ khiêm nhường” (Tv 101: 18 [bản Phổ Thông]). Điều này hiển nhiên trong dụ ngôn người Biệt Phái và người Thu Thuế (Lc 18: 9-15), cũng như trong lời lẽ của Giuđitha: “Lời cầu nguyện của kẻ khiêm nhường và hiền lành luôn làm Ngài hài lòng” (Gđt 9:16). Cũng một lòng khiêm nhường đó được tìm thấy trong kinh nguyện này vì khi một người không tự phụ về quyền lực riêng mình nhưng hy vọng mọi sự họ cầu xin ở quyền năng Thiên Chúa, thì họ có lòng khiêm nhường đích thực.

Chúng ta nên ý thức rằng ba điều tốt lành phát sinh từ việc cầu nguyện. Trước nhất, cầu nguyện hữu hiệu và hữu ích như là phương thuốc chữa các sự xấu xa. Nhờ thế, nó giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi chúng ta đã phạm: “chính Ngài đã tha thứ tội vạ cho con. Vì thế, ai là người hiếu trung với Chúa sẽ kêu cầu Ngài lúc gặp cảnh gian truân” (Tv 31:5-6). Trên thập giá, người ăn trộm đã cầu nguyện và được tha thứ: “Ngay hôm nay, con sẽ được ở cùng Ta trên thiên đàng” (Lc 23:43). Người Thu Thuế cũng đã cầu nguyện và “ra về được công chính hóa” (Lc 18:14). Người cầu nguyện được giải thoát khỏi sợ tội lỗi tương lai cũng như các gian nan thử thách và buồn rầu trong linh hồn: “Ai trong anh em buồn sầu ư? Họ hãy cầu nguyện” (Gcb 5:13). Nó cũng giải thoát người ta khỏi những kẻ bách hại và thù địch: “Thay vì đáp trả tình yêu, họ đã gièm pha con, nhưng con chuyên chăm cầu nguyện” (Tv 18:4).

Thứ hai, cầu nguyện hữu ích cũng như hữu hiệu trong việc ban cho ta mọi sự như ước muốn: “khi các con cầu nguyện, mọi sự các con xin, các con hãy tin các con sẽ nhận được” (Mc 11:24). Nếu các lời cầu nguyện của chúng ta không được đáp ứng, là bởi vì chúng ta không kiên tâm cầu nguyện, mặc dù “chúng ta phải cầu nguyện luôn luôn, cầu nguyện không ngừng” (Lc 18:1), hoặc vì chúng ta không cầu xin điều dẫn chúng ta tới ơn cứu rỗi nhiều nhất. Thánh Augustinô quả quyết, “Chúa tốt lành của chúng ta thường không ban cho ta điều chúng ta ước ao, vì thực sự nó là điều chúng ta không cần”. Thánh Phaolô là mẫu gương tốt về điều này vì ngài từng 3 lần cầu xin cho nọc xác thịt được lấy khỏi ngài, nhưng lời cầu nguyện này đã không được khứng nghe (2Cr 12:7).

Thứ ba, cầu nguyện sinh ích bao lâu nhờ nó, chúng ta trở nên bằng hữu của Thiên Chúa: “xin

cho lời cầu nguyện của con bay lên như hương trầm trước nhan Chúa” (Tv 140:2).

2. Về Kinh nguyện của Chúa trong Vườn Diếtsimani

1. “Và đi xa hơn một chút, Người xấp mặt xuống đất, cầu nguyện rằng: ‘Lạy Cha’” (Mt 26:39).

Ở đây, Chúa đề nghị với chúng ta 3 điều kiện phải giữ khi cầu nguyện:

a. *Nơi tĩnh mịch*: vì đi xa hơn một chút, nên Người đã tự tách ra khỏi cả những người chính Người đã chọn. “Còn anh em, khi cầu nguyện, hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện cùng Cha của anh em, Đấng hiện diện nơi kín đáo” (Mt 6:6). Nhưng nên lưu ý rằng Người không đi thật xa, chỉ xa một chút thôi để chứng tỏ rằng Người không cách xa những người nương tựa vào Người và để họ thấy Người cầu nguyện và học cầu nguyện như Người.

b. *Khiêm nhường*: Người xấp mặt xuống đất, do đó, làm gương khiêm nhường cho chúng ta. Sở dĩ như thế, vì khiêm nhường là điều cần thiết cho việc cầu nguyện và vì Thánh Phêrô từng nói: “Vâng, dù con có chết vì Thầy, con cũng không chối Thầy” (Mt 26:35). Cho nên, nếu Chúa xấp mặt, là để tỏ cho chúng ta thấy chúng ta không nên tin vào sức mạnh của riêng chúng ta.

c. *Sốt sắng tôn sùng*, khi Người nói “lạy Cha”. Điều thiết yếu là khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta cầu nguyện do lòng sốt sắng tôn sùng. Người thưa “Lạy Cha” vì Người là Con Thiên Chúa một cách độc đáo; chúng ta chỉ là con nuôi của Thiên Chúa mà thôi (trong Mt 26).

2. “Nếu có thể, xin cất chén này khỏi con. Nhưng không theo ý con, mà theo ý Cha” (Mt 26:39).

Ở đây, ta hãy xem xét phương hướng chung của việc cầu nguyện. Chúa Kitô cầu nguyện theo sự thúc đẩy của bản chất cảm quan, nghĩa là, lời cầu nguyện của Người như lời bào chữa cho các cảm quan nói lên các xu hướng của cảm quan Người, qua cầu nguyện đề nghị với Thiên Chúa điều ước muốn của các cảm quan của Người gợi ý. Và Người làm thế để dạy chúng ta 3 điều:

a. Người đã mặc lấy bản chất thực sự của con người với mọi xu hướng tự nhiên của con người.

b. Phù hợp với xu hướng tự nhiên của họ, con người được phép ước muốn một điều Thiên Chúa không muốn.

c. Con người phải bắt các xu hướng của mình lệ thuộc ý muốn của Thiên Chúa. Bởi thế, Thánh Augustinô mới nói: “Chúa Kitô, khi sống làm người, đã chứng tỏ một xu thế nhân bản tự riêng khi Người nói ‘hãy cất chén này khỏi con’. Đó là xu thế của con người, ý muốn riêng của con người và, có thể nói, ước muốn tự riêng của Người. Nhưng Chúa Kitô, vì muốn là một con người có trái tim đúng đắn, một con người qui hướng về Thiên Chúa, đã thêm ngay, ‘tuy nhiên, đừng theo ý con, mà theo ý Cha’”.

Và trong lời kinh này, Người dạy bằng gương sáng cách chúng ta sắp xếp các xu hướng của chúng ta để chúng đừng đối nghịch với luật Thiên Chúa. Nhờ thế, chúng ta học được rằng

không có gì sai trong việc chúng ta rút lui khỏi những điều vốn tự nhiên gây hại, bao lâu chúng ta đem các xúc cảm của chúng ta đứng cùng hàng với ý muốn Thiên Chúa.

Chúa Kitô có hai ý chí, một từ Cha của Người vì Người vốn là Thiên Chúa và ý chí kia vì Người là người thật. Người bắt ý chí nhân bản này, trong mọi sự, phục tùng Cha của Người; trong việc này, Người làm gương để chúng ta cũng làm như thế. “vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi” (Ga 6:38).

“Thế mà Chúa Kitô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi, đó là bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta” (Rm 5:8-9).

1. Chúa Kitô đã chết cho những kẻ vô đạo (*cùng chỗ*, câu 6). Đây là một điều vĩ đại nếu chúng ta lưu ý Đấng chết ấy là ai, cũng là việc cao cả nếu chúng ta chịu lưu ý Người chết vì ai. Vì ít có ai chết cho người công chính nghĩa là bạn khó tìm thấy bất cứ ai chịu chết để cứu một người vô tội; không, dù có lời chép, “Người công chính tiêu vong, thế mà chẳng ai lưu tâm đến” (Is 57:1).

Cho nên, quả thực Thánh Phaolô đã nói rằng ít khi có ai muốn chết. Có thể có người, rất hiếm có người vì hết sức can đảm có thể mạnh dạn chết cho một người tốt lành. Nhưng việc này rất hiếm hoi, vì lý do đơn giản là hành động như thế là điều vĩ đại nhất. Chúa chúng ta chính Người đã nói, “không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu hiến mạng sống mình vì bạn bè” (Ga 15:13).

Nhưng giống như điều Chúa đã làm, chết cho kẻ làm điều ác và cho kẻ ác, người ta chưa thấy bao giờ. Do đó mà chúng ta hết sức ngỡ ngàng đặt câu hỏi tại sao Chúa Kitô đã làm như vậy.

2. Thực vậy, nếu phải hỏi tại sao Chúa Giêsu chết cho kẻ ác, câu trả lời là qua cách này, Thiên Chúa giới thiệu tình yêu của Người cho chúng ta. Qua cách này, Người muốn chứng tỏ rằng Người yêu chúng ta bằng một tình yêu vô giới hạn, vì ngay lúc chúng ta còn là những kẻ tội lỗi, Chúa Kitô vẫn đã chết cho chúng ta.

Chính cái chết của Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta thấy tình yêu của Thiên Chúa, vì chính Con của Người, Đấng Người ban cho để chết mà việc đền bù đã được thực hiện cho chúng ta. Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con một của Người (Ga 3:16). Và như thế, như tình yêu Thiên Chúa Cha dành cho chúng ta được biểu lộ trong việc Người ban Chúa Thánh Thần cho chúng ta thế nào, thì bằng cách này, nó cũng được biểu lộ qua việc Người ban Con một của Người như vậy.

Thánh Tông đồ nói rằng Thiên Chúa giới thiệu, do đó muốn nói rằng tình yêu của Thiên Chúa là một điều không thể đo lường được. Điều này được chứng tỏ bằng chính sự kiện của vấn đề, nghĩa là sự kiện này: Người ban Con của Người để chết cho chúng ta, và nó cũng được chứng tỏ bởi lý do loại người chúng ta vốn là và Người đã chết cho loại người đó. Chúa Kitô được khuyến khích chết cho chúng ta không phải vì bất cứ công phúc nào của chúng ta khi chúng ta vẫn còn là những kẻ tội lỗi. Thiên Chúa (Đấng giàu lòng thương xót) ” Nhưng Thiên Chúa giàu lòng thương xót và rất mực yêu mến chúng ta, nên dầu chúng ta đã chết vì sa ngã, Người cũng đã cho chúng ta được cùng sống với Đức Kitô” (Eph. 2:4).

3. Các Kinh nguyện do Thánh Tôma Aquinô soạn

Kinh đọc trước Ảnh Chúa Kitô

Lạy Thiên Chúa giàu lòng thương xót, xin Chúa cho con nhiệt tình ước ao điều đẹp lòng Chúa, khôn ngoan tìm kiếm, thực sự học tập, và trung thành chu toàn mọi sự để ca ngợi và tôn vinh danh Chúa. Xin Chúa sắp xếp ngày sống của con để con biết Chúa muốn con làm điều gì và vì để tốt cho linh hồn con, xin giúp con làm điều đó. Xin đừng để con hãnh diện vì thành công cũng đừng thất vọng vì thất bại, đừng vênh váo vì thành công cũng đừng ngã lòng vì thất bại. Con muốn chỉ vui trong điều làm con gần Chúa hơn, chỉ buồn vì điều làm phật lòng Chúa. Con muốn không làm vui lòng hay sợ làm mất lòng bất cứ ai ngoại trừ Chúa. Vì lòng yêu mến cõi đời đời, con sẵn sàng từ bỏ những điều tạm bợ. Xin cho những niềm vui Chúa không dự phần vào làm con chán ngán. Việc làm cho Chúa là niềm vui thích, thư giãn bên ngoài Chúa là tẻ buồn. Xin dạy con năng biết hướng suy nghĩ về Chúa và cảm thấy ăn năn với quyết tâm sửa đổi khi con không làm như thế. Xin làm cho con vâng lời không cãi bướng, nghèo khó không than phiền, trong sạch không trụy lạc, kiên nhẫn không lấm bầm, khiêm nhường không kiêu căng, vui tươi không phóng đãng, buồn sầu không chán nản, nghiêm trang không nghi thức, vui vẻ không nhẹ dạ, trọng sự thật không gian dối. Xin làm con kính sợ Chúa nhưng không mất hy vọng, làm điều thiện mà không cao ngạo, sửa trị người lân cận mà không ngạo mạn, xây dựng họ bằng lời và hành động mà không giả hình.

Lạy Chúa, xin ban cho con một cõi lòng tinh thức kéo các tư tưởng viễn vông làm con xa Chúa, một cõi lòng cao thượng để không một cảm tình bất xứng nào làm nó dễ tiện, một cõi lòng ngay thẳng để không một ý định xấu xa nào có thể làm nó thoái hóa. Xin ban cho con sức mạnh để con đứng vững bất cứ thử thách nào, một tinh thần tự do để không một đam mê vũ bão nào có thể vượt thắng nó.

Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, Xin ban cho con một trí khôn để con nhận biết Chúa, một trái tim để con yêu mến Chúa, một đức khôn ngoan để biết tìm ra Chúa, một tác phong biết làm vui lòng Chúa, một dạ trung thành bền bỉ biết chờ đợi Chúa, và một lòng hy vọng cuối cùng được ôm lấy Chúa.

Giờ đây, con chấp nhận gian nan thử thách như đền tội, ơn huệ của Chúa như ơn thánh chỉ đường, niềm vui của Chúa đặc biệt như bảo đảm vinh quang trên trời.



Kinh trước khi rước lễ

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, con sắp lãnh nhận bí tích Con một Chúa là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Con đến đây như người mắc bệnh, tìm thuốc ban sự sống; như người dơ dáy tìm suối nước thương xót, như người mù lòa, tìm ánh sáng vĩnh cửu; như hành khát

thiếu thốn tìm chúa cả trời đất.

Con nài xin Chúa vì lòng nhân từ dư tràn chữa bệnh tật cho con, rửa sạch mọi ô uế của con, soi sáng cảnh mù lòa của con, làm giàu cảnh nghèo nàn của con, mặc áo cảnh trần truồng của con. Xin cho con được gặp vua các vua và chúa các chúa một cách hết sức tôn kính và khiêm nhường, ăn năn và sùng mộ, trong trắng và tin kính và ý hướng đúng đắn được ơn cứu rỗi.

Con nài xin Chúa ban ơn để con lãnh nhận không phải chỉ dấu hiệu mà còn là thực tại và quyền lực của bí tích. Ôi lạy Thiên Chúa rất nhân từ, xin cho con lãnh nhận mình Con một Chúa, là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con, mình mà Người lãnh nhận từ Đức Trinh Nữ Maria một cách khiến con được tháp nhập vào nhiệm thể Người và được kể là chi thể của Người. Lạy Cha rất kính yêu, xin Cha ban ơn để Con yêu dấu của Cha, Đấng giờ đây con lãnh nhận cách mầu nhiệm, một ngày kia, con được diện kiến mãi mãi, Đấng hằng sống hằng trị cùng Cha và Chúa Thánh Thần. Amen (1)

Kinh sau khi rước lễ

Lạy Cha toàn năng, Lạy Thiên Chúa hằng hữu, con cảm tạ Cha đã cho phép con, một kẻ tội lỗi và là đứa con bất xứng, được lãnh nhận mình và máu quý giá của Con Cha, là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con, và ơn này hoàn toàn do lòng thương xót của Cha, chứ không do công phúc của con. Con nài xin Cha cho việc rước lễ này không mang án phạt sự tội tệ của con mà là lời khẩn cầu xin ơn tha thứ. Xin cho nó trở thành áo giáp đức tin, thuẫn đỡ thiện chí; xin cho nó dập tắt thói hư, vứt bỏ mọi thèm muốn và tư dục xấu xa, gia tăng đức ái, đức nhẫn nại, đức vâng lời, và các nhân đức khác. Xin cho nó bảo vệ chắc chắn chống lại kẻ thù, hữu hình và vô hình. Xin cho nó khuất phục các xu hướng xác thịt và tinh thần, kết hợp con mật thiết với Cha, Thiên Chúa chân thật và duy nhất, và đến cuối đời con, xin Cha đem con vào hưởng hạnh phúc đời đời. Con nài xin Cha dẫn con vào bàn tiệc bất tận đó nơi cùng với Con Cha, Chúa Thánh Thần, và mọi các thánh, Cha là ánh sáng thật, là thỏa mãn hoàn toàn, là niềm vui cao cả, là vui khoái trọn vẹn, và là hạnh phúc viên mãn (2).

Kinh cầu cùng Trinh Nữ Diễm Phúc Maria

Lạy nữ trinh rất thánh và rất dịu dàng, lạy mẹ Thiên Chúa, nữ tử vua uy quyền, nữ vương các thiên thần, mẹ Đấng hóa Công, con phó thác cho lòng từ bi của mẹ, ngày này và mọi ngày trong đời con, linh hồn và thân xác con, tư tưởng, lời nói, việc làm và những điều ước muốn, và đời sống con cũng như lúc nó kết thúc, để nhờ lời cầu bầu của mẹ mọi sự được sắp xếp theo ý muốn con yêu dấu của mẹ, là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Lạy mẹ rất thánh, xin mẹ là sự giúp đỡ cho con, là đấng an ủi chống lại mọi cạm bẫy và lừa đảo của ma quỷ và mọi thù địch của con. Xin mẹ cầu xin với con yêu dấu của mẹ để con được ơn chống trả các cơn cám dỗ của thế gian, xác thịt, và ma quỷ, để quyết tâm không phạm tội nữa nhưng kiên tâm phụng sự con thần thánh của mẹ.

Lạy Đức Bà rất thánh, con cũng nài xin mẹ giúp con có được đức vâng lời hoàn toàn và đức khiêm nhường trong lòng để con thực sự biết mình là kẻ tội lỗi khôn cùng, tự mình không thể làm bất cứ điều tốt lành nào hay chống trả được cơn cám dỗ nào nếu không có ơn thánh và ơn trợ giúp của Đấng Tạo ra con và lời cầu nguyện thánh thiện của mẹ.

Lạy Đức Bà rất quý yêu, xin cũng giúp con có được sự trong trắng hoàn toàn trong linh hồn và ngoài thể xác để con phụng sự con yêu dấu của mẹ và mẹ bằng một thân xác khiết tịnh và một tâm hồn trong trắng. Xin mẹ nhận từ nơi Người cho con ơn biết tự ý chấp nhận sự nghèo

khó với một tâm trí kiên nhẫn và bình thản để con chịu đựng được các lao khổ của dòng này, cố gắng vì ơn cứu rỗi của chính con cũng như của người lân cận.

Lạy Đức Bà, con van xin mẹ giúp con có được đức ái chân thực, để, bằng trọn trái tim, con có thể yêu mến con rất thánh của mẹ, là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con và sau Người là mẹ trên hết mọi sự. Xin ban ơn để con biết yêu người lân cận vì chính họ để con vui mừng vì những điều tốt lành và đau buồn vì những điều xấu xa ở nơi họ, nhưng không bao giờ kết án hay vội vàng phán đoán, cũng như trong thâm tâm thích mình con hơn bất cứ ai. Xin cho con luôn biết kính sợ và yêu mến Con của mẹ, luôn biết ơn các ân huệ Người ban vì lòng tốt của Người chứ không vì công phúc của con. Xin cho con biết xưng thú mọi tội lỗi của con, thực lòng làm việc đền tội, và đáng được hưởng lòng thương xót và ơn tha thứ của Người. Lạy cửa thiên đàng và nơi trú ẩn của người tội lỗi, xin mẹ lo liệu để vào lúc lâm chung, con không đi chệch khỏi đức tin Công Giáo. Vì lòng nhân từ và hay thương xót của mẹ, xin mẹ cứu giúp con khỏi mọi tinh thần xấu xa và nhờ công nghiệp cuộc khổ nạn vinh quang của Người và niềm trông cậy của con vào sự cầu bầu của mẹ, xin mẹ nhận được cho con ơn Người tha thứ mọi tội lỗi của con để mẹ dẫn dắt con tới ơn cứu rỗi, khi lâm chung trong tình yêu của Người và của mẹ. Amen.

Kinh xin ơn tha tội

Lạy Thiên Chúa, suối nguồn xót thương, con, một kẻ tội lỗi, đến gần Chúa. Xin tẩy rửa con, lạy mặt trời công lý, xin chiếu rọi cảnh mù quáng của con. Lạy thầy thuốc đời đời, xin chữa lành các vết thương của con. Lạy vua trên hết các vua, xin phục hồi các mắt mắt của con. Lạy Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và con người, xin giảng hòa con. Lạy đấng chăn chiên lành, xin dẫn con chiên lạc này trở về. Ôi lạy Thiên Chúa, xin tỏ lòng thương xót cho kẻ xấu xa, lòng khoan dung cho kẻ tội lỗi. Xin ban sự sống cho kẻ đã chết, phục hồi kẻ làm điều sai quấy. Xin làm mềm lòng trái tim khép kín với ơn thánh. Ôi lạy Thiên Chúa rất mực hay thương xót, xin Chúa gọi con về khi con trốn chạy khỏi Chúa, lôi kéo con khi con chống trả Chúa. Xin nâng con lên và đỡ con khi con trở dậy. Xin hướng dẫn bước con đi. Xin đừng quên con kẻ đã quên Chúa, cũng đừng bỏ rơi con kẻ đã bỏ rơi Chúa, cũng đừng khinh chê kẻ tội lỗi.

Khi phạm tội, con đã xúc phạm Chúa, gây thương tích cho người lân cận và gây hại cho chính con. Vì yếu đuối, con đã phạm tội chống lại Chúa, lạy Cha toàn năng; vì dốt nát, con đã chống lại Chúa, Lạy Chúa Con toàn trí; vì ác tâm, con đã chống lại Chúa, lạy Chúa Thánh Thần. Và vì vậy, con đã xúc phạm đến Chúa Ba Ngôi cực thánh. Con là kẻ xấu xa biết bao! Con thường phạm tội và phạm tội nhiều xiết bao! Con đã phạm những việc xấu xa biết dường nào! Bị lôi cuốn bởi điều xấu, con đã quay lưng lại với Chúa. Làm như thế, con đã chọn để mất Chúa thay vì mất những điều con yêu thích; xúc phạm đến Chúa thay vì quay lưng khỏi những điều con nên biết sợ. Con thường phạm tội xiết bao, âm thầm, công khai, và trơ trẽn, bằng lời và bằng việc làm! Cho nên, trong sự khốn cùng của con, con khẩn nài Chúa đừng trông đến tội lỗi của con nhưng trông đến lòng tốt vô biên của Chúa. Xin khoan nhân tha thứ mọi điều con làm. Ban cho con lòng ăn năn quá khứ và khôn ngoan tinh trí đối với tương lai. Amen.

Kinh trước khi viết hay giảng giải

Lạy Đấng Tạo Dựng khôn dò, Đấng đã khôn ngoan chỉ định chín phẩm thiên thần, đặt họ trên trời trong một trật tự tuyệt vời, Đấng đã diệu kỳ thiết lập nên mọi phần vũ trụ, Đấng là nguồn ánh sáng và khôn ngoan, Nguyên Nhân Đệ Nhất, đã chiếu rọi trên sự tối tăm của tâm trí con

ánh sáng tình yêu của Chúa và lấy khỏi con hai bóng tối của tội lỗi và dốt nát trong đó con vốn sinh ra. Chúa, Đấng làm miệng lưỡi bé thơ trở thành hùng biện, xin dạy miệng lưỡi con, đổ tràn ơn thánh phúc lành của Chúa trên môi miệng con. Ban cho con sự sắc bén trong hiểu biết, duy trì lâu dài trí nhớ, dễ dàng giảng thuyết và giải thích các thực tại cao siêu, và cả nhiều từ vựng phong phú nữa. Xin linh hứng lúc khởi đầu, hướng dẫn diễn tiến, đem mọi sự đến kết thúc, Chúa là Thiên Chúa và là người thật, Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

Kinh chiêm niệm

Lạy Thiên Chúa hay an ủi, Đấng thấy không có gì nơi chúng con mà lại không do Chúa ban, con nài xin Chúa lúc lâm chung, ban cho con nhận biết chân lý quan trọng nhất, vui hưởng sự tốt lành cao quý nhất. Lạy Đấng ban ơn rộng lượng nhất, xin Chúa vui lòng ban cho cả thân xác con vẻ đẹp rạng rỡ, sự lành lợi, tinh tế và không dễ bị tổn thương. Xin ban thêm vào các điều tốt lành dư tràn này lượng dồi dào vui sướng, hội tụ mọi điều tốt lành để con được vui sướng hơn cả trong ơn an ủi của Chúa, bên dưới con trong cảnh dễ chịu của nơi chốn, bên trong con qua việc vinh danh thân xác và linh hồn, và chung quanh con qua cộng đồng gần gũi các thiên thần và người ta.

Lạy Cha rất mực thương xót, gần Cha, xin cho con biết ca ngợi năng lực của lý trí, ánh sáng của khôn ngoan, sự thỏa mãn mọi ước muốn, với các cảm xúc thấp hơn được dẹp yên. Vì trước nhan Chúa, không hề có sợ hãi nguy hiểm, mà chỉ có sự an toàn hồng phúc, hòa hợp ý chí, nét đáng yêu mùa xuân, nét tươi sáng mùa hè, nét phong phú mùa thu và cảnh an nghỉ mùa đông.

Lạy Chúa là Thiên Chúa, xin ban cho con sự sống không chết chóc, niềm vui không buồn bã, vì với Chúa luôn có tự do lớn lao nhất, an toàn thơ thới, bình an bền vững, hạnh phúc hân hoan, vĩnh viễn hạnh phúc, thị kiến chân lý, và ngợi khen. Amen.

(1) Chúng tôi xin trích dẫn 2 bản kinh dường như dịch từ Kinh trước khi rước lễ của Thánh Tôma:

1. Bản thứ nhất tìm thấy tại địa chỉ (<http://www.giadinhcongghiao.com/2020/12/oc-kinh-kinh-don-minh-chiu-le.html>) nhưng không cho biết xuất xứ:

Con lạy ơn Đức Chúa Trời có phép vô cùng hằng có vậy, con bây giờ đến chịu phép Rất Thánh này là Đức Chúa Giêsu Con thật Đức Chúa Trời: con như kẻ liệt đến tìm thầy thuốc cho sống, con là kẻ dơ dáy tìm đến mạch nước cả, con là kẻ tối tăm đến cùng hằng sáng, con là kẻ khó khăn thiếu mọi sự mà đến cùng Chúa trời đất.

Vi vậy con cầu cùng Chúa rộng rãi vô cùng chữa đã mọi tật linh hồn con, rửa sạch mọi tội lỗi con, soi sáng kéo tối, thêm phúc kéo khó trước mặt Đức Chúa Trời.

Lại xin cho được lòng kính mến, cùng ở khiêm nhường ăn năn tội lỗi, và giữ lòng sạch sẽ, cùng tin thật cho được chịu Minh Thánh Đức Chúa Giêsu là Vua cả trên hết các vua, Chúa trọng trên hết các Chúa.

Con lại xin Đức Chúa Cha, cho được chịu phép Rất Thánh này, chẳng những bề ngoài cùng

được ích trong linh hồn nữa.

Lại xin Đức Chúa Trời có lòng lành cô cùng, khi con chịu Mình Thánh Đức Chúa Giêsu, xưa bởi lòng Thánh Maria Đồng-trinh mà ra, thì kể con vào làm một cùng Đức Chúa Giêsu là Con một Đức Chúa Cha yêu lắm.

Mà con bây giờ chịu cách nhiệm được xem thấy tỏ Đức Chúa Giê Su hàng sống hằng trị cùng Đức Chúa Cha và Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng. Amen.

2. Bản thứ hai tìm thấy trong Thiên Chúa Thánh Giáo Nhứt Khóa, của Nhà In Tân Định, các tr.286-289, dài hơn và nhiều chỗ không thấy có trong bản văn của Thánh Tôma như Nữ tu Clark trích dẫn:

Con lạy ơn Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng, là Đấng hằng có đời đời, rầy con đến mà rước phép rất trọng, là Mình thánh cùng Máu thánh Đức Chúa Giêsu là Con một Đức Chúa Trời. Con là kẻ đau đớn tật nguyên, đi tìm thầy thuốc cho đặng lành. Con là kẻ dở dáy xấu xa, tìm đến mạch nước cả cho đặng sạch. Con là kẻ tối tăm, tìm đến Chúa là Đấng hằng sáng láng vô cùng. Con là kẻ khó khăn thiếu mọi sự, tìm đến Chúa cả trời đất. Vậy con dám nguyện cùng xin Chúa, là Đấng phép tắc vô cùng, lòng lành vô cùng, rộng rãi vô lượng vô biên. Xin Chúa chữa mọi tật trong linh hồn con, xin rửa những sự chẳng sạch của linh hồn con, xin Chúa soi sáng linh hồn con, kéo phải sự mê muội tối tăm, xin Chúa thêm phước lành cho con, vì con là kẻ khó khăn chẳng có công gì trước mặt Chúa, lại con dám xin Chúa cho con đặng ăn năn tội cho nên và trông cậy kính mến Chúa trên hết mọi sự cùng xin cho đặng lòng khiêm nhường và vụn sạch các giống tội lỗi; vì con khát khao mơ ước cho đặng rước Đức Chúa Giêsu ngự vào lòng con, linh hồn con bức tức ngóng trông cho đặng xem thấy mặt Chúa. Xin Chúa làm thầy dạy dỗ con, cho con biết phép mẫu nhiệm cực trọng này, cùng xin Chúa dạy vẽ cách dọn mình nên, hầu cho con đặng chịu ơn rất trọng này, chẳng những là bề ngoài mà thôi, mà lại cho đặng chịu bề trong nữa.

Ó Chúa con, lòng con kính mến trên hết mọi sự, xin hãy đến mà nuôi linh hồn con! Ó Chúa là hết mọi sự lòng con, xin Chúa hãy đến cho chóng! Ó Chúa con là mạch mọi sự lành, xin Chúa an ủi linh hồn con, thì linh hồn con sẽ đặng mọi sự ngon ngọt tiêu sái! Lạy Đức Chúa Giêsu rất yêu mến, xin Chúa ngự vào linh hồn con; dầu mà con là kẻ phạm hèn, chẳng đáng ơn cực trọng ấy, xin Chúa hãy phán một lời, thì linh hồn con liền thanh bạch hơn tuyết. Lòng con dọn mình đã sẵn mà nếu chưa dọn mình nên dám xin Chúa ghé mắt lại, thì con sẽ đặng vụn sạch mà chớ. Hôm nay, con xin Đức Chúa Cha nhân từ vô cùng cho con đặng rước Mình thánh Đức Chúa Giêsu là Con một Đức Chúa Cha rất yêu dấu lắm. Con xin hiệp một ý cùng Hội thánh và ước ao cho đặng lòng sốt sắng, kính mến Chúa thiết tha, như các thánh trên trời, hầu khi ở đời tạm này, đã chịu phép Thánh thể như của cầm, thì đặng cả lòng trông cậy ngày sau sẽ thấy Chúa con tỏ tường, sẽ ngồi một bàn cùng các Thánh Thiên đàng, hưởng một phước cảm tạ không khen một Chúa Ba Ngôi đời đời chẳng cùng. Amen

(2) Chúng tôi cũng tìm thấy 2 bản kinh dường như dịch từ bản kinh của Thánh Tôma sau khi rước lễ:

1. Bản tìm thấy ở Website ĐOCKINH.COM:

Con cảm ơn Chúa rất thánh/ là Cha có phép vô cùng hằng có vậy/ vì con là kẻ có tội chẳng có công gì cho đáng chịu ơn cực trọng Mình cùng Máu Thánh con Đức Chúa Cha,/ là Đức Chúa Giêsu/ Con xin Mình Thánh này chớ để cho con phải phạt/ lại được ích về phần linh hồn/

cùng xin gìn giữ kéo phải chước ma quỷ cám dỗ được con/ cùng cất hết nét xấu/ và cho con bỏ lòng mê sự thế gian/ Lại xin cho được lòng kính mến Đức Chúa Trời cùng yêu người/ và thêm sức chịu khó bằng lòng ở khiêm nhường chịu lụy/ cùng xuống mọi phúc đức/ Xin Minh Thánh này giữ con/ kéo phải chước những kẻ thù con thấy và xem chẳng thấy/ cùng sửa sang mọi tính trong ngoài con cho bình tĩnh/ cậy một Đức Chúa Trời cho vững/ cùng xin đem con đến tiệc cực trọng nói ra chẳng hết/ ấy là thấy Đức Chúa Cha,/ cùng Đức Chúa Con/ và Đức Chúa Thánh Thần,/ cho các thánh sáng thật no đầy mừng rỡ chẳng cùng vui vẻ trọn thanh nhàn liên./ Bấy nhiêu sự con xin/ vì Đức Chúa Giêsu Kitô là Chúa chúng con./ Amen.

2. Bản tìm thấy trong *Thiên Chúa Thánh Giáo Nhứt Khóa* của nhà in Tân Định các tr 293-294, cũng có nhiều chỗ không có trong bản dịch của Nữ tu Clark:

Con cảm ơn Đức Chúa Cha là Đấng rất thánh phép tắc vô cùng hằng có đời đời, con xưng thật con là kẻ có tội, chẳng có công gì mà đáng chịu ơn cực trọng là chịu Minh thánh cùng Máu thánh Con Một Chúa con là Đức Chúa Giêsu. Con xin Chúa chớ để cho con phải khốn, xin gìn giữ linh hồn con kéo phải chước ma quỷ cám dỗ đặng tội, cùng xin Chúa cất hết mọi nét xấu con kéo còn mê những sự hèn mọn thế gian; lại xin phù hộ cho con bền lòng kính mến Chúa trên hết mọi sự, và thương yêu mọi người như mình con vậy. Xin Chúa con thêm sức cho con bằng lòng chịu khó ở khiêm nhường vung lờ chịu lụy, cùng xin cứu lấy con cho khỏi kẻ thù, lại ban ơn sửa sang mọi việc trong ngoài con, và trông cậy, kính mến Chúa con cho vững; cùng xin đem con đến ăn tiệc cực trọng, là hiệp làm một cùng các thánh trên trời, mà xem thấy cùng ngợi khen Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, Đức Chúa Thánh Thần, cho con đặng sáng thật, mừng rỡ, thanh nhàn, vui vẻ chẳng hay cùng. Con xin bấy nhiêu sự ấy vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu là Chúa cứu con. Amen

II. Các thánh thi của Thánh Tôma Aquinô

1. Verbum Supernum Prodiens

Bản kinh này, Nữ tu Clark trích dẫn bản dịch theo thể thơ của Jane Wynne Saul, R.S.C.J. Chúng tôi xin trích dẫn bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ trong cuốn Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Kinh Sáng và Kinh Chiều, xuất bản năm 2004, tr. 858:

Ngôi Lời Chúa cao sang vĩnh cửu
Năm uy quyền bên hữu Phụ Thân,
Vào thời sau hết giáng trần,
Công trình cứu độ chu toàn ý Cha.

Trước ngày tên Giuđa phản trắc
Nộp cho phường gian ác đóng đinh,
Chúa dâng trớ cả thân mình,
Để làm lương thực trường sinh cho đời.

Minh Máu Thánh nuôi người tín hữu,
Cả hai hình bánh rượu Chúa ban,
Con người trọn vẹn đôi phần
Ngày đêm sẵn có của ăn xác hồn.

Ôi Tể Phẩm nguồn ơn cứu độ

*Nguyện mai sau mở cửa thiên đàng,
Giờ đây giữa cảnh gian nan
Xin hằng trợ lực bảo toàn cứu nguy.*

*Muôn chúc tụng dâng về Thiên Chúa
Là Ba Ngôi muôn thuở quang vinh,
Cầu mong đạt tới thiên đình,
Chúng con hưởng phúc trường sinh muôn đời (1)*

2. Pange Lingua

Nữ tu Clark cũng trích dẫn bản dịch tiếng Anh kinh này theo thể thơ của Jane Wynne Saul, R.S.C.J. Chúng tôi cũng xin trích dẫn bản dịch tiếng Việt của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ trong sách đã dẫn tr. 860:

*Nào ca hát để họp mừng mầu nhiệm
Vua muôn dân đã hiến trót thân mình
Dâng máu đào làm lễ tế hy sinh
Làm giá chuộc muôn người trên thế giới.*

*Người tự hiến cho ta nên chẳng ngại
Sinh làm con Đức Trinh Nữ vẹn toàn,
Trót cuộc đời gieo chân lý Phúc Âm
Và kết thúc bằng điếm thiêng kỳ diệu.*

*Đêm dự bữa tiệc ly cùng bạn hữu,
Khi đã dùng thực phẩm luật truyền xưa,
Người trao tay cho tất cả môn đồ
Mình Máu Thánh làm thần lương mỹ vị.*

*Câu tuyên phán của Ngôi Lời nhập thể
Đã làm cho bánh thật nên Mình Người,
Rượu nho thành bao giọt máu hồng tươi,
Mắt chẳng thấy nhưng lòng tin vững mạnh.*

*Ôi bí tích thật cao vời khôn sánh,
Ta bái thờ Chúa đang ngự nơi đây,
Nghĩ lễ xưa đâu sánh bí tích này,
Niềm tin thế cho giác quan cảm nghiệm.*

*Lòng hớn hở, cùng tán dương triều mến
Cha uy quyền và Con Một từ nhân,
Cùng tôn vinh ca ngợi Chúa Thánh Thần
Xin chúc tụng Ba Ngôi ngàn muôn thuở (2)*

3. Adoro Te Devote

Nữ tu Clark cho phổ biến bản dịch tiếng Anh theo thể thơ kinh này của Gerard Manley Hopkins. Chúng tôi xin tạm dịch bản kinh này như sau:

Con xin sót mẩn thờ lạy Chúa, lạy Thiên tính giấu ẩn,
Thiên tính thực sự hiện diện dưới các hình này.
Lòng con hoàn toàn qui phục Chúa,
Vì khi chiêm ngắm Chúa, mọi cố gắng đều không đủ.

Nhìn, chạm, nếm ở đây đều làm lẫn,
Nhưng chỉ nhờ nghe là hoàn toàn đáng tin.
Con tin tất cả những gì Con Thiên Chúa nói,
Không có gì chân thật hơn lời Chân lý này.

Trên thập giá chỉ Thần tính bị che giấu,
Ở đây cả nhân tính cũng bị giấu ẩn
Tuy nhiên, tin và tuyên xưng cả hai,
Con cầu xin những gì người ăn trộm ăn năn đã xin.

Con không kiểm tra các vết thương của Chúa như Thánh Tôma,
Tuy nhiên, con tuyên xưng Chúa là Thiên Chúa của con.
Xin làm cho con ngày càng tin Chúa hơn
Hy vọng ở Chúa hơn, yêu mến Chúa hơn.

Ôi việc tưởng niệm cái chết của Chúa,
Ôi bánh hằng sống ban sự sống cho con người,
Xin ban cho linh hồn con ơn sống nhờ Chúa,
Và luôn được nếm Chúa cách ngọt ngào

Lạy Chúa Giêsu, bỏ nông nhân ái,
Xin làm sạch con, kẻ ô uê, bằng máu của Chúa
Máu mà chỉ cần một giọt đã có thể cứu
Cả thế giới khỏi tội ác của nó.

Lạy Chúa Giêsu, Đáng mà giờ đây con thấy che giấu,
Con cầu xin Chúa làm điều con rất khát khao:
Đó là, khi được chiêm ngưỡng khuôn mặt Chúa tỏ tường,
Con sẽ hạnh phúc được thấy vinh quang của Chúa. Amen (3)

(1) Nguyên bản Latinh: Verbum Supernum Prodiens

Verbum supernum prodiens,
Nec Patris linquens dexteram,
Ad opus suum exiens,
Venit ad vitæ vesperam.

In mortem a discipulo
Suis tradendus æmulis,
Prius in vitæ ferculo
Se tradidit discipulis.

Quibus sub bina specie
Carnem dedit et sanguinem;

Ut duplicis substantiæ
Totum cibaret hominem.

Se nascens dedit socium,
Convalescens in edulium,
Se moriens in pretium,
Se regnans dat in præmium.

*O salutaris hostia,
Quæ cæli pandis ostium,
Bella premunt hostilia;
Da robur, fer auxilium.*

*Uni trinoque Domino
Sit sempiterna gloria:
Qui vitam sine termino
Nobis donet in patria*

(2) Nguyên bản Latinh: Pange Lingua

Pange, lingua, gloriósi
Córporis mystérium,
Sanguinísque pretiósi,
Quem in mundi prætium

Fructus ventris generósi
Rex effúdit géntium.
Nobis datus, nobis natus
Ex intácta Vírgine,

Et in mundo conversátus,
Sparso verbi sémine,
Sui moras incolátus
Miro clausit órđine.

In suprémæ nocte coenæ
Recúbens cum frátribus
Observáta lege plene
Cibis in legálibus,
Cibum turbæ duodénæ
Se dat suis mánibus.

Verbum caro, panem verum
Verbo carnem éfficit:
Fitque sanguis Christi merum,
Et si sensus déficit,
Ad firmándum cor sincérum
Sola fides súfficit.

Tantum ergo sacraméntum

*Venerémur cernui:
Et antiquum documéntum
Novo cedat ritui:
Præstet fides suppleméntum
Sensuum deféctui.*

*Genitóri, Genitóque
Laus et jubilátio,
Salus, honor, virtus quoque
Sit et benedíctio:
Procedénti ab utróque
Compar sit laudátio.*

Amen.

Riêng 2 khổ thơ sau cùng, giáo dân Việt Nam thường hát trong giờ Chầu Thánh Thể như sau, có thể đã dựa vào bản dịch chính thức của Ủy Ban Phụng Tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam:

ĐÂY NHIỆM TÍCH

Đây nhiệm tích vô cùng cao quý, nào chúng ta phục bái tôn thờ. Và dấu tích ngàn xưa lưu ký, phải kính nhường nghi lễ mới đây. Ta hãy lấy đức tin bù lại, nếu giác quan không cảm thấy gì.

Dâng về Chúa Cha và con Chúa, lời tán dương mừng chúc vang hoà, cùng vinh phúc quyền uy danh giá, tựa khói trầm bay tỏa ngát hương. Để tiến Chúa Thánh Linh nhân hậu, khúc tán dương cảm tạ suốt đời. AMEN.

(3) Nguyên bản Latinh: Adoro te devote

Adoro te devote, latens Deitas,
Quæ sub his figuris vere latitas;
Tibi se cor meum totum subjicit,
Quia te contemplans totum deficit.

Visus, tactus, gustus in te fallitur,
Sed auditu solo tuto creditur.
Credo quidquid dixit Dei Filius;
Nil hoc verbo veritátis verius.

In cruce latebat sola Deitas,
At hic latet simul et Humanitas,
Ambo tamen credens atque confitens,
Peto quod petivit latro pœnitens.

Plagas, sicut Thomas, non intueor:
Deum tamen meum te confiteor.
Fac me tibi semper magis credere,
In te spem habere, te diligere.

O memoriale mortis Domini!
Panis vivus, vitam præstans homini!
Præsta meæ menti de te vívere,
Et te illi semper dulce sapere.

Pie Pelicane, Jesu Domine,
Me immundum munda tuo sanguine:
Cujus una stilla salvum facere
Totum mundum quit ab omni scelere.

Jesu, quem velatum nunc aspicio,
Oro, fiat illud quod tam sitio:
Ut te revelata cernens facie,
Visu sim beátus tuæ gloriæ. Amen

Chúng tôi xin trích dẫn Bản kinh mà chúng tôi coi là bản dịch ngày xưa sang tiếng Việt của *Adoro Te Devote*, đó là Bản “Con Kính lạy Chúa Giêsu” mà Lê Đình Bảng, trong *Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam, Miền Thơ Trong Kinh Nguyện*, Phần Phụ Lục 2 nói là trích từ Các Giờ Kinh Phụng Vụ, do Ủy Ban Phụng Tự trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam xuất bản năm 1991:

Con kính lạy Chúa Giêsu,
Thật ầu trong hình bánh rượ;
Lòng con khâm ngưỡng nhìn xem,
Trí con kinh khùng rụng rời.

Tay cầm, miệng nếm, mắt xem,
Ba áy đầu dầu có ngại;
Song việc tai nghe đã phải,
Một này tin vững lòng con.

Con tin mọi lời
Con Đức Chúa Trời đã dạy;
Không lời gì khác
Hẳn bằng lời chân thật này.

Trên Thánh Giá xưa,
Tính Chúa ầu che có một;
Nay trong Bí-tích,
Tính Người gồm ầu hòa hai,

Lạy Chúa, con tin,
Cùng nguyện: xưng ra hai áy,
Dám trông phước thánh,
Ban cho kẻ trộm lành xưa.

Nay dầu không thấy Chúa con
Như thánh Tô-ma thuở trước,
Song con cũng xưng ra thật,

Chúa là thật Chúa Trời con.

Xin Chúa cho con,
Càng đặt cậy tin mến Chúa,
Cậy tin mến Chúa,
Trên hết mọi sự đùng nguôi.

Ở phép nhiệm màu
Nhắc lại ơn xưa Chúa chuộc!
Này bánh hằng sống,
Xuống nuôi khắp hết mọi người.

Lạy Chúa rất nhơn lành,
Đã nuôi con bằng Mình Thánh Chúa
Xin lấy Máu Thánh Chúa,
Mà rửa con cho sạch tội đời.

Chúa con rày ẵm nơi đây,
Nguyện sau đặt toại lòng khao khát,
Là khi hồn ra khỏi xác,
Đặng lên trời mừng Chúa chẳng cùng. Amen